

TA 1978.29/361 v.2

Gospel History of Jesus Christ  
Book II

Translated by Miss Hartwell,  
assisted by teachers in Foochow College.

Hók Ĭng Sū Gē Sū Dī.

HARVARD-YENCHING LIBRARY  
HARVARD UNIVERSITY  
2 DIVINITY AVENUE  
CAMBRIDGE, MASS. 02138

**LIBRARY A.B.C.F.M.**

Romanized-Chinese

Gospel History of  
Jesus Christ

TA 1978.29  
361 v.2

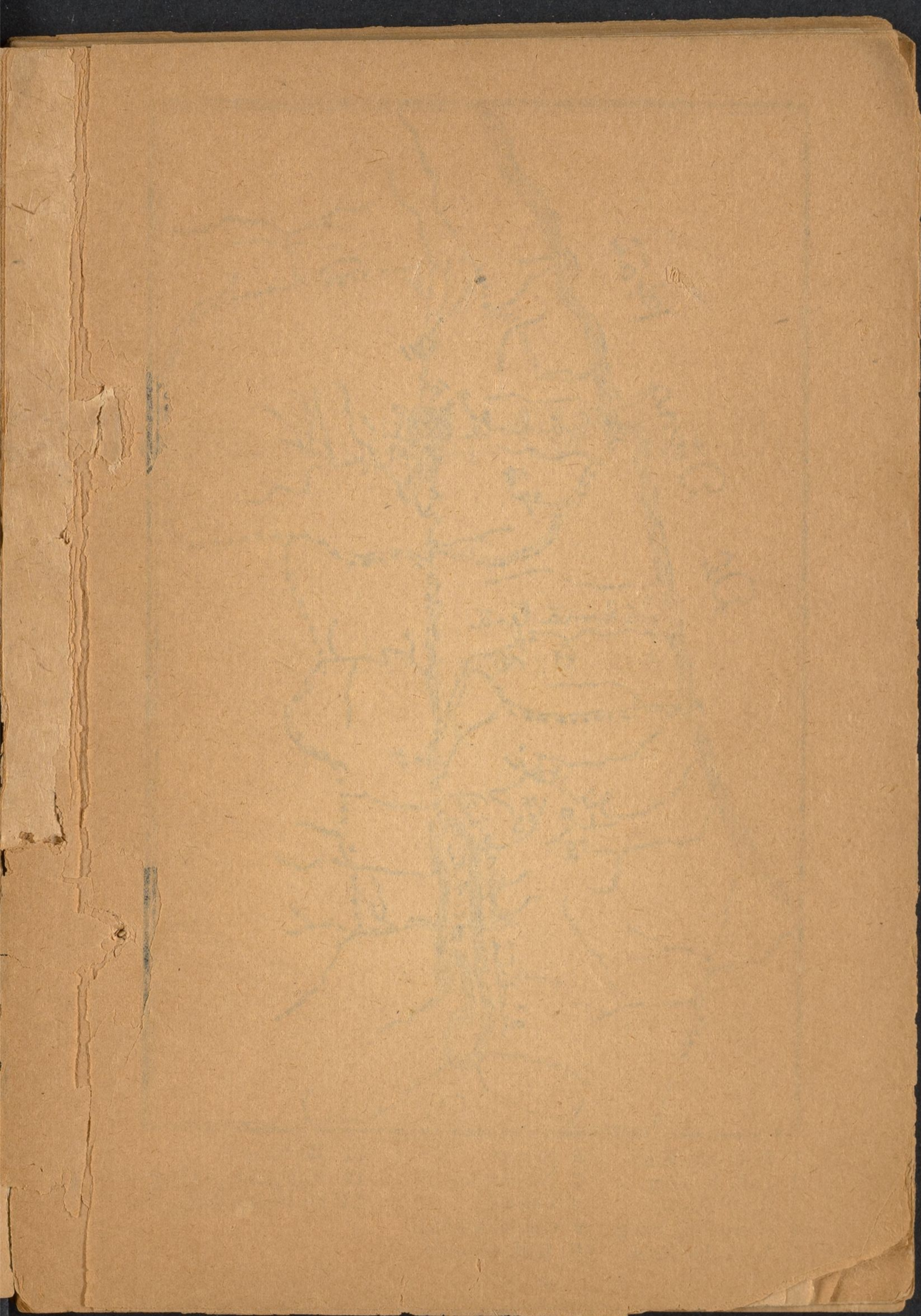
GUÔNG NÊ, X KUÓ—XXIV KUÓ.

1902

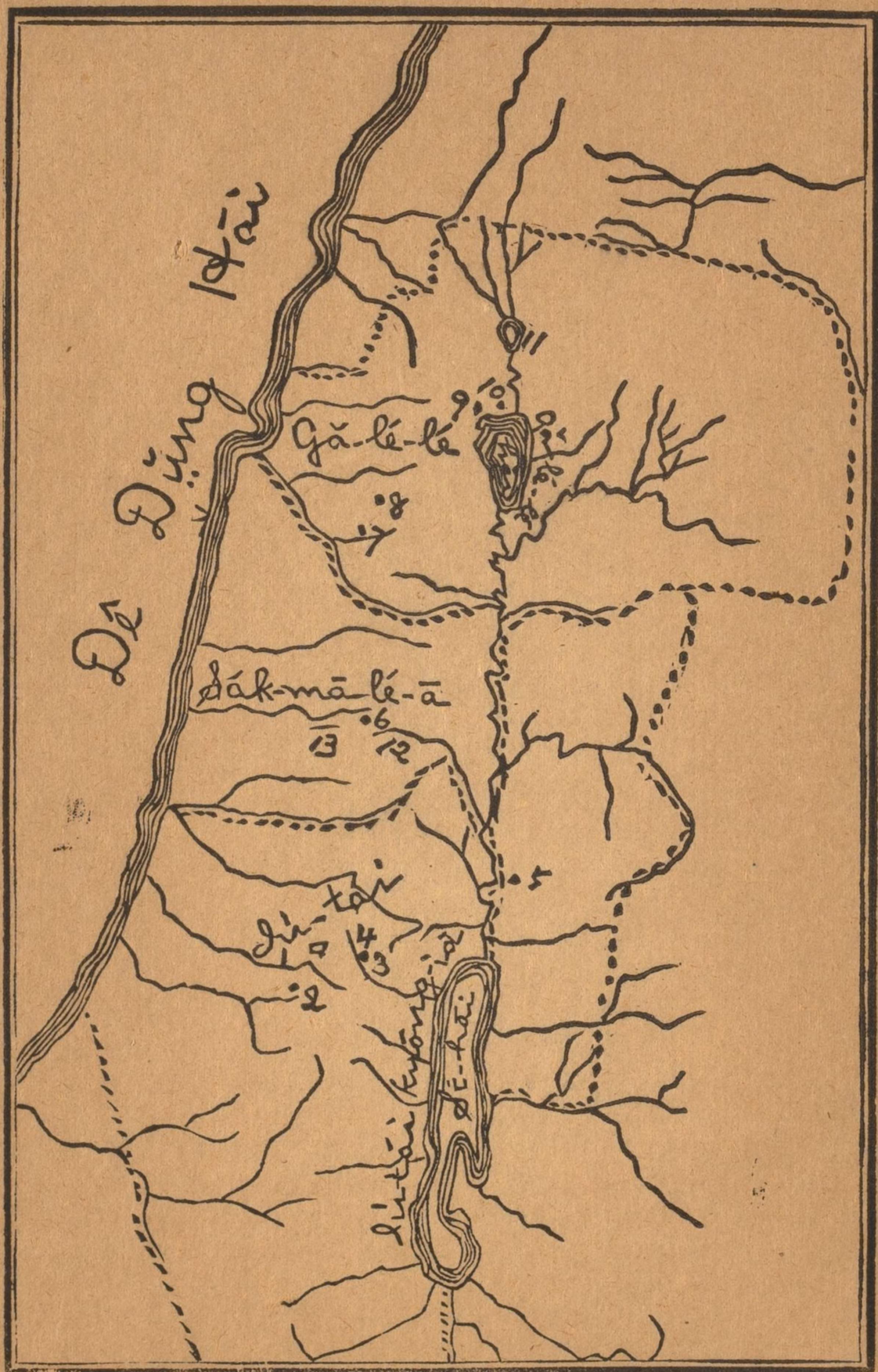


TA 1978.29/36 v.2









1 Ià-lô-sák-lēng.

2 Báik-lé-hèng.

3 Báik-dâi-nà.

4 Gāng-lāng Sǎng.

5 Báik-dâi-bǎ-lá.

6 Sêu-gǎ.

7 Nǎ-sák-lěk.

8 Giǎ-nǎ.

9 Giǎ-báik-nùng.

10 Báik-suói-dâi.

11 Mī-lùng Ū.

12 Ngā-gáuk gì Cāng.

13 Gì-lī-sǎng Sǎng.



Hók ĩng Sū Gě Sū Dǐ.

GUÓNG NĒ, X KUÓ—XXIV KUÓ.





## THE GOSPEL HISTORY OF JESUS CHRIST.

This book is the Foochow Romanized Colloquial of the second in a series of four in the intermediate grade of "The Bible Study Union Lessons" (formerly called the Blakeslee Graded Lessons), published by the Bible Study Publishing Co., 21 Bromfield St., Boston, Mass., U. S. A. It corresponds in most respects with the Mandarin translation printed at the Presbyterian Mission Press, Shanghai.

FIRST BOOK: The Life of Christ up to the close of the Early Judean Ministry. Parts I—III: 9 Lessons.

SECOND BOOK: The Galilean Ministry (completing the first half year of the lessons). Parts IV—VI: 15 Lessons.

THIRD BOOK: The Perean Ministry. Part VII: 10 Lessons.

FOURTH BOOK: Passion Week, and the Forty Days. Parts VIII, IX: 14 Lessons. Total 48 Lessons.

### NOTE TO BOOK I.

With grateful acknowledgement of the help given by several, both foreigners and Chinese, with the Romanization, proof reading and financially, this book is sent out with the earnest wish that it may help the Chinese Christians to a better knowledge of the Life of our Savior Jesus Christ.

Emily S. Hartwell.

### NOTE TO BOOK II.

On her return to the United States, Miss Hartwell asked me to finish preparing her Mss. of the Second, Third and Fourth Books of the Gospel History for publication. Special thanks are due to Mrs. G. H. Hubbard, who has given the translation a final revision. The First Book has already proved a blessing to Chinese Christians, and the remaining books of the series are sent out with the earnest wish that they may help many more to a deeper knowledge of our Lord and Savior Jesus Christ.

Caroline E. Chittenden.

PRINTED AND FOR SALE BY  
THE ROMANIZED PRESS, FOOCHOW CITY,

REV. L. P. PEET, SUPT.,

A. B. C. F. M.

1902.



## HÓK-ĪNG SŪ-GÉ SŪ-DĪ.

Dậ IV Cháh—Dậ VI Cháh.

Dậ X Kuó—Dậ XXIV Kuó

### CHINESE NOTES.

Cêng gāng-siā Dŭng Nguôi gūi-ôi gì nệng, huǎng-ik bōng-câe ciā cŭ siàng cộ Lọ-mā-cê gì cŭ, liềng dạ ciềng guōi gō. Chiék uông ciā cŭ ậ bōng-câe Dŭng guók sềng Ciō gì nệng, gáing mìnng-bẻk Ciō Ià-Sŭ Gỉ-Dók ék-sềng gì dâi.

Hâ Êng-Mi.

Lâung Hók-Īng Sŭ-gé Guóng Nê, Guóng Sǎng, Guóng Sé, cỉ sǎng buōng dŭ sê Hâ Sŭ-gŭ siàng cộ Lọ-mā-cê gì cŭ. Ciā cŭ muôi ệu-bê éng chǐng-chŭ, Hâ Sŭ-gŭ sềng diông guók, cêu gấu-dâi nù tá i siàng-cêu ciā dâi. Cỉ sậ bōng-câe gì nệng dŭng-gǎng nù dậ-ék dộ-siā Hŭ Sǐng-sǎng-niông bōng-câe nù huǎng-ik ciā cŭ. Tẻk Guóng Ék gì nệng ậ giềng-gáek Hâ Sŭ-gŭ sŭ nguông gì ô dáik éng-ngiềng lâu. Dǎng uông gáuk-nệng tẻk sŭ diông cỉ sǎng buōng gáing-gáing ậ mìnng-bẻk Ciō ék-sềng sŭ cộ gì dâi.

Dìng Gǎ-lí.

Hók-ciŭ Siàng Nội Lọ-mā-cê Cŭ-guồh Uǎk Bềng.

Ciō 1904. Guống-sệu 30 Niềng.



## HOK-ING SU-GE SU-DI.

### DẬ SẾ CHÁH.

Lâung Ià-Sũ Tàu-Huòi Diõh Gă-lé-lé Diòng Dộ: cêu diông kộ Gă-lé-lé kī gáu gēng-sōng sěk-nê muòng-sěng cī. Sỉ-hâu:—Iù Ià-Sũ gáung-sěng hâu 27 niềng 2 nguõk kī gáu 28 niềng chũ-hâ cī.

Dậ X Kuó. Lâung Ià-Sũ Tàu Huòi Diõh Gă-lé-lé Diòng Dộ.

Dậ XI Kuó. Lâung Ià-Sũ Ciều Sěk-nê Nềng Cộ Muòng-sěng, Liềng Tàu Huòi Chók Muòng Diòng Dộ.

Dậ XII Kuó. Lâung Tẻk-cữ-nềng Gậng Huák-lé-suói Nềng Ới Sỉng Ià-Sũ gì Duāng.

Dậ XIII Kuó. Lâung Ặng-sék-nik. Nềng Tàu Huòi Siék Gié Hâi Ià-Sũ.

### DẬ NGÔ CHÁH.

Lâung Dậ Nê Huòi Diõh Gă-lé-lé Diòng Dộ: cêu gēng sěk-nê muòng-sěng kī gáu kộ Gă-lé-lé báek-biềng cī. Cêu sê Ciõ gáung-sěng hâu 28 Niềng chũ-hâ kī, gáu 29 niềng Ỗ-uõk cáik cī.

Dậ XIV Kuó. Lâung Gēng Sěk-nê Sẻu-dù.

Dậ XV Kuó. Lâung Siông Sǎng Gáu-hóng.

Dậ XVI Kuó. Lâung Dậ Nê Huòi Diòng Dộ.

Dậ XVII Kuó. Lộh Gă-lé-lé Hâi-biềng Diòng Dộ.

Dậ XVIII Kuó. Lộh Gă-lé-lé Hâi-biềng Hềng Sỉng-cék.

Dậ XIX Kuó. Lâung Dậ Sǎng Huòi Chók Muòng Diòng Dộ.

Dậ XX Kuó. Lâung Diõh Giǎ-báik-nùng Hềng Sỉng-cék.

Dậ XXI Kuó. Ỗng-sik Tàu Huòi Gậng Dậ Nê Huòi Diõh Gă-lé-lé Diòng Dộ Gì Dâi.



## DẠ LỆK CHÁH.

Lâung Dạ Săng Huòi Diõh Gă-lé-lé Diòng Dộ: cêu kộ Gă-lé-lé bắk biêng kī gáu muõi huòi kộ Ià-lô-sák-lêng cī. Cêu sê Ciõ gáung-sêng hâu 29 niềng 4 nguõk 18 nĩk, cêu sê Ừ-uõk cáik gì nĩk-cī kī, gáu 29 niềng 11 nguõk cī.

Dạ XXII Kúó. Lâung Tội Kộ Gă-lé-lé Bắk Biêng.

Dạ XXIII Kúó. Lâung Ià-Sũ Siông Săng Biêng-huá, Liềng Diông Giă-báik-nùng gì Dâi.

Dạ XXIV Kúó. Lâung Chiũ Siông Ià-lô-sák-lêng.



### GENERAL TERMS.

Cháh.....	Part.	Gĩng Dạ-mẻk.....	Golden Text.
Cũng Dạ.....	Part Title.	Ciõ-găi.....	Note.
Kúó gì Dạ-mẻk,	Lesson Title.	Hô-liõh Dẻk-iẻu (Hldi),	Appendix.
Dâung .....	Topic Title.	Siẻu-ĩng.....	Introduction.
Kúó-găi .....	Lesson Talk.	Ừng-sĩk .....	Review.
Siả Éng gì Muóng .....			Written-answer Question.
Hók-Ỉng Sũ-gẻ diẻ siõh Cháh?			Which Part of the Life of
Christ? (is according to the Gospel History)			
Tàu-tàu huòi diõh Gă-lé-lé Diòng Dộ.			First Period of Galilean
Ministry.			



I. DẠ-MỆK. Huáng ọh gáuk cháh cūng dạ, liềng gáuk kuó sū lāung gi dạ-mệk, đứ sê ciông Iá-Sū sū có gáuk dēng gi dái, tiều chók tau siōh-cèng lái-lík. Huáng tẹk ciā kuó gi nệng dẻk-dẻk sềng ciông gáuk cháh cūng dạ liềng gáuk kuó sū lāung dạ-mệk gẻ sụk sê iẻu-ging. Gáuk kuó diẻ-sẻi bô ô buớng dāung gi dạ-mệk, cẻu sê ciông gáuk kuó gi dạ-mệk buớng kủi, sái tẻk gi nệng siōh káng cẻu mینگ-bẻk, ậ hiẻu-dẻk ỉ dẻng-gǎng gi chẻu-sẻu. Gáuk dāung gi dạ-mệk iả diớh gẻ sụk sê iẻu-ging.

II. GING-DẠ-MỆK. Gáuk kuó gi ging-dạ-mệk cẻu sê ciông gáuk kuó gi gáu-hóng gềng chók, sái tẻk ciā kuó gi nệng mینگ-bẻk ỉ dẻng-gǎng gi gáu-hóng. Ciā ging-dạ-mệk bô dẻk-diớh buới sụk sê iẻu-ging.

III. TỄK SỀNG-GING. Gáuk kuó sū cái Sềng-Ging ciông ciẻk cẻu sê ciông Hók-ing dẻng-gǎng iẻu-ging gi dái-gẻi gềng chók, bing ciā dái kầu lả có siōh lỏi, có ciā kuó dẻng-gǎng gi cūng-mỏ, gỏ-chủ ọh gi nệng ng tẻng ng tẻk, hẻk sê diớh ỉ chió-diẻ muới buớ gi-dỏ si-hầu, bing chẻu-sẻu tẻk.

IV. KUÓ-GAI. Ọh gả-siók gáuk kuó, cẻu sê ciông gáuk kuó dẻng-gǎng gi duái-ẻ, đứ sê lāung Iá-Sū sū có gi dái, có siōh-dạ dỏi gi lāung tau muới ậ hẻk siōh-dỏi. Iẻu-ging hẻk-sềng, diớh bǎng si-hầu, duái-siǎng tẻk cẻu ậ huới-nguô ciā ẻ-sẻu.

V. ỪNG SỈK GI MUÓNG. Gáuk kuó dẻng-gǎng iẻu-ging gi muóng, gi dẻng dạ ẻk iẻu-ging gi, cẻu sê ciông ciông-dạ duái-ẻ liềng siǎng siōh-chióng, iả diớh ciông sềng kuó gi dái gǎng hầu kuó gi dái ộ guǎng-buǎng gi. Ciā sềng muóng sê sái ọh gi nệng hiẻu-dẻk sềng hầu sū lāung gi sê siōh-iông gi dạ.



VI. ỆỤ-BÊ SIĀ-ÉNG GI MUÓNG. Sing-sǎng gá hók-sǎng diǎh sǎng cê-gǎ ệụ-bê tiō-dáung, ĩ-hâu ậ đéung gá bék-nặng. Cĩa siā-éng gi muóng dék-diǎh sá-nê ệụ-bê, diǎh bǎng lă gōng siók kũ-gǎ, ciáh ậ mǐng-bék. Muōi nĩk sũ-ậ gǎi-dǒng kék si-hâu ệụ-bê, sǎng ciǒng gáuk dǎung gi muóng cê-gǎ siǎh-dêu siǎh-dêu éng chók lĩ, siā diǎh cǎi lă. Siǒng bǎng si-hâu cệụ-iǒng cê-gǎ ậ mǐng-bék, hók-sǎng ô dǎng hiā si-hâu cệụ ậ gũi ciǎng, hâu ô diǒng si-hâu ậ tiêu chók ĩ dǔng-gǎng iéu-gĩng gi lĩ, gǎeng hók-sǎng biēng-lǎung, ciǒng-uǎng ô iáh lǒh hók-sǎng.

VII. GÁ GI HUǒNG-HUÁK. Gá Sǎng gĩng ô siǎh-iǒng dǎi dék-diǎh liú-sĩng, cệụ sê diǎh ciǒng Sǎng-gĩng iéu-gĩng gi dǎi, liēng gǎeng độ-lĩ ô sǒng guǎng gi tiêu chók, sǎi tẻk gi nặng hók-sĩk gáu sá-mĩ gi dǎi, gǎeng độ-lĩ mộ sǒng guǎng gi ng sǎi gōng-géu, giǎng ô kǎng-kĩng gǒng-buǒng, kǎng-dǎeng mĩ-muǎk gi dǎng. Bô diǎh ciǒng muōi kuó Sǎng-Gĩng dǔng-gǎng lǔng-cũng é-sẻu buǒng kũ gǎ-siók, liēng ĩ dǔng-gǎng kộ-ngĩ ôi-chẻu gǎi-dǒng cǎ mǐng. Gǎ-siók Sǎng-Gĩng dǎi ék giǎng cệụ sê buǒng kuó sũ gǎi-dǒng gǎ-siók gi uā muōi gōng, gǎ siǎh-dék-giǎng pǎng gi uā, gǎeng buǒng-kuó sũ lǎung gi mộ dǎng-dǒng tǎu muōi sǒng hǎk, chiǒng niǎh-hũng niǎh-ǒng siǎh-iǒng gi pǎng-dǎng, duái ô guǎng-ngái lǒh sĩk gi độ-lĩ. Gáu siǒng ôi si-hâu, iéu-gĩng ciǒng sũ puái cộ gi dǎi cǎi cǎ-kộ siǎh-lǎu, ng-tẻng sủ-biēng muǒng kộ. Gáu gáuk kuó diē-sẻu gáuk dǎung gi muóng diǎh sá-nê hũng-hó hók-sǎng muōi huoi siā éng diǎh cǎi siǒng-sẻu, hâu ậ gǎeng dǔng-bǎng gi hók-sǎng bĩ-piǎng, ĩ-dé cẻng-giẻng diē siǎh ciáh sê hộ.

VIII. GIỮ NGIỀ-LĨ. Buǒng kuó kĩ-tǎu cệụ sê lǎung Iá-Sá siǎh-sẻu-nặng sũ cộ gi dǎi. Sǎng bĩng siǎh-



dâung siöh-dâung tiêu chók, nâ hők-sêng tẹk ciā dâi  
 gi iáh sê ọh ĩ diē-sié sū bī-ệụ gi độ-lĩ, ng-tặng  
 chiông siáh guō-cī bô mã hiêu-dék dặng-nệ li; ĩ-dé  
 ọh ciā kuó gi nệng, dụ tẹk ciā dâi ĩ-nguôi, gáing  
 gãi-dồng liú-sing, kẹk ciā độ-lĩ có buông-sing gi muò-  
 iông. bống-câe cê-gă có hō nệng.

IX. SIĀ-ÉNG GI MUÓNG. Gáuk kuó gi muóng  
 hők-sêng iéu-ging diöh ciông dêu-éng siā diöh cê-buô  
 siông-sié, ĩ-dé hők-sêng sêng ệụ-bê siöh-tuông cê-buô  
 siöh-bā iông-bék, sêng ciông gáuk éng siā buô-buô  
 lā, dīng sing-sang gūi hō cái châu lợh cī siöh buông  
 gi cũ, ĩ-dé ệụ-bê hâu-lái cã-kō. ĩ-hâu sing-sang sū-  
 ả ciông gáuk hők-sêng gi éng sả-nê bī-piăng, hẹk sê  
 gó ô dâng tiêu chók kẹuk cụng-nệng tiăng, sãi ĩ  
 ả huôi-é, ĩng-nguông ciông sū ô gi muóng cái muóng  
 siöh-lâu sãi hők-sêng ming-bék duái ching-chū.



## DẬ IV CHÁH.

Cung-lâung Tâu Huoi Diõh Gă-lé-lé Diòng-dộ: Cêu diòng kộ Gă-lé-lé kī gáu gēng-sōng sěk-nê muòng-sēng cī.

(Iù Ià-Sũ gáung-sēng hâu 27 niềng 12 nguõk, gáu 28 niềng hâ chễ.)

37 CIÓ-GĀI. Ià-Sũ diõh Gă-lé-lé diòng độ ô buõng cộ sǎng huoi, ĩ sũ diòng gì độ, sũ cộ gì dâi, dũ bâu diõh dậ IV, V, VI Cháh nội. ĩ tâu siõh huoi cêu sê diòng gáu ciā Huák-lé-suoi nềng ọi siék gié hâi ĩ, hiā si-hâu cī, (giềng XIII kuó.) Dậ nê huoi cêu sê diòng gáu Giă-báik-nùng nềng nghiê-lâung ng gũng ĩ hiā si-hâu cī, (giềng XX kuó.) Dậ sǎng huoi, cêu sê chiũ-gié gì si-hâu, ĩ siõng Ià-lô-sák-lēng siũ Diòng-mõk-cáik, guǎng-diòng tâu siõh huoi páh-sáung niǎh ĩ, ngài nềng gì dōng buõh ệung siõh cộh ĩ, hiā si-hâu cī, (giềng XXIV kuó.) Tâu huoi gǎeng dậ sǎng huoi, muõi-huoi, ô lẹk gā nguõk-nĩk hũ òng, dậ nê huoi ô sěk gā nguõk-nĩk hũ òng. Cī sǎng huoi sũ cộ gì gěng-hũ ậ sáung dék Ià-Sũ diõh sié-gǎng sũ cộ diòng độ gì gěng-hũ dũng-gǎng gì siõh duai buáng. Ià-Sũ lộh Gă-lé-lé sũ cộ gì dâi chǎ-bók-dộ dũ sê gé lộh Mā-tái, Mā-kō, liềng Lô-gǎ gì cũ. ĩ lộh Gă-lé-lé sũ cộ gì dâi, dũ muõi-muõi lặ-bái gì dâi ĩ-nguoi, bī bẻk-nộh dâi gé gǎ-ék-buoi ciòng.

Ià-Sũ diõh Gă-lé-lé diòng độ si-hâu sũ cộ gì dâi gệung-cũng buõng cộ ngô dâung. 1. Ià-Sũ liê Nā-sák-lẹk kộ Giă-báik-nùng: 2. Cieu ngô gā nềng cộ muòng-sēng, ĩ-gáuk-nềng cêu ké kộ ĩ bàng-siòng gì sēng-é lì ciòng-sĩng cộ Ciō gěng-hũ. 3. Tâu huoi chók muòng diòng độ, lộh Gă-lé-lé. 4. Diõh Gă-lé-lé dáik cệung báh-sáng huǎng-hī, ĩ miàng-siǎng duai iòng-diòng chók kộ. 5. Iù-tái tâu-nềng cềng hiềng Ià-Sũ, gáu muõi ọi siék gié hâi ĩ sī.



## DẬ X KUÓ.

Lâung Ià-Sũ Tàu Huòi Diòh Gă-lé-lé DiòngDộ.

Mt. 14: 3—5; Mk. 6: 17, 18; Lg. 3: 18—20. Mă-tái 4: 12—17; Mk. 1: 14, 15; Lg. 4: 14—31; Ih. 4: 43—54.

GĨNG-DẬ-MỄK. Iók-hâng guồng găng hâu, Ià-Sũ gáu Gă-lé-lé, diòng Siông-Dậ guók gì Hók-ĭng gông, Nĭk-gĩ gáu lâu, Siông-Dậ guók gệung lờ: nũ-gáuk-nệng diòh huói-cội gãi-guó, séng Hók-ĭng. (Mk. 1: 14, 15.)

Séng-Gĩng lờh bằg lậ tặk. Lg. 4: 14—30.

## Séng-Gĩng Nĭk Kuó.

Bái-ék. Mt. 4: 12—17;

Isa. 9: 1—7.

Bái-nê. Ih. 4: 46—54.

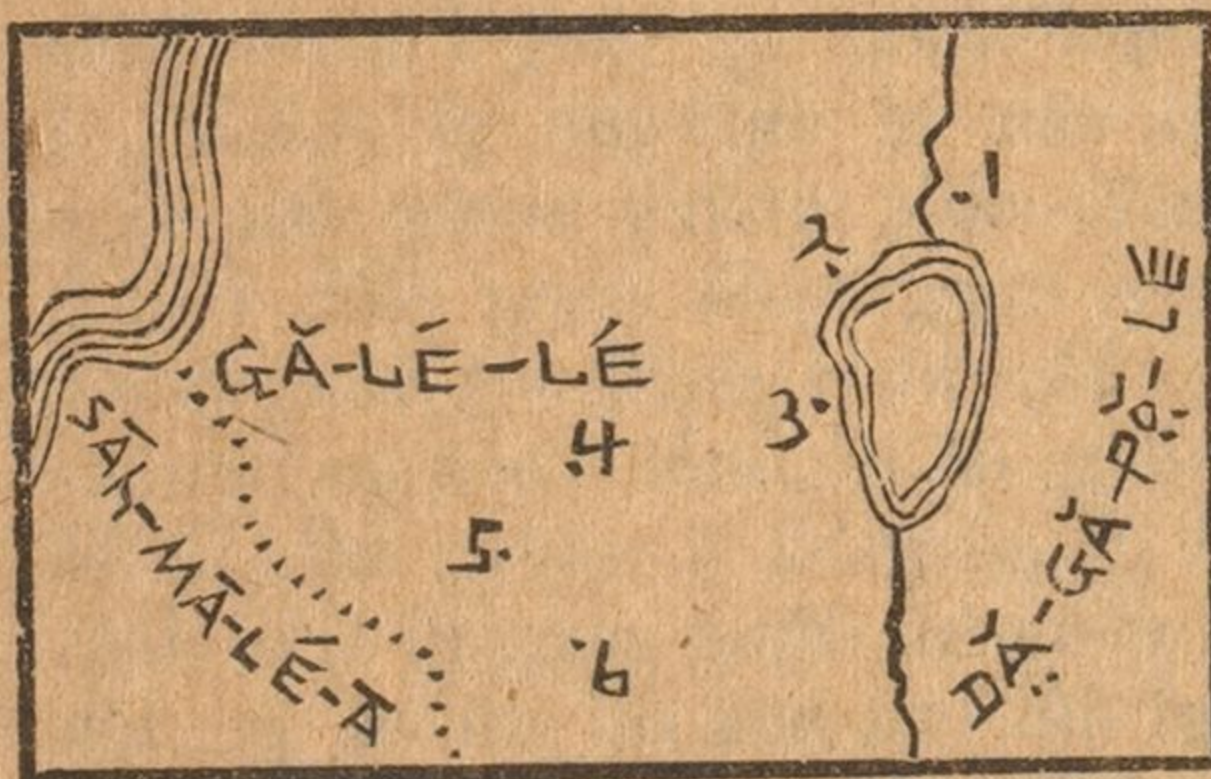
Bái-sằg. Lg. 4: 14—31.

Bái-sé. Isa. 61. cìong.

Bái-ngô. Isg. 37: 1—14.

Bái-lặk. Isg. 37: 15—28.

Lậ-bái-nĭk. Sp. 85 piềng.



1 Bái-suói-dâi.

2 Giă-báik-nùng.

3 Tì-bī-lé-ā.

4 Giă-nā.

5 Nā-sák-lặk.

6 Nā-ĭng.

## KUÓ-GĂI. Lâung Ià-Sũ Ciáh Kĩ-chiũ Diòng-dộ.

Ià-Sũ cệu liê ĩ buông hiớng Nā-sák-lặk, li Iók-dáng ở sêu Iók-hâng sặ-lặ, gáu buông kuó sũ lâung gì dâi, chặ-bók-dộ ô guó siớh niềng lâu. Dờng Cìo sêu sặ-lặ si-hâu, cệu tiềng lậ ô siắng-ĭng gông, ĩ sê Siông-Dậ gì Giăng; hâu bô lờh kuông-iā sêu mộ-gũi ché; hâu cì mĩng ĩ



sê Siông-Dá gi Gõ-Iông. Ī bô lờh Iók-dáng ọ biêng, ciêu ngô ciáh muông-sêng; bô lờh Gă-lé-lé Giă-nā dē-huông hêng siôh iông sing-cék; dũk chók Sêng dāng dũng-găng cộ sêng-é gi neng; bô diôh Iá-lô-sák-lêng gāng Nă-gõ-dī-mū gōng độ; bô lờh Iú-tái gáuk dē-huông gũ-cệu báik gā nguock-nik, lờh hũ-uái duái iêu-dông neng gi sīng, mi-dũk sū ciêu gi muông-sêng chiông giéng ciáh ô gūi gā neng.

Iá-Sū báik-diông Siē-sā-lā Iók-hāng kẹuk neng hāi sī, Ī cêu téng Sák-mā-lé-ā Sệu-gă gĩng-guó diông kộ Gă-lé-lé, miêng-dék Huák-lé-suói neng gáing sǎng kī dō-gê Ī gi sīng, Ī gi miàng-siāng i-gĩng iông-diông chók kộ lāu. Gáuk chệu gi neng dũ lā dāng-lāung Ī lờh Iá-lô-sák-lêng sū cộ gi-dék gi dāi, bô ceng huǎng-hī giéng Ī diông li. Iá-Sū diông li i-hāiu sū cộ tấu siôh iông gi sing-cék cêu sê muock hō siôh ciáh guǎng-hū gi giāng. Ciā huāng bāng gi niē-giāng, sê diôh Giă-báik-nung liē Ciō sū kộ gi ôi-chệu lẹk-sěk li. Chũi-iông diô huông, iā mậ cū-cī Iá-Sū hêng Ī gi cái-neng. Ī nā huák siôh guó uā ciā niē-giāng cêu hō kộ. Hêng cī siôh iông gi sing-cék dậ ék duái gi iáh cêu sê cī siôh ciáh guǎng-hū liêng i siôh chió neng dũ sêng Iá-Sū. Ciā dāi hāiu mộ niôh-ông, Ī cêu lờh Ī buông-hiông, Nă-sák-lẹk diôh huôi-dông lā gáu-hóng, kī-sêng báh-sáng huǎng-hī Ī sū gōng gi uā, i-hāiu biéng duái sái-sáng sêng-cé niāh Ī, buóh tiāng Ī lờh sǎng â, hāi Ī sī. Nā Iá-Sū tuák-liē i-gáuk-neng gi chiū, cêu lờh kộ Giă-báik-nung gũ-cệu hũ-uái.



Ũng-sĭk Gì Muóng.

(Giéng 37 Ció-gāi.)

1. Bìng cī gūi kuó lâung Ià-Sŭ diōh Gă-lé-lé diòng độ ô buōng có gūi huòi ?

2. Tâu siōh huòi gáu sié-nộh dâi lậ cī ? Dậ nê huòi ? Dậ sǎng huòi nĩ ?

3. Muōi huòi iók-liōk ô niōh-òng ?

4. Sié-nộh Hók-ĭng cŭ ô gé Ià-Sŭ lộh Gă-lé-lé diòng độ gì dâi siòng-sá ?

5. Diê siōh buōng Hók-ĭng cŭ lâung ciā dâi cêng ciêu ?

6. Buōng kuó sū lâung gì dâi sê gé lộh Hók-ĭng Sŭ-gé dậ gūi cháh ?

7. Cī siōh cháh sê iù sié-nộh sì-hâiu kī, gáu sié-nộh sì-hâiu cī ?

8. Cī siōh kuó dểk-dỉk ô gé sié-nộh ngô iông iéu-gīng gì dâi ?

9. Buōng kuó sê sié-nộh dậ-mẻk ? Sié-nộh Gĩng Dậ-mẻk ?



I DĀUNG. Siě-sā-lā Iók-hâng Guǒng Gǎng, Lièng Ià-Sŭ Tào Huòi Diǒh Gǎ-lé-lé Diòng Dộ.

Mt. 14: 3—5;      Mk. 6: 17, 18;      Lg. 3: 18—20;  
Mt. 4: 12, 17;      Mk. 1: 14, 15;      Lg. 4: 14, 15;  
Ih. 4: 43—45.

38 CIÓ-GĀI. Séng-Gǐng-ciék â-dā ô huàng siǒh huàng sê biêu-mìng ciā ciék sê cêng iéu-gīng.

1. Siě-sā-lā Iók-hâng diòng-dộ gì gǐng-hŭ ciǒng-iông giék-guǒh? (Lg. 3: 18—20.)

2. Ciā dāi ĩ-hāiu Ià-Sŭ cộ sié-nộh? (Mk. 4: 14, 15. Lièng buôi Gǐng-dà-mĕk.)

3. Lộh Gǎ-lé-lé nệng ciǒng-iông ciék ĩ? (Lg. 4: 14, 15.)

II DĀUNG. Lāung Ciā Guǎng-hŭ Gì Giāng. Ih. 4: 46—54.

4. Ià-Sŭ diông gáu Giǎ-nā sì-hāiu, diê-nệng lì ĩ lā giù sié-nộh? (Ih. 4: 46, 47.)

5. Chiāng sŭk Ià-Sŭ gậng ciā guǎng-hŭ sŭ páng-gōng gì uâ. (Ih. 4: 48—50.)

Ciā guǎng-hŭ ciǒng-iông biêu-mìng ĩ séng Ià-Sŭ?

6. Ciā guǎng-hŭ diông kộ sì-hāiu diǒh diô-dǒng dáik diǒh sié-nộh hộ gì séng-sék? (Ih. 4: 51—53.)



7. Cuoì ậ ciông-iông gāng-dông ciā guāng-hū lièng ỉ siōh gǎ gì nệng? (Ih. 4: 53.)

III DÂUNG. Ià-Sū Tào Huòì Diōh Nā-sák-lěk Kéuk Nệng Iéng-ké. Lg. 4: 16—30.

8. Ià-Sū hâu bô gáu sié-nộh siàng, lộh ǎng-sék-nik Ỉ kộ diê ôi-chéu? (Lg. 4: 16.)

39. CIÓ-GĀI. Iù-tái nệng gì huôi-dòng gāeng nù-gáuk-nệng gì lā-bái-dòng chǎ-bók-dộ siōh-iông. Guāng huôi-dòng gì nệng, bìng liê, diōh chiāng siōh ciáh nệng tẹk Gô-Iók lièng kũ-gǎ ciā é-séu.

9. Ià-Sū tẹk sié-nộh Séng-Gǐng lāung Ỉ buōng-sǐng sê Mī-Suói-Ā? (18—21 ciék.)

10. Báh-sáng chũi-iông kī-sěng huǎng-hī Ỉ gì uâ, ỉ-hâu ciông-iông nghiê-lāung Ỉ? (22 ciék.)

40. CIÓ-GĀI. Ỉ-gáuk-nệng é-séu sê siōng gōng Ià-Sū, nâ sê Iók-sáik gì giāng, mộ dǎng-dǒng cộ Mī-Suói-Ā chiông siēng-dĩ sū êu-ngiòng gì.

11. Ià-Sū gōng ỉ-gáuk-nệng ọi Ỉ cộ sié-nộh? (23 ciék.)

12. (25—27 ciék) Dǒng Ià-Sū sǎi ỉ-gáuk-nệng gé-dék-kī, sǐng-cék iū-sì huāng kéuk Ê-bǎng-ìng dáik kộ, ỉ-gáuk-nệng cêu buóh ciông-iông hâi Ià-Sū? (28, 29 ciék.)



13. Ià-Sū ciōng-iông tuák-liê ĩ gì chiū? (30 ciék.)

IV DÂUNG, Ià-Sū Buǎng Kó Giǎ-báik-nùng. Mt. 4: 13—17.  
Lg. 4: 31.

14. Ī-hâiu Ià-Sū kó dĕng-nĕ? (Lg. 4: 31. Mt. 4: 13.)

15. Cuòi sê éng-ngiêng sié-nộh êu-ngiòng? (Mt. 4: 14—16.  
buôi 16.)

Gáu-hóng Cūng Muóng.

16. Ià-Sū diōng gáu Gǎ-lé-lé, duái dáik sié-nộh cài-nèng? (Lg.  
4: 14.)

17. Ià-Sū ĩ-hâiu gōng sié-nộh lāung Siông-Dạ dĭng huǎng-hĩ  
sĕu Sĕng-Sìng kĕuk nù-gáuk-nèng? (Lg. 11: 13. buôi.)

18. Ià-Sū hĕng sĭng-cék muők hō guǎng-hū gì giāng, ô sié-nộh  
sáung sê dạ ék gì-dĕk? Giǎ-nā liê Giǎ-báik-nùng niōh huông?

19. Chiāng sŭk gó ô sié-nộh bāng-nĕng, Ià-Sū gó muôi giĕng  
diōh, ĩ-gĭng muők hō. (Lg. 7: 1—10; Mk. 7: 25—30.)



20. Ià-Sū gâeng Nā-sák-lĕk nĕng gōng, Ĩ ô sĕu dù-iù cộ sié-nộh ngô iông gì dâi? (Lg. 4: 18—19.)

1.

2.

3.

4.

5.

21. Ĩ gōng ciā uâ sié-nộh é-sĕu? Ĩ ciông-iông tá nĕng cộ cĭ ngô iông gì dâi?

#### Séng-Gĭng Ũng-sĭk Gì Muóng.

1. Diê sǎng buōng Hók-ĭng cũ ô gé Ià-Sū sĕu sǎ-lǎ gì dâi?
2. Gūi buōng Hók-ĭng cũ ô lāung Ià-Sū sĕu ché-liêng?
3. Diê siōh buōng cũ, diê siōh ciông ô lāung Ià-Sū tàu siōh bōng ngô ciáh muóng-sĕng? Lāung Nà-gỗ-dĩ-mũ nĩ? Lāung Ià-Sū gâeng Sák-mā-lé-ā cũ-niông-nĕng gōng độ nĩ?

4. Chiāng tĕk Iók-hâng 4: 24.

5. Cậ buôi hĕk-sê cậ tĕk Ih. 4: 13, 14; Ms. 21: 6; 22: 17.

Cĭ sǎng ôi-chĕu Séng-Gĭng gá nù-nĕng sié-nộh?

6. Lāung Ih. 3: 16. iâ ô nĕng káng cĭ siōh ciĕk sĕ Séng-Gĭng dŭng-gǎng dậ ék bō-buói gì uâ, chiāng cậ buôi.

7. Lộh bǎng lậ gáuk-nĕng dŭ gĕng Séng-Gĭng-ciĕk siōh ciĕk, kĕuk bĕk-nĕng tộ, liêng tĕk.

DẬ XI KUÓ. Lāung Ià-Sū Ciĕu Sé Gǎ Nĕng Cộ Muóng-sĕng, Liêng Tàu Huói Chók-muóng Diông Độ.

Mt. 4: 10—23. 8: 24, 14—17. Mk. 1: 16—45; Lg. 4: 31—44;

5: 1—19.



GĪNG-DẠ-MỆK. Ià-Sũ giàng Gă-lé-lé sėj̄u chėj̄u, lợh gáuk huôi-dòng gáu-hóng diòng tiếng-guók Hók-ĭng gì độ-lĩ, liềng muők báh-sáng gáuk cụng gì cỉk gậng bậng-tiáng. (Mt. 4: 23.)

Séng-Gĩng lợh bậng lặ tặk. (Mk. 1: 35—45.)

Séng-Gĩng Nĩk Kuó.

Bái-ék, Mt. 4: 18—23. Bái-sé, Mk. 1: 16—34.

Bái-nê, Lg. 5: 1—11. Bái-ngô, Mt. 8: 2—4. Mk. 1: 34—45.

Bái-săng, Lg. 4: 31—41. Bái-lặk, Lg. 4: 42—44.

Lặ-bái-nĩk, Sp. 40.

KUÓ-GĀI. Cĩ siớh kuó lậung Ià-Sũ tậu siớh huôi kiề lợh Gă-lé-lé hậi-biềng, cậu sê cĩ siớh nĩk Ià-Sũ cậu Bĩ-dáik, Ặng-dáik-liềk, Ngậ-gáuk, Iók-hậng siậ kộ cậ nộh gặng ĩ. Cĩ sé gậ nệng dặng-gậng, sậng ciáh sê Ià-Sũ sệng siớh niềng lợh Iók-dậng ộ biềng tậu siớh huôi sủ gệng-sộng gì. Dộng Ià-Sũ lợh Iậ-tậi diòng-độ si-hậu, cĩ gủi ciáh muông-sệng cụng ô gậng ĩ siớh-dỏi; nậ Ià-Sũ diông kộ Gă-lé-lé hậu, ĩ-gáuk-nệng hộ chiông bô diông kộ cậ-gậ sụng lặ cái tộ ngậ, nậ Ià-Sũ buớh kĩ-chiũ sậi ĩ độ-lĩ hậng-uông, ỉng ciông-uậng ội gủi ciáh muông-sệng siông-siông gậng ĩ siớh-dỏi. Gộ-chậ ô siớh nĩk, ĩ cậng cậ kĩ li lợh kộ hậi-biềng hủ-uái, giềng cĩ sé gậ nệng lặ sậ mậng; ĩ-gáuk-nệng ô lộ-kủ siớh buớ lậu, dủ mộ nộh dáik. Ià-Sũ giều ĩ tậng kộ chểng gì ôi-chếu, lợh hủ-uái ĩ-gáuk-nệng duái chậuk-ngáuk, ỉng ĩ guô-iông dáik ù-sộ gì ngậ. Hậu Ià-Sũ cậu mệng ĩ-gáuk-nệng gặng ĩ, cộ tộ nệng gì nệng. ĩ-gáuk-nệng cậu huậng-hĩ gặng Ciô, gậng ĩ siớh-dỏi gáu Ciô si gì nĩk-cĩ.



Guó siōh lā-bái, Ià-Sū lōh ăng-sék-nĭk hêng ô sâ sĭng-cék, gó-chū nĕng chĭng ciā nĭk cộ, sĭng-cék gi nĭk.

Tàu siōh iông gi sĭng-cék, cêu sê diōh huôi-dòng lā dŭk chók siōh ciáh siá-gūi. Dậ nê iông lōh Bī-dáik gi chió, ệung chiū muỗ Bī-dáik gi diông-nā, muỗk ĩ gi iěk-bâng. Cī lāng iông gi sĭng-cék dồng hŭ siōh nĭk iông-diông tŭng-siáng gáuk-chệu. Gáu nĭk-tàu lōh sảng hâu, cêu sê ăng-sék-nĭk guó gi si-hâu, cêu ô sâ nĕng dái gáuk cŭng gi bâng-nĕng cả li. Ià-Sū dŭ muỗk ĩ hō.

Dậ nê cā Ià-Sū gậng ĩ muông-sĕng tàu siōh huôi kộ Gă-lé-lé gáuk siáng, gáuk hiông, lōh huôi-dòng diông-dộ, liêng hêng ô sâ sĭng-cék, gi-dŭng nâ gé sé iông. Ô siōh ciáh gŭ-lộ li ĩ lā gōng, Ciō Nŭ nâ kĭng cêu ậ sâi nguāi táh-gáik. Ià-Sū muỗ ĩ gōng, Nguāi kĭng, ciā lāi cêu táh-gáik kộ. Cī siōh huôi sâi cệung-nĕng duai cháuk-ngáuk, mộ lāung Ià-Sú kộ dĕng-nĕ báh-sáng dŭ cệ lā káik ĩ.

#### Ừng-sĭk Gì Muông.

1. Cī gūi kuó sū lāung gi dái sê gé lōh Hók-ĭng Sū-gé dậ gūi cháh?
2. Cī siōh cháh sū gé gi dái ô niōh-òng?
3. Ô sié-nộh dái siā cī siōh cháh gáing iéu-gĭng?
4. Diōh Gă-lé-lé diông-dộ gệung-cŭng buông cộ gūi huôi?
5. Tàu siōh huôi gáu sié-nộh dái lā cī? Dậ nê huôi nĭ? Dậ sảng huôi nĭ?
6. Siĕ-sā-lā Iók-hâng diông-dộ gi gĕng-hŭ ciông-iông sák?
7. Ià-Sū cêu cộ sié-nộh?
8. Ià-Sū lōh Giă-nā dĕ-huông sū cộ dậ nê iông gi sĭng-cék sê sié-nộh? Dậ ék iông nĭ?
9. Lōh Nā-sák-lĕk



hiông, neng ciông-iông káng-dâi Ià-Sū? 10. Ciō ĩ-hâiu gŭ-cêu diê ôi-chêu? 11. Buông kuó lăung sié-nôh? Gŭng-dà-mĕk sié-nôh nĭ?

I DÂUNG. Ciêu Sé Ciáh Muông-sĕng.

Mt. 4: 18—22. Mk. 1: 16—20. Lg. 5: 1—11.

1. Lõh Gáik-nà-sák-lĕk ù biĕng diông-dộ sĭ-hâiu Ià-Sū sôĩ lõh dĕng-nĕ? (Lg. 5: 1—3.)

2. Gông cũ uông, ĩ giêu Să-muông có sié-nôh? (Lg. 5: 4.)

3. Să-muông bìng Ià-Sū sū gông gì uâ kộ có, ô ngĕu diõh sié-nôh? (Lg. 5: 5—7.)

4. Să-muông Bĭ-dáik káng ciā dâi cêu ciông-cộ? (8, 9.)

5. Ià-Sū ĩ-hâiu gâeng Să-muông, Ăng-dáik-liĕk gông sié-nôh? ĩ lăng gā neng cêu ciông-cộ? (Lg. 5: 10, 11. Mk. 1: 16, 17.)

6. Ià-Sū ciā sĭ-hâiu gó ô ciêu diê-nĕng, ciā neng ciông-iông có? (Mt. 1: 19, 20.)



7. Gì-dŭng diê-nèng sê tàu-huòi sū ciêu gì ngô gā nèng?  
(Ih. 1: 40—42.)

43 CIÓ-GĀI. Cūng sê diòng-dộ Iók-hâng, Ngā-gáuk gì hiăng-diê, cêu sê ĩ ciā sì-hâu gâeng Ăng-dáik-liěk siōh-dõi.

II DĀUNG. Lộh Giă-báik-nùng Hèng Sìng-cék Gì Nĭk.

Mt. 8: 14—17. Mk. 1: 21—34. Lg. 14: 31—41.

8. Hâu siōh lậ-bái lộh ăng-sék-nĭk, Ià-Sũ kộ dặng-nē, có sié-nộh?  
(Mk. 1: 21.)

9. Báh-sáng káng Ià-Sũ gáu-bóng hò-ù?  
(Mk. 1: 22.)

10. Hũ siōh nĭk lộh huôi-dòng bô ngêu diōh sié-nộh dái?  
(Mk. 1: 23—26.)

11. Káng ciā dái gì nèng ciông-iông lâung?  
(Mk. 1: 27.)

12. Ià-Sũ iù huôi-dòng diông kộ bô có sié-nộh?  
(Mk. 1: 29—31.)

13. Hũ siōh buổ diê-nèng cè lộh muòng-sèng? ĭng sié-nộh iòng-gó nĭ?  
(Mk. 1: 32, 33.)

44 CIÓ-GĀI. Bìng Iù-tái nèng gì liê, ăng-sék-nĭk nâ muôi guó, nèng dũ mọ-dăng-dống kộ cộ ciông-uâng gì dái. Iù-tái nèng káng nĭk-tàu lộh săng hâu, cêu sảung sê ăng-sék-nĭk guó lâu.



14. Ià-Sū tá cī sậ bâng nệng ciông-iông có? (Mk. 1: 34 Mt. 8: 16.)

III DÂUNG. Lộh Gă-lé-lé Tầu Siôh Huòi Chók Muông Diông Độ. Mt. 4: 23; 8: 2—4. Mk. 1: 35—45. Lg. 4: 42—44; 5: 12—16.

15. Ià-Sū dạ nê cā cêng cā kộ dặng-nệ? Ciông-gì nỉ? (Mk. 1: 35.)

16. Diê-nệng gặng ĩ, ỉng sié-nộh iông-gó? (Mk. 1: 36, 37. Lg. 4: 42.)

17. Ià-Sū có sié-nộh? (Mk. 1: 38, 39. Lg. 4: 43, 44. bô Gĩng-dà-mặk.)

18. Chiăng sủk ĩ lộh diô-dống sỉ-hâu sū hềng siôh iông gì sùng-cék? (Lg. 5: 12—16.)

Gáu-hóng Cưng Muông.

19. Ciông-gì Ià-Sū ọi ĩ muông-sềng siā kộ sềng-ngiẻk lì gặng ĩ? ĩ gông có tộ nệng gì nệng, sê sié-nộh é-sẻu? (Mk. 1: 17.)

20. Hiềng-sỉ Gỉ-Dók ciông-iông ciều nệng có ĩ gì gặng-hủ? Nù-nệng ạ tá ĩ có sié-nộh?



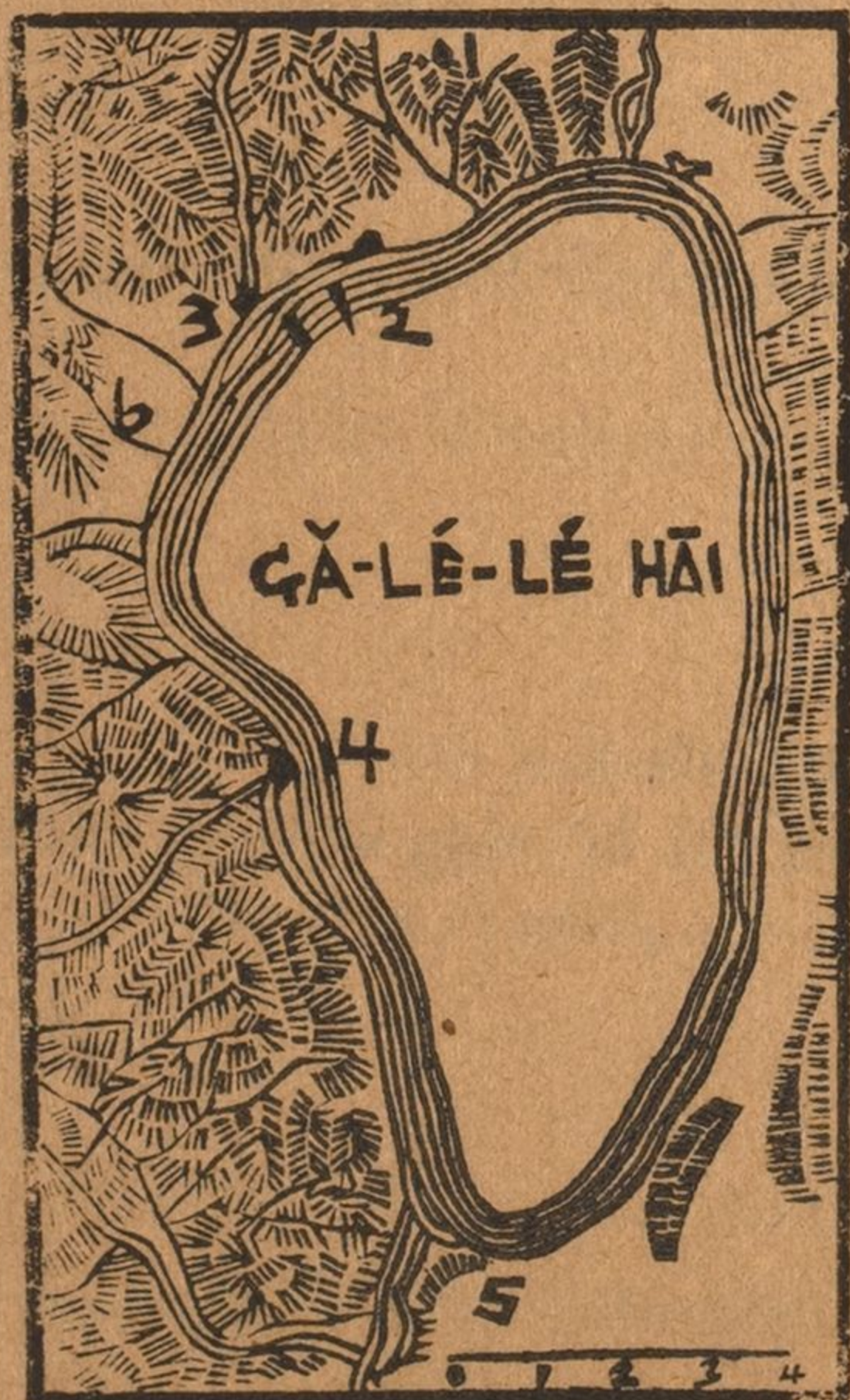
21. Chiāng sūk hêng s̄ng-cék gì n̄k, hū siōh buō l̄h Bī-dáik chió muòng s̄ng gì c̄ng-gīng?

22. Buōng kuó sū l̄ung Ià-Sū sū hêng gì d̄ai, ḡeng b̄k ôi-ch̄u sū hêng gì d̄ai, ô sié-n̄h ḡauk-iōng?

Séng-Gīng Ũng S̄k Gì Muòng.

1. L̄h Gô-Iók cū l̄ Gă-lé-lé h̄i bô miàng sié-n̄h? (Msg. 34: 11. Ic. 12: 3.)

2. ĭng h̄i biēng ô siōh c̄ siàng, ciā h̄i bô miàng sié-n̄h? (Ih. 6: 1.)



1. Gō-lăk-séng.

2. Báik-suói-d̄ai.

3. Giă-báik-n̄ng.

4. Tī-bī-lé-ā.

5. lók-dáng Ồ.

6. Gáik-n̄-sák-l̄k b̄ng-d̄e.



3. ĭng sǎ sié ô lâ bàng-iòng ciā hāi bô miàng sié-nóh? (Lg. 5: 1.)

4. Gêung ù gì báek-sié, ô dié sǎng cộ siàng, Ià-Sū gōng, ô sié-nóh duāi cǎi, buóh gáu ciā siàng? (Mt. 11: 21—24.)

5. Ià-Sū lǒh ciā ù biěng, hěk sê ù dǔng-gǎng, ô cộ sié-nóh ngô iông gì sǐng-cék?

1. Lg. 5: 4—7.

2. Lg. 8: 22—25.

3. Mt. 14: 24—33.

4. Mt. 17: 24—27.

5. Ih. 21: 1—14.

6. Chiāng sǔk ciā ù sǔu-huǒng-hióng gì dē-gái, sê sǎng-niǒh-sék?

DẬ XII KUÓ. Lâung Tǔk-cǔ-nềng Gâeng Huák-lé-suói Ới Sǐng Ià-Sū Gì Duāng. Mt. 9: 2—17. Mk. 2: 1—22. Lg. 5: 17—39.

45 CIÓ-GĀI. Siông siǒh kuó sê lâung Ià-Sū diǒh Gǎ-lé-lé kī-chiū dǎik duāi miàng-siǎng. Cī siǒh kuó sê lâung tǔk-cǔ-nềng gâeng Huák-lé-suói nềng kī-chiū dǎ-dǐk Ià-Sū. ĩ dǐk-tàu dǎ-dǐk gáu cái guó siǒh niềng, ĩ-gáuk-nềng lǒh Giǎ-báik-nùng nghié-lâung Ià-Sū, ĩ-dé Ià-Sū diǒh cǎu kộ Gǎ-lé-lé báek biěng gì dē-huǒng, tuák-liê ĩ gì chiū. (giéng 22 kuó.)

GĨNG-DẬ-MỆK. Nâ sǎi nū hiêu-dék ĭng-Cū diǒh dē lâ ô guòng-báng siá cội ĩ cêu gâeng hǔng-niông gì nềng gōng, Nguāi gâeng nū gōng, Kī lì dò nū gì kǎung-chòng diông kộ nū chió lâ. (Mk. 2: 10, 11.)



Séng-Gĭng lŏh bǎng lă tĕk. (Mk. 2: 1—12.)

Séng-Gĭng Nĭk Kuó.

Bái-ék, Mk. 2: 1—12.

Bái-sé, Mt. 9: 1—17.

Bái-nê, Mk. 2: 13—22.

Bái-ngô, Lg. 5: 17—32.

Bái-sǎng, Sp. 103 piêng.

Bái-lĕk, Isa. 58 ciông.

Lă-bái-nĭk, Isg. 18: 20—32.

KUÓ-GĀI. Lăung pǎng-lăung Iá-Sŭ sǎng iông gi dâi. Báh-sáng cháuk-ngáuk ciā siông-lâi gi nĕng dáik muók hō, ĩ-hâiu Iá-Sŭ sŭ-â diông kó Giă-báik-nŭng. Báh-sáng siŏh báik-diông Ciō diŏh chió-diē, cêu cĕ kó giéng Ī. gáu muông-sĕng kĕng-dê dŭ káik muāng kó. Gi-dŭng ô siŏh ciáh hŭng-niông gi nĕng, đō káung-chông lă, ô sé ciáh nĕng gōng ĩ li. Ī hiĕu-dék lău mậ káik-dék-diē, nâ ĩ mậ-ŭng-dék mậ giéng diŏh Iá-Sŭ. Lŏh hŭ-uái ô lă giĕ-cộ tấu gáu chió-dĭng. Gó-chŭ ĩ gáuk-nĕng cêu gōng hŭng-niông gi nĕng siông kó. Ciông chió-nguâ-dĭng tiáh siŏh kĕng, dáu hŭng-niông gi nĕng lŏh kó, bóng Iá-Sŭ méng-sĕng, Iá-Sŭ káng-giéng ciā nĕng bók-cĭ nâ sĭng-tă diŏh muók, gó ô nŏi-sĭng iâ diŏh muók, gó-chŭ cêu gâeng ĩ gōng “Siĕu-cŭ nŭ cội siá lău”, ô dó-gê Iá-Sŭ gi tĕk-cŭ-nĕng diŏh hŭ-uái, cêu biéng-méng sŭ-â ngĭ-ngiê gōng, “Ciā nĕng gōng siék-dŭk gi uâ. Dŭ Siông-Dá ĩ-nguôi mậ nĕng ậ siá cội”. Iá-Sŭ hiĕu-dék ĩ é-sĕu. Cêu méng hŭng-niông gi nĕng đō káung-chông diông kó. Ī cêu đōng cĕung-nĕng méng-sĕng giáng kó. Ciông-uāng biĕu-mĭng Iá-Sŭ ô guông-báng iâ ậ siá cội.

Hâiu mậ-niŏh-ông Iá-Sŭ iâ ciĕu Mă-tái li cộ Ī muông-sĕng. Mă-tái sê siŏh ciáh suói-lê gi nĕng, cĭ siŏh đĕng



cêu sê Iù-tái nẹng sū káng-kĭng gi. Mā-tái tá Ià-Sū siék duài iéng-sĭk, iâ chiāng bĕk-ciáh suói-lê cạ siáh.

Tĕk-cŭ-nẹng gạeng Huák-lé-suói nẹng giéng Ià-Sū gạeng cĭ siōh dēng gi nẹng cạ siáh, cêu cáik-bê má Ĩ. Nâ Ià-Sū gōng, Nguāi li ng sê géu nghiē-ĭng, sê géu cội-nẹng huói-cội gāi-guó. Ĩ-hāiu Ià-Sū gi siū-dĭk bô muóng Ĩ, Ciōng-gi ng bing gô-dạ gi liê lāung géng-siáh, Ià-Sū éng ĩ gōng, Gū-cā gi ngi-ùng giĕ-gū mạ bāu-háng Ĩ sĭng gi gáu-hóng. ĭng cĭ gūi-ióng gi ióng-gó, tĕk-cŭ-nẹng gạeng Huák-lé-suói nẹng cêu cĭ kạ kĭ-chiū hiéng-hāung Ià-Sū.

#### Ũng-sĭk Gì Muóng.

1. Hiéng-cài nù-gáuk-nẹng tĕk lāung Ià-Sū diē siōh Chák gi dāi ?
2. Chiāng ciéu chéu-sĕu sŭk siōng gūi Cháh ?
3. Ià-Sū tàu-huói diōh sùng lā diòng độ sê lŏh sié-nŏh ôi-chéu ?
4. Ĩ ciéu diē sé ciáh gi muóng-sĕng liê tŏ ngŭ gi dāi, li gŭng Ĩ ?
5. Muôi ciéu ciā muóng-sĕng sĭ-hāiu, Ià-Sū ô hèng sié-nŏh sĭng-cék ?
6. Lŏh Giă-báik-nùng, dŏng hèng sĕng-cék gi nĭk, Ĩ ô hèng sié-nŏh sĭng-cék ?
7. Dạ nê cā cĕng cā Ĩ kĭ-sĭng kŏ dĕng-nĕ ?
8. Ĩ lŏh diô-dŏng cŏ sié-nŏh ?
9. Chiāng sŭk hŭ siōh sĭ sū hèng siōh iông gi sĭng-cék ?
10. Lŏh Gô-Iók hŭ-diē Gă-lé-lé hāi bô miàng lŏ sié-nŏh ? Bìng Sĭng-Iók ô sié-nŏh sǎng gā miàng ?
11. Bnōng kuó lāung sié-nŏh ? Gĭng-dạ-mĕk sê sié-nŏh ?

I DĀUNG. Sé Gā Nẹng Gŏng Hŭng-niōng Gì Nẹng. Mt. 9: 2—8. Mk. 2: 1—12. Lg. 5: 17—26.



1. Ià-Sū tàu-huòi diòng-dộ ĩ-hâu bô diōng kộ sié-nộh dê-huống? (Mk. 2: 1.)

2. Báh-sáng siōh tiăng-giéng ĩ diōh hũ-uái cêu ciōng-cộ? (2 ciék)

3. Ô nệng dái diê-nệng lị Ià-Sū lậ muốk? Ciōng-iông dái ĩ lị? (Mk. 2: 3.)

4. Ciā bâng-nệng gì bệng-iū ciōng-iông bóng ĩ lộh Ià-Sū méng-sèng. (Mk. 2: 4.)

46 CIÓ-GĀI. Iù-tái nệng gì chió-nguâ-dĩng sê bàng gì, iū-sì nguâ-dĩng iâ ô kěk siōh puố gì, iū-sì tù-ciōng dêu chāu-gō dù lộh chió-dĩng nghiōng-bēng lậ.

5. Ià-Sū sềng gậng ciā nệng gōng sié-nộh? (Mk. 2: 5.)

6. Tẻk-cữ-nệng lậng ciā dái, ciōng-iông siōng nỉ? (Mk. 2: 6—7.)

7. Ià-Sū ciōng-iông biēng-mìng, ĩ ô guòng-báng ậ siá cội? (Mk. 2: 10—12.)

47 CIÓ-GĀI. Ciā mìng-chòng nâ sê siōh chòng bộh gì ỳk, cêng ụng-ê guōng kī gěk gớh-láu-k-â.



II DÂUNG. Ciều Mā-tái Cọ Muòng-sěng. Mt. 9: 9—13.  
Mk. 2: 13—17. Lg. 5: 27—32.

8. Ià-Sũ chók-muòng bô gáu sié-nộh ôi-chếu diòng-dộ? (Mk. 2: 13.)

9. Ĩ bô ciều diê-nệng cộ Ĩ muòng-sěng? (Mk. 2: 14. Mt. 9: 9.) Diê siõh buõng Hók-ĭng cũ sê ciã nệng siã gì?

10. Lộh ciã sì-hâu Ià-Sũ ô gũi-ciáh muòng-sěng páh-dòng gâeng Ĩ siõh-dôi, miàng sié-nộh nĩ?

11. Cĩ siõh ciáh sịng gì muòng-sěng tá ĩ ciõ cộ sié-nộh? (Lg. 5: 29. Mk. 2: 15.)

12. Lâung ciã dái, tẻk-cũ-nệng gâeng Huák-lé-suói nệng ciõng-iông gông? (Mk. 2: 16. Lg. 5: 30.)

13. Ià-Sũ ệụng sié-nộh mĩ-miêu gì uâ dák-éng ĩ? (Lg. 5: 31, 32, buôi.)

III DÂUNG. Lâung Géng Siãh. Mt. 9: 14—17. Mk. 2  
18—22. Lg. 5: 33—39.



14. Bô siōh sì ô diê-neng gâeng Huák-lé-suói neng hăk lă ới sîng Ià-Sū gì duāng? (Mk. 2: 18.)

15. Ī-gáuk-neng muóng Ià-Sū sié-nộh? (Mk. 2: 18.)

16. Ià-Sū ciōng-iông éng? (Mk. 2: 19.)

48. CIÓ-GĀI. Ià-Sū bī Ī buōng-sěng sê sîng-lòng, bī Ī muòng-sěng sê sîng-lòng gì bêng-iū, é-séu cêu sê gōng, Ī gâeng muòng-sěng siōh-dôi sê cáuk-lők gì sì-hâu, ng sê géng-siăh gì nĭk-cī.

17. Ià-Sū ĩ-hâu bô ụng sié-nộh bī-ệu gá gáuk-neng gōng, Ī sū gá sîng gì độ-lī, gâeng gô gì ngì-ùng mậ sǒng hăk? (Mk. 2: 11—22.)

#### Gáu-hóng Cūng Muóng.

18. Dũk-dũk diê-neng ô guòng-báng ậ siá cội, Ià-Sū ciōng-uâng siá cội biêu-mìng sié-nộh?

19. Bī-dáik gâeng Gổ-nà-liù ciōng-iông gōng lăung iù Ià-Sū siáh ậ dáik siá cội? (Sđ. 10: 43, buôi.)



20. Iők-sū nâ lā Siông-Dạ ậ siá cội, Ciông-gì iù Ià-Sū lā cội bô ậ dáik siá nĩ? (2 G. 5: 18, 19. 1 Ih. 2: 12.)

21. Dù ciá Ià-Sū i-nguôi, dáik siá cội gó ô sié-nộh huống-huák? (Sd. 4: 12. buôi.)

22. Gĩ-Dók kīng ciék diê-nệng diê Ĭ gì guók? (Ih. 6: 37.)

Séng-Gĩng Ũng-sĩk Gì Muóng.

Cĩ â-dạ gūi muóng gì éng, diõh giéng Hók-ĩng Sū-gé guóng ék muõi lāng hiěk, giéu lợ Hô-liõh đẹk iéu, dạ nê dāung cêu hiêu-dék.

1. Dạ ék buōng Hók-ĩng cũ sê diê-nệng siá gì? Ciá nệng miéh-nộh sì-hāiu sěng dáik Ià-Sū ciểu cộ muòng-sěng?

2. Cĩ siõh buōng Hók-ĩng cũ iók-liõk sê miéh-nộh sì-hāiu siá gì?

3. Sê tá diê-nệng siá gì?

4. Ciá cũ gì duai é-séu sê sié-nộh?

5. Ciá cũ ô niõh-uai ciông?

6. Chiāng lāung ciá cũ gūi-iông gì cìng-hìng.

7. Diê-nệng siá dạ nê buōng gì Hók-ĩng cũ?



8. Ĩ sê gâeng diê-neng cộ bêng-iū, bô sì-siòng gâeng ĩ siōh-dôi?
9. Diê-neng miêng-lậ ciā neng siā cī siōh buōng Hók-ĭng cũ?
10. Ciā cũ sê tá diê-neng siā?
11. Ciā cũ gì duai é-séu sê sié-nộh?
12. Ciā cũ gêung-cưng ô niōh-uai ciōng?
13. Iù cī siōh buōng Hók-ĭng cũ neng-gă ậ ộh sié-nộh, bī tễk bễk buōng gó chǐng-chū?

DẬ XIII KUÓ. Lâung Ăng-sék-nĭk. Neng Tàu-huoi Siék-gié Hài Ià-Sū.

Séng-Gǐng Nĭk Kuó.

Mt. 12. 1—14. Mk. 2: 23—3: 6. Lg. 6: 1—11. Ih. 5 ciōng ciōng.

49 CIÓ-GĀI. Cī siōh kuó cái lâung Huák-lé-suoi neng kī-chiū dậ-dĭk Ià-Sū gì dái. Dǒng Ià-Sū dậ nê nieng diōh céung-neng méng-sèng diòng-dộ sì-hâu, Huák-lé-suoi neng kễk sǎng iông gì dái cáik-bê Ià-Sū. Nâ Ià-Sū cệu hū-uái ĩ-hâu ỉng-nguòng ék-dĭk diòng-dộ ng giǎng neng dậ-dĭk.

GĪNG-DẬ-MỆK. Bô gâeng ĩ gōng, Sê ỉng-ôi neng ciáh siék-lĭk ắng-sék-nĭk ng sê ỉng-ôi ắng-sék-nĭk ciáh siék-lĭk neng, gó-chū ĩng-Cự iá sê ắng-sék-nĭk gì Ciō. Mk. 2: 27, 28.



Séng-Gĭng lŏh bǎng lă tĕk. (Mk. 2: 23—3: 6.)

Bái-ék, Ih. 5: 1—18.

Bái-sé, Mk. 2: 23—3: 6.

Bái-nê, Ih. 5: 19—29.

Bái-ngô, Mt. 12: 1—14.

Bái-sǎng, Ih. 5: 30—47.

Bái-lĕk, Lg. 6: 1—11.

Lă-bái-nĭk, Sm. 5: 1—21.

**KUÓ-GĀI.** Lăung Iá-Sŭ Ciông-iông Siū Lă-bái Nĭk. Huák-lé-suóí nĕng bô sing siŏh-iông gi duāng hieng Iá-Sŭ, cêu sê lăung siū lă-bái-nĭk. Iú-tái nĕng ô cêng sâ siū ăng-sék-nĭk gi liê. Gi-dŭng iâ ô mùng-muôi gi, Iá-Sŭ cêu ng bĭng. Iá-Sŭ siông Iá-lô-sák-lĕng siū cáik, đong ăng-sék-nĭk lŏh Bék-tŭ-dâi diê biêng muók hō siŏh ciáh huāng bāng gi nĕng mĕng ĩ mĭng-chông đò kĭ giáng kó.

Huák-lé-suóí nĕng siū ăng-sék-nĭk gi liê, cêng nghieng đŭ ng cŭng nĕng lŏh ăng-sék-nĭk đăng nŏh, m̄i nŏh. ĩ káng Iá-Sŭ mŏ bĭng ciā liê, bô gōng, buōng-sĭng ô Siông-Dạ gi cái-nĕng ậ uāng ciā liê, gó-chŭ duai sâi-sáng. Cêu đung mĕu ọi tái ĩ. Gó siŏh huôi diŏh Gă-lé-lé ĩ muông-sĕng đong ăng-sék-nĭk si-hâiu tĕng chĕng đong gĭng-guó diáh mǎh-sói, Huák-lé-suóí nĕng sáung sê gák-mǎh, ệung chiū chŏ mǎh-sói cêu sáung sê sáek mǎh. Iá-Sŭ gōng, ĩ muông-sĕng bók-lŏ kĕng diáh mǎh-sói siáh mŏ dāng. Bô gōng, ĩ buōng-sĭng sê ăng-sék-nĭk gi Ciō, cậ-iông ậ hiêu-dék gǎi-dŏng ciông-iông siū. Bô siŏh huôi Iá-Sŭ đong ăng-sék-nĭk si-hâiu lŏh huôi-dong muók hō siŏh ciáh chiū piĕng-gŭ gi nĕng, cuôi iâ sê huāng Huák-lé-suóí nĕng gi liê. Gó-chŭ ĩ-



gáuk-nẹng duai sài-sáng chók kó sǝng-liǝng ciǝng-iǝng  
 ậ tãi Ià-Sū. Cậ cū-uái ĩ-hâu, lặ Iù-tái, liềng Gă-lé-  
 lé, Huák-lé-suói nẹng hiềng Ià-Sū gì sǝng muǝng dậng  
 gáu dềng ĩ lặ sếk-cê-gá.

Ũng-sĭk Gì Muǝng.

1. Lâung Ià-Sū lặ Gă-lé-lé diǝng dộ gì dãi, lặ cĩ gũi kuó  
 gệung-cũng buǝng cộ gũi huói? Giềng 37 Ció-gãi.

2. Muói huói iók-liǝk ô niǝh-ǝng?

3. Siǝh huói Siǝh huói gáu sié-nộh dãi cĩ?

4. Nù-gáuk-nẹng hiềng-cái sê tặk lậng diê siǝh huói?

5. Nă-sák-lếk nẹng iềng-ké Ià-Sū hâu Ià-Sū cêu kộ diê siǝh  
 siǝng gũ-cậ?

6. Ià-Sū tậu-huói diǝng dộ hâu diǝng kộ, báh-sáng ciǝng-iǝng  
 ciék ĩ?

7. Siǝng kuó ô lậng Huák-lé-suói nẹng kặk sǝng iǝng gì  
 dãi, cáik-bê Ià-Sū? Tậu siǝh iǝng sê sié-nộh?

Dậ nê iǝng nĩ?

Dậ sǝng iǝng nĩ?

8. Ciă si-hâu Ià-Sū ô gũi ciáh muǝng-sềng bǝng-só ô siă kộ  
 sềng-ngiếk gặng ĩ?

9. Buǝng kuó lậng sié-nộh? Gặng-dậ-mặk nĩ?

II DẬUNG. Bék-tũ-dãi Diê-biềng Gì Bậng Nẹng Ih. 5  
 Ciǝng.

1. Ià-Sū iù Gă-lé-lé kộ dềng-nệ? Ciǝng-gì? (Ih. 5: 1.)

50 CIÓ-GĂI. Ciă cáik, hặk sê Ừ-uǝk-cáik, hặk sê Puǝ-ling-  
 cáik, ciă cáik bĩ Ừ-uǝk-cáik gộ cã gũi lặ-bái, chiǝng káng bặk-nộh  
 cũ cên ậ gặng mềng-bặk ciă cáik gì dãi.



2. Lặh Ià-lô-sák-lēng, bāng nệng kộ sié-nộh diề lặ, uông ậ dáik ĩ-dê? (Ih. 5 : 2, 3.)

Chiāng sủk lāung ciā diề.

51 CIÓ-GĀI. Ciā diề sê gặng siốh gā cũi-ciòng siống-tũng, ciā cũi iũ-sì nióng kī. Nệng siông sê tiểng-sẻu sẵi ciā cũi nióng kī, mộ lāung diề-nệng nậ sẻng lặh diề, ĩ bāng cêu ậ hặ. Iók-hāng 5 ciống 3 ciẻk ậ buáng liềng 4 ciẻk sê ĩ-hậu tiểng diề, ng sê Hók-ĭng cữ dặng-gặng buông-lại sủ ô gì kuó.

3. Diề-nệng diểh diề biểng lặ đing, Ià-Sủ tá ĩ cộ sié-nộh? (Ih. 5: 5—9.)

4. Iù-tái nệng káng-giểng ciā nệng lặ-bái-nỉk dáik puố-gái cêu gặng ĩ gông sié-nộh? (Ih. 5 : 10.)

52 CIÓ-GĀI. Iù-tái nệng siũ ắng-sẻk-nỉk gì liề cềng nghiềng. Lặ-bái-nỉk cêu sê dáik siốh dội miềng-bậu lặh gặ-dống giàng iậ mậ sẵi-dẻk.

5. Ià-Sủ cộ ciā dái, Iù-tái nệng cêu còng sié-nộh sỉng-é? (16 ciẻk.)

6. Ià-Sủ dák-éng Iù-tái nệng sié-nộh uậ? (Ih. 5 : 17.)

7. Iù-tái nệng tiắng-giểng ĩ sủ gông gì, cêu biểng sắng-niểh-kuāng? (18 ciẻk.)



II DÂUNG. Muòng-sěng Diáh Măh-sói. Mt. 12: 1—8. Mk. 2: 23—28. Lg. 6: 1—5.

8. Ciā dâi hâu mò niõh-òng, Huák-lé-suói neng ĩng sié-nộh dâi, cáik-bê Ià-Sũ gì muòng-sěng? (Mt. 12: 1, 2.)

9. Ià-Sũ ciõng-iông kěk Dâi-bĩk gì dâi dák-éng ĩ? (Mt. 12: 3, 4.)

53 CIÓ-GĀI. Ià-Sũ gōng ciā uâ, sê biêu-mìng Dâi-bĩk dǒng kuók-huăk sì-hâu siáh ciā bạ-siék gì biāng, sáung sê hăk-lĩ. Gó-chū ĩ muòng-sěng bók-lộ kặng, lộ ăng-sék-nĩk diáh mǎh-sói iâ sê hăk-lĩ. Cuoi cêu sê cụng-guòng gì độ-lĩ.

10. Ià-Sũ bô gōng sié-nộh uâ, biêng-mìng ciā lĩ? (Mt. 12: 7.)

54 CIÓ-GĀI. Ià-Sũ é-sẻu sê gōng ĩ muòng-sěng sū cộ sê hăk-lĩ, ĩng-ôi ĩ sê ĩng bók-lộ kặng ciáh kộ cộ. Cuoi ậ sáung sê lỉng-mĩng gì gẻng-hũ. (Mt. 12: 11, 12.)

11. Ià-Sũ tá ăng-sék-nĩk diāng sié-nộh lủk-liê, liềng gōng ĩ ô sié-nộh guòng-báng, ậ ciõng-uāng diāng ciā liê? (Mk. 2: 27—28. Gĩng-dậ-mẻk.)

III DÂUNG. Chiū Piềng-gũ Gì Nệng. Mt. 12: 9—14. Mk. 3: 1—16. Lg. 6: 6—11.

12. Ciā sì-hâu Ià-Sũ lộ ăng-sék-nĩk diõh huôi-dòng lậ, ngẻu diõh diê-nệng? (Mk. 3: 1.)



13. Huák-lé-suói nẹng ciōng-gì diāng Ià-Sū? (Mk. 3: 2.)
14. Ià-Sū muóng ĩ sié-nộh? (Mk. 3: 4. Mt. 12: 11, 12.)
15. Ià-Sū tá ciā nẹng cộ sié-nộh? (Mk. 3: 5.)
16. Huák-lé-suói nẹng ĩng ciā dái sǐng biéng sǎng-miéh-sék? (Lg. 6: 11.)
17. ĩ-gáuk-nẹng cêu ciōng-cộ? (Mk. 3: 6.) Iù-tái gì Huák-lé-suói nẹng gāeng Gǎ-lé-lé gì Huák-lé-suói nẹng, cậ còng sié-nộh sǐng-é káng-dái Ià-Sū?
18. Séng-Gǐng dǔng-gǎng tàu chệu lāung diōh ciōng-iông siū ǎng-sék-nĭk? (Cs. 2: 2, 3.)
19. Lāung siū ǎng-sék-nĭk Siông-Dá ô sié-nộh mēng-lēng? (C. 20: 8—11. Chiāng buôi ciā Séng-Gǐng ciék.)
20. Gū-cā Iù-tái nẹng mộ siū ǎng-sék-nĭk diōh sêu sié-nộh huǎk? (C. 31: 15, 16.)
21. Chiāng sǔk siōh iông huāng ǎng-sék sêu huǎk gì dái. (Msg. 15: 32—36.)



22. Ī-suói-ā ciōng-iông lāung siū ăng-sék-nĭk gì nệng? (Isa. 58: 13, 14.)

23. Ià-Sū tấu-dạ ciōng-iông siū ăng-sék-nĭk. (Lg. 4: 16.)

24. Ià-Sū gōng sié-nộh lāung siék-lĭk ăng-sék-nĭk gì buōng-é? (Mk. 2: 27.)

25. Ī gōng sǎng-miéh-sék gì gặng-hũ lộh ăng-sék-nĭk cộ, ậ sáung sê hăk-lī? (Mt. 12: 7, 11, 12.)

26. Hiêng-câi nguāi-gáuk-nệng mộ bing Iù-tái nệng gì ăng-sék-nĭk, ô siū diê siōh nĭk cộ ăng-sék-nĭk? (Sd. 20: 7. Ms. 1: 10.)  
Diōh ciōng-iông siū ăng-sék-nĭk?

---

### DẬ V CHÁH.

Cūng Lāung Dậ Nê Huòi Diōh Gă-lé-lé Diông Dộ. Cệu gēng sĕk-nê sệu-dù kī, gáu kộ Gă-lé-lé báek biềng cī, cệu sê Ciō gáung-sềng hâu 28 niềng chũng hā kī gáu 29 niềng Ự-uỗk-cáik cī.

35 CIÓ-GĀI. Káng dậ sé Cháh tấu lậ 37 Ció-gāi cệu hiêu-dék Ià-Sū diōh Gă-lé-lé diông-dộ gệung-cūng ô buōng cộ sǎng huòi muôi huòi dũ ô lā dái giék-guăk. Iéu-gīng iā diōh gé-dék siōh-huòi siōh-huòi kī-tàu gì dái. Tấu siōh huòi kī-tàu gì dái cệu sê Ià-Sū cệu Iù-tái diông-dộ diông kộ, lộh Giă-nā muỗk hộ siōh ciáh guǎng-hũ gì giāng. Dậ nê huòi kī-tàu cệu sê Huák-lé-suói nệng kī-chiū siék gié hāi Ià-Sū, ĩ-hâu cệu gēng sĕk-



nê sĕu-dù. Dậ sǎng huòi kī-tàu cêu sê báh-sáng diǒh Giǎ-báik-nùng nghiê-lâung Ià-Sũ, hâu Ià-Sũ cêu kī sĭng kọ báek-sié gŭ-cĕu. Gĭng-dáng kī-chiū sū tĕk lâung Ià-Sũ dậ nê huòi diǒh Gǎ-lé-lé diòng-dộ ô sĕk gā nguǒk nĭk hŭ-òng. Gì dŭng sū hĕng gì dâi gĕung-cung ậ buǒng cộ ngô dâung.

1. Lĭk tiĕng-guók lǒh sié-gǎng lièng ciĕu sĕk-nê nĕng cộ muòng-sĕng, lièng siông sǎng gáu-hóng.

2. Sĕu Huák-lé-suói nĕng dậ-dĭk mọ sák.

3. Ià-Sũ diǒh Gǎ-lé-lé miàng-siǎng duài chók, báh-sáng muōng òng muōng tiáng ĩ, dĭk tàu gáu diǒh Giǎ-báik-nùng nghiê-lâung cêu iéng-ké ĩ.

4. Dậ nê nièng dậ sǎng huòi kọ Gǎ-lé-lé diòng-dộ, lièng hĕng sĭng-cék.

5. Ciǒng gŭi dĕu iéu-gĭng gì độ-lĭ, gì dŭng cêu sê diǒh sǎng-dĭng gáu-hóng, lièng hāi-biĕng siék bĭ-ĕu lièng lâung sĕng-mĕng liòng-chộ.

---

DẬ XIV KUÓ.

Lâung Gĕng Sĕk-nê Sĕu-dù.

Mt. 4: 23—25. 10: 2—4. 12: 15—21. Mk. 3: 7—19. Lg. 6: 12—19.

56. CIÓ-GĀI. Huák-lé-suói nĕng ĭng biĕng-lâung ǎng-sĕk-nĭk gì iòng-gó, chŭi-iòng siék gié hāi Ià-Sũ, ĩ ĭng-nguòng mọ sák kọ ĩ sū cộ gì gĕng-hŭ, ĩ dǎng-dộ ciĕu sĕk-nê muòng-sĕng siék-lĭk gáu-huòi lièng sāi ĩ gì guók gióng-lĭk lǒh sié-gǎng.

Buōng kuó cêu sê kọ-chák sĕu-dù gǎeng Ià-Sũ ciǒng-iông lièng-hǎk cộ gĕng-hŭ.



GĪNG-DẠ-MẸK. Dǒng-sì Ià-Sũ chók siàng siông sǎng gì-dō, tiék-iâ gì-giù Siông-Dạ, gáu tiếng guǒng giéu muǒng-sǎng lì, lǒh ĩ dǔng-gǎng gēng sǎk-nê nệng, chǐng cộ sếu-dù. (Lg. 6: 12—13.)

Séng-Gǐng lǒh bǎng lậ tặk. (Mk. 3: 7—19.)

Séng-Gǐng Nĩk Kuó.

Bái-ék, Mk. 3: 7—19.	Bái-sé, Lg. 22: 47—62.
Bái-nê, Mt. 16: 13—28.	Bái-ngô, Ih. 21: 15—25.
Bái-sǎng, Lg. 9: 43—56.	Bái-lặk, Sd. 4: 1—22.

Lậ-bái-nĩk, 1 Ih. 1 Ciǒng.

KUÓ-GĀI. Ià-Sũ Giǒng-lĩk Tiếng Guók.

Lâung Ià-Sũ gáung-sǎng cộ niê-giǎng cộ hâu-sǎng liềng kī-chiũ chók kộ diǒng-dộ gì dái, nủ-gáuk-nệng dủ ĩ-gǐng tặk guó lầu. Buǒng kuó sê lâung Ciō ék-sǐng cềng kộ iéu-gǐng gì dái, nủ-nệng káng Ià-Sũ ậ diǒng-dộ, muốk-bǎng, dặk gũi, hặk-chiǎ ậ siông gáu Ià-Sũ nâ sê siǒh ciáh ĩ-sǎng hặk sê sǐng-sǎng, muôi siông gáu ĩ iâ sê Guók-Uǒng. Ià-Sũ ĩ-gǐng ciểu ngô ciáh nệng cộ muǒng-sǎng, ciǎ nệng ké cũ nộh gặng Ià-Sũ. Gó ô cềng sậ nệng iâ cộ ĩ gì muǒng-sǎng. Ciō siǒh gā nệng diǒh sǎng-dǐng tiék-iâ giù Siông-Dạ sếu ĩ chũng-ming dé-hiê lǒh ĩ sũ cộ gì dái. Ciō kī cǎ bô diǒng lì gáu ĩ muǒng-sǎng lậ, sũ ciểu gì ngô gā nệng lêng-nguôi bô dái chék ciáh gặng ĩ siǒh-dỏi. Cĩ sǎk-nê ciáh cêu sê chǐng cộ sếu-dù hặk sê cộ bộ-gǎ-ĩng gì nệng, tá Ià-Sũ sǒng-diǒng Hók-Īng. Sǎng diǒng lǒh ĩ-sáik-liếk dê, hǎiu diǒng piềng tǔng tiếng-â. Cĩ gũi ciáh muǒng-sǎng si-siǒng gặng Ià-Sũ siǒh-dỏi, ộh ĩ



gì muò-iông. Ià-Sū bók-cī nâ mò kěk sié-găng gì siông-séu kéuk ĩ, huóng-chiā gó gōng ĩ-gáuk-neng ậ ngêu diõh páik-dũk ché-liêng, bô ậ gáu ìng-ôi độ-lĩ sêu sī. Ià-Sū mò gēng bó neng, hẹk sê tẹk-cũ-neng cộ muòng-seng, ĩ sū ciêu gì, dộ dẻk sê bằng-siông gì neng, dũng-găng sé ciáh sê Gă-lẻ-lẻ tộ-ngự gì neng. ĭng cĩ siõh dẻng gì neng ciẻk-nẻk Ià-Sū gì gáu-hỏng, bằng Ià-Sū cĩ-sẻ, ĩ-dẻ Ià-Sū ô dằng-dỏng sải ĩ-gáuk-neng lỏh dậẻk duài, dậẻk ìng-iẻu gì guỏk, cộ ìng-dộ neng gì neng.

Ũng-sĩk Gì Muòng.

ĭ-hả gáuk muòng gìẻng, chiảng kảng 37, 55, Cẻo-gải.

1. Ô siẻ-nỏh dải ậ cộ dẻk Iả-Sũ tẻu huỏi diõh Gả-lẻ-lẻ kĩ-chiũ diỏng-dộ gìẻ hỏ? Dậẻnẻ huỏi nẻ? Dậẻ sảng nẻ?
2. Muỏi huỏi iỏk-liỏk ô niỏh-ỏng?
3. Gẻng-dảng kĩ-chiũ tẻk Iả-Sũ gì dải sẻẻ gẻẻ diõh Hỏk-ìng Sũ-gẻẻ dậẻ gủi chỏh nẻ?
4. Cĩ siỏh chỏh sẻẻ iủ miẻh-nỏh dải kĩ gáu miẻh-nỏh dải cĩ?
5. Cĩ siỏh chỏh ô siẻ-nỏh iẻu-gẻng gì dải?
6. Siỏng kuỏ lảung Huỏk-lẻ-sẻuẻi neng lỏh ảng-sẻk-nẻk kẻk diẻ sảng iỏng gì dải sẻng Iả-Sũ gì duảng?
7. ĩ-gáuk-neng ỏi ciỏng-iỏng chũ-dẻ Iả-Sũ?
8. Iả-Sũ ciỏng-iỏng gáu-hỏng lảung ảng-sẻk-nẻk gì độ-lĩ?
9. Buỏng kuỏ lảung siẻ-nỏh? Siẻ-nỏh Gẻng-dả-mẻk?

I DẢUNG. Iả-Sũ Miảng-siảng Duài Iỏng-diỏng Chỏk Kỏ.  
Mt. 4: 23—25. 12: 15—21. Mk. 3: 7—12. Lg. 6: 17—19.

1. Iả-Sũ gẻẻng ĩ muòng-sẻng, ìng Huỏk-lẻ-sẻuẻi neng páẻk-dũk cẻu kỏ dẻng-nẻ? (Mk. 3: 7. Mt. 12: 15.)



2. Báh-sáng iù niöh-uái ôi-chéu lì gŭng ĩ? (Mk. 3: 7, 8.)

3. Ià-Sŭ ciöng-iông tuák-liê céung-nèng? Ciöng-gì nĩ? (Mk. 3: 9, 10.)

II DÂUNG. Gēng Sĕk-nê Muòng-sĕng. Mt. 10: 2—4.  
Mk. 3: 13—19. Lg. 6: 12—19.

4. Ià-Sŭ hiêng-cái cộ sié-nộh iéu-gĩng gì dái? (Mk. 3: 13, 14.)

5. ĩ ciöng-iông ệu-bê cộ ciā dái? (Lg. 6: 12, 13.)

6. ĩ ọi ciā nèng cộ sié-nộh? (Mk. 3: 14—15.)

7. Bìng Mt. 10: 2—4 ciék gé cī gūi ciáh nèng ô sié-nộh miàng-cê?

III DÂUNG. Lâung Săng Ciáh Sĕu-dù Gì Dái.

57. CIÓ-GĀI. Tĕk buōng kuó ĩ-hâ gì muóng găi-dōng gáik-  
nguôi liù-sing, ĩ-dé sū cái gì dái ậ sŭk-sék gé lộh sing lă.

8. Iók-liők bī ciā sì-hâu, sèng nièng buáng sĕk-nê muòng-  
sĕng dŭng-găng diê nèng sĕng kī-chiū gŭng Ià-Sŭ? (Ih. 1: 40—46.)

58. CIÓ-GĀI. Hĕk-chiā Bă-dỗ-lộ-mặ bô miàng Nă-dáng-  
ngiĕk.



9. Sĕk-nê muòng-sĕng dŭng-găng diê nĕng ĩ-gĭng ô liê ĩ sĕng-  
ngiĕk lì gŭng Ià-Sŭ lău. (Mk. 1: 16—20. 2: 13—14.)

10. Bī-dáik, Ngā-gáuk, Iók-hâng gâeng Ià-Sŭ siŏh-dôi, săng  
huòi ngĕu diŏh sié-nŏh gì-dĕk gì dâi?

Mk. 5: 37—41.

Mk. 9: 2—8.

Mk. 14: 32—44.

IV DĀUNG. Lăung Lâng Ciáh Sĕu-dù Gì Dâi.

11. Bī-dáik gâeng Ăng-dáik-liĕk ô siŏh lŏh chió diŏh dĕng-  
nĕ? (Mk. 1: 21—29.)

12. Sák-mā-lé-ā nĕng ng ciĕk-dâi Ià-Sŭ Ngā-gáuk liêng Iók-  
hâng ọi ciŏng-iông huăk hiā hiông-chông? (Lg. 9: 51—55.)

13. Diê lăng ciáh muòng-sĕng ọi lŏh tiĕng-guók cộ duâi?  
(Mk. 10: 35—37.)

14. Dŏng Ciô giêng-mậ hŭ siŏh buŏ, diê lăng ciáh muòng-  
sĕng gŭng Ià-Sŭ diê kộ cié-sĭ-diông gì iêng lă? (Ih. 18: 15—  
16.)

59. CIÓ-GĀI. Siā dậ sé Hók-ĭng gì nĕng dŏ-dĕk-dŏ dŭ mŏ  
gé ĩ cĕ-gă gì miàng lŏh ĩ sŭ siā gì cŭ lă.

15. Cĭ lăng ciáh nĕng bô siŏh huòi cậ diŏh siŏh ôi-chĕu bô  
ngĕu diŏh sié-nŏh gì-dĕk gì dâi? (Ih. 20: 1—10.)



16. Āng-dáik-liěk gâeng Pĩ-lĩk lợh sié-nộh dâi-gié gáing dŭng-sing? (Ih. 1: 40, 41, 43—45. 12: 20—22.)

V DÂUNG. Lâung Gáuk Ciáh Sêu-dù.

17. Bĩ-dáik có sié-nộh dâi, dù Ià-Sũ ĩ-nguôi mộ bẻk-nệng ậ có đék ì? (Mt. 14: 28—31.)

18. Bĩ-dáik gó ô có siõh iông sié-nộh dâi, ciā dâi iā-sậ gì nệng iā ô có? (Mt. 26: 69—75.)

19. Iók-hâng lợh ĩ sũ siā gì cũ lă, ệung sié-nộh mĩ-miêu gì uâ, cĩ ĩ buông-sing, miêng đék hiêng ĩ cê-gă gì miàng? (Ih. 13: 23.)

20. Sẻk-nê muông-sẻng dŭng-găng ô siõh ciáh có sié-nộh dâi, sãi ĩ cê-gă ĩng-gũ làu cháu-miàng? (Mk. 14: 43—46.)

21. Ià-Sũ dẻng lợh sẻk-cê-gá sị-hâu dới diê siõh ciáh muông-sẻng gông-uâ? ĩ gông sié-nộh? (Ih. 19: 25—27.)

22. Diê siõh ciáh mậ chĩng sẻng Ià-Sũ ô iù-sĩ bô-uăk? (Ih. 20: 24—29.)

23. Ià-Sũ siông tiẻng hâu, dù Iù-dâi ĩ-nguôi, gì-ừ gì muông-sẻng dũ cệu-cĩk lợh diê ôi-chệu? (Sd. 1: 13.)

24. Ià-Sũ siông tiẻng hâu, diê-nệng có sẻk-nê muông-sẻng gì tâu-nệng? (Sd. 1: 15. 2: 14.)



25. Séu-dù dŭng-găng diê-nềng sềng ngêu-nâng sī kó? (Sd. 12: 2.)

26. Diê siôh ciáh séu-dù dậ-ék dòng-miăng, gáu lâu sị-hâu dáik Gĩ-Dók gì mềk-sê? (Ms. 1: 1, 12—18.)

27. Ià-Sũ siông tiềng ĩ-hâu, séu-dù đêk-dĩk cộ sié-nộh gì gềng-hũ? (Sd. 1: 8, 21, 22.)

28. Séu-dù sū cộ gì dâi, ô sié-nộh muò-iông kểuk nù-gáuk-nềng ỡh, ô sié-nộh gĩng-gái nù-gáuk-nềng?

60. CIÓ-GĀI. Sỉng-săng diôh lêng-nguôi cái chók muóng, muóng hỏk-sềng buō ĩ-siông sū muôi muóng gì, ĩ-dé sâi sū gông gì dâi gáing mìnğ. Hỏk-sềng iâ diôh lộh Sỉng-Iók dŭng-găng ché tộ káng, gó ô lâung séu-dù sié-nộh dâi ă mò?

Séng-Gĩng Ừng-sĩk Gì Muóng.

Cĩ siôh huòì muôi cái.

---

DẬ XV KUÓ.

Lâung Siông-săng Gáu-hóng.

(Mt. 5: 1—8, 1. Lg. 6: 20—29.)

61. CIÓ-GĀI. Ià-Sũ ĩ-gĩng gáu Gă-lé-lé diông gông, Siông-Dá guók gềng lâu ciêu sềk-nê muông-sềng hâu, ĩ cêu siông



sǎng gáu-hóng sǎi neng ậ hiêu-dék tiếng-guók gì độ-lĩ. Gâeng tẻk-cũ-neng lieng Huák-lé-suói neng sū gōng sū hêng gì, duai ng siōh-iông, Ià-Sũ sū lāung gì duai-é cêu sê lāung Siông-Dạ guók, lāung diē ciā guók gì neng, tiếng-guók gì lữk-huák, lieng lāung diē tiếng-guók neng gì hêng-ùi gǎi-dǒng sǎng-miéh-sék. Buōng kuó bók-guó nâ ậ liők-liők gōng siōh-dék-giāng gì duai-é.

GĪNG-DẠ-MỄK. Gó-chũ nũ diōh sùng-ciòng, ồh nũ Tiếng-Hô sùng-ciòng siōh-iông. (Mt. 5: 48.)

Séng-Gĩng lợh bǎng lặ tẻk. (Mt. 5: 1—20.)

Séng-Gĩng Nĩk Kuó.

Bái-ék, Mt. 5: 1—26.

Bái-sé, Mt. 6: 19—34.

Bái-nê, Mt. 5: 27—48.

Bái-ngô, Mt. 7: 1—14.

Bái-sǎng, Mt. 6: 1—18.

Bái-lẻk, Mt. 7: 15—8: 1.

Lặ-bái-nĩk, Lg. 6: 20—38.

KUÓ-GĀI. Lāung Siông-Dạ Guók.

Ià-Sũ gēng sẻk-nê muông-sẻng ĩ-hâiu cên kī-chiũ lāung tiếng-guók gì độ-lĩ. ĩ kũi chói cêu gōng, Sǎng-niōh-kuāng ậ dáik hók. Báh-sǎng nghiōng-uông Mĩ-Suói-Ā li dáik-liāng ĩ-gánk-neng, duai páh iǎng siũ-dĩk, lieng sẻu ĩ-gáuk-neng ô guông-bǎng, lieng bó-cẻuk. Nâ Ià-Sũ gâeng ĩ gōng, Gũng gì neng ậ dáik bó-cẻuk, ửng-iũ gì neng ậ dáik dē-ôi, huǎng sêu kũ sêu páek-dẻk gì neng ậ dáik hók-ké. ĩ gó ô ciòng sǐng gì lữk-huák gâeng gô gì bĩ gáu. Gô gì lữk-huák ọi neng hiêng chók sōng-mẻng gì sǐng, sǐng gì lữk-huák ọi neng sǐng-sử táh-gáik. Gũng Ià-Sũ gì muông-sẻng bók-cĩ nâ diōh



tiáng ĭ bêng-iū, huóng-chiā iā diōh tiáng ĭ siū-dīk. Ĩ-gáuk-nèng sū miēng-līk gì cêu sê ọi uóng-ciông chiông Tiēng-Hô uóng-ciông siōh-iông. Huák-lé-suói nẹng gô-dā gì iông-sék cêu sê gó-é lōh nẹng sèng sié-cá, gèng-siāh, gì-dō, ọi nẹng chīng-cáng ĩ. Tiēng-guók gì dō-lī cêu sê gōng cī gūi iông gì dāi nā sê ĩng-ôi Siông-Dạ lieng iū tiáng Siông-Dạ ciáh kọ cọ. Sūk tiēng-guók gì nẹng ng sê cék cái diōh dē, sê cék cái lōh tiēng. Ĩ ng sāi ĩng-ôi ĩ-sīk guá-lēu; ĩng ĩ-gáuk-nèng gì Tiēng-Hô gé-iông ô ciéu-gó cêu-ciáh lieng kuōng-iā gì huā, nọ-nọh mậ huāng-hī ciéu-gó Ĩ gì cū-ming mọh? Sūk tiēng-guók gì nẹng nā ọi cǎ-chák cê-gǎ gì dāng. Ng ọi duáng bék-nẹng sê-hī, tiēng-guók gì muóng sê cáh, diô sá, ng sê ụng-ê diē kọ, nā nguóng-é diē kọ gì nẹng ậ dáik sēng-mēng, bô ậ hiēng chók hō gì pīng-hāing.

Iá-Sū gōng uóng ciā uā, cẹung-nẹng dū gì-děk Ĩ gì gáu-hóng, ĩng Ĩ gá nẹng chiông ô guóng-báng ng chiông tẹk-cū-nẹng.

#### Ũng-sīk Gì Muóng.

- 1 Nù-gáuk-nẹng hiēng-cái sê tẹk Hók-ĭng Sū-gé diē siōh cháh gì dāi?
2. Cī siōh cháh iók-liōk ô niōh-dòng?
3. Cī siōh cháh kī-tàu lāung sié-nọh dāi?
4. Gáu sié-nọh dāi cī?
5. Siông-kuó sié-nọh dạ-mẹk?
6. Dōng ciā sì-hāiu, Gǎ-lé-lé nẹng còng sié-nọh sīng dāi Iá-Sū?



7. Tĕk-cŭ-nĕng gâeng Huák-lé-suói nĕng nĩ ?
8. Nâing sĕk-nê sĕu-dù gì miàng.
9. Bĩ-dáik, Ngā-gáuk, Iók-hâng, cà diõh siõh-dõi, ô ngĕu diõh sié-nõh dâi ?
10. Sŭk Ngā-gáuk gâeng Iók-hâng diõh siõh-dõi gì dâi, liêng Āng-dáik-liĕk gâeng Pĩ-lĭk ?
11. Sŭk Bĩ-dáik siõh gā nĕng sū ngĕu gì dâi, Ngā-gáuk lõ ? Iók-hâng lõ ?
12. Buõng kuó lăung sié-nõh ? Sié-nõh Gĭng-dà-mĕk ?

I DĀUNG. Tiĕng-guók Gì Nĕng. Mt. 5: 1—16.

62 CIÓ-GĀI. Cĩ siõh piĕng gì độ-lĩ ô buõng cộ lăng dăung.  
 1 Tiĕng-guók nĕng gì hĕng-ùi (3—12 ciĕk.) 2 Ĩ gì dâi-giĕ (13—16 ciĕk). 3—11 ciĕk sê giĕu lõ Báik Hók; cĕu sê cĩ tiĕng-guók gì duâi hók-ké.

1 Cà buôi 3—10 ciĕk.

63 CIÓ-GĀI. Ā-dă sū siā cộ cŭng-mộ gì cĕ, ậ bõng-căe nĕng gé ciā Sĕng-Gĭng ciĕk, Hók-sĕng diõh ciõng ciā cĕ siā lõh cũ lă.

1. Hŭ sĭng—tiĕng guók (3). 6. Sĭng-sĕu táh-gáik—giĕng (8).

2. Pĩ-siõng—ăng-ói (4). 7. Huò-sĕu—giāng (9).

3. Ũng-iù—dáik (5). 8. Hĕng nghiê sĕu hâi—

4. Gĩ-kák—bā (6). tiĕng-guók (10).

5. Tá nĕng kō-lĕng—cĕu (7).

2. Ià-Sŭ ciõng Ĩ muõng-sĕng bĩ cộ sié-nõh ? (13 ciĕk) Ĩ gõng ciā uâ ô sié-nõh é-sĕu ?

3. Ià-Sŭ bô ciõng Ĩ muõng-sĕng bĩ cộ sié-nõh ? Sĭk-sĭk gŭng Ià-Sŭ gì nĕng, găi-dõng ciõng-iõng cộ ? (14—16 ciĕk.)

II DĀUNG. Tiĕng-guók Gì Lŭk-huák. (Mt. 5: 17—48.)



64. CIÓ-GĀI. Ciā sǎng-dīng gì gáu-hóng dạ nê dāung buǒng cộ lāng â.

1. Gā-siók lǔk-huák. (17—20 ciék.)
2. Cái gā mìn̄g lǔk-huák cǐng sĭk gì é. (21—48 ciék.)
4. Ià-Sũ gōng sié-nộh lāung Gô-Iók gì lǔk-luák? (Mt. 5: 17—18.)

65 CIÓ-GĀI. Ià-Sũ é-sẹu ng sê gōng, nệng diǒh siū ciā lǔk-huák chiông Iù-tái nệng siǒh-iông, sê gōng diǒh ệung sĭk sǐng kộ siū.

5. Ià-Sũ gōng diǒh ciǒng-iông káng-dâi siù-dĭk, ciáh ậ cềng lǔk-huák? (Mt. 5: 43, 44.)

6. Ciǒng-gì nù-nệng diǒh ciǒng-uâng cộ? (Mt. 5: 45.)

7. Ià-Sũ gōng uòng, muōi guó bô mềng nệng sié-nộh? (48 ciék, Gǐng-dạ-mặk.)

III DĀUNG. Diē Tiềng-guók Nệng Gì Hềng-ùi. (Mt. 6: 1—7: 12.)

66 CIÓ-GĀI. Cĩ dạ sǎng dāung bô buǒng cộ sǎng â, siǒh-â siǒh-â dũ kěk bī-ệu gōng: 1 Diǒh gáu-huôi gǎi-dǒng sìn̄g-sĭk. (6: 1—18.) 2 Guó nĭk hông-sẹu Siông-Dạ. (6: 19—34.) 3 Diǒh hộ káng-dâi nệng. (7: 1—12.)



8. Ià-Sũ ciǒng-iông lāung sié-cá gì dái? (Mt. 6: 2—4.)
9. Ī muòng-sěng gì-dō, gāeng gā-hō neng gì gì-dō ô sié-nóh hũng-biék? (Mt. 6: 5, 6.)
10. Ī ciǒng-iông lāung siá cội? (Mt. 6: 14, 15.)
11. Nù-neng gǎi-dǒng cék cái lǒh dǎng-nē? Ciǒng-gì nǐ? (Mt. 6: 19—21.)
12. Lāung hông-sệu lāng ā ciō, Ià-Sũ ô gōng sié-nóh? (Mt. 6: 24.) Nù-neng diǒh hông-sệu diē-neng?
13. Ciǒng-gì nù-neng ng sǎi guá-lệu ĩ-sǐk gì dái? (Mt. 6: 25, 26, 28—30.)
14. Nù-neng diǒh sěng giù sié-nóh? (Buôi Mt. 6: 33.)



15. Lâung duáng bĕk-nĕng gì dāng, Ià-Sū ô mĕng sié-nộh uā?  
(Mt. 7: 1—5.)

16. Í gōng huàng sĭk sĭng giù Siông-Dá sĕu hók gì nĕng ék-  
dĕng ậ dáik sié-nộh? (Mt. 7: 7, 8.)

17. Ciā nĕng ینگ sié-nộh iông-gó ậ uông dáik ciā nộh? (Mt.  
7: 9—11.)

18. Géu-Ciō mĕng nù-nĕng diōh ciōng-iông káng-dāi bĕk-nĕng?  
(Buoi Mt. 7: 12.) Ciā gái-mĕng giéu lō sié-nộh?

IV DĀUNG. Kuóng Diē Tiĕng-guók. (Mt. 7: 13—27.)

19. Géu-Ciō gì muông-sĕng gái-dōng giàng sié-nộh diô? (Mt.  
7: 13, 14.)

20. Cĭng-cĭng ội gŭng Ià-Sū gì nĕng, ô sié-nộh ậ nĕng dék?  
(Mt. 7: 16—20.)

21. Ià-Sū gōng giék siĕng-guō sê sié-nộh é-sĕu? (Gl. 5: 22,  
23.)



22. Ià-Sū kěk sié-nộh bĩ ciā tiăng Ī, liềng bìnġ Ī gáu-hóng  
gì nệng? (Mt. 7: 24, 25.)

23. Huàng nệng tiăng Ià-Sū gì uâ, bô ng bìnġ, sê chiông  
sié-nộh? (Mt. 7: 26, 27.)

24. Kĩ lộh Duâi-Siôh mềng siông sê sié-nộh é-sêu? Kéuk  
nữ siông cĩ siôh kuó dậ-ék iéu-gĩng gì độ-lĩ sê sié-nộh? Nữ dậ-  
ék dệung-é diê siôh ciék? Ciông-gì? (Ciông cĩ siôh muóng,  
muóng gáuk ciáh hỏk-sẻng.)

### Séng-Gĩng Ũng-sĩk Gì Muóng.

#### Lâung Sẻk Gái.

1. Ī-sáik-liẻk báh-sáng sié-nộh sì-hâu, lộh sié-nộh ôi-chẻu,  
sêu ciā sẻk gái? (C. 19: 1—3. 20: 1—17.)

2. Ciā sẻk gái siā lộh sié-nộh mềng-siông? (C. 31: 18.)

3. Hâu sẻk gái ngẻu diỏh sié-nộh? (C. 32: 15—19.)

4. Hâu ciông-iông cái cộ siỏh-bĩ? (C. 34: 1, 4, 27, 28.)

5. Ciā bĩ còng lộh dẻng-nẻ? (Sm. 10: 1—5.)



6. Gáu mò ẹ̀ung dióng-bùng sì-hâu, ciā siōh-bĩ bô bóng lờh dềng-nề? (1 L. 8: 3—9.)

7. Cà buôi sềk gái.

DẬ XVI KUÓ.

Lâung Dậ Nê Chếu Diòng-dộ.

Mt. 8: 5—13. 11: 2—19. Lg. 7: 1—8: 3.

GĪNG-DẬ-MỆK. Ià-Sũ éng ĩ gōng, Ciōng nũ sũ giéng, sũ tiăng gì dâi, diōng kớ gậng Iók-hâng gōng, chăng-màng ậ káng-giéng, piăng-kă ậ giàng, siōng-lâi ậ táh-gáik, ngê-lềng ậ tiăng-giéng, sī-nềng ậ bô-uăk, gùng-nềng ậ tiăng-giéng Hók-ĩng gì độ-lĩ. Huàng nềng ng iéng-ké Nguāi, cêu ô hók-ké. (Mt. 11: 4—6.)

Séng-Gĩng lờh bắng lậ tềk. (Mt. 11: 2—19. hếk Lg. 7: 36—50.)

Séng-Gĩng Nĩk Kuó.

Bái-ék, Mt. 8: 5—13.

Bái-sé, Lg. 7: 18—35.

Bái-nê, Lg. 7: 1—17.

Bái-ngô, Mk. 6: 14—29.

Bái-sắng, Mt. 11: 2—19.

Bái-lềk, 1 L. 19 ciōng.

Lậ-bái-nĩk, Lg. 7: 36—8: 3.

KUÓ-GĀI. Lâung Ià-Sũ Hềng Gi-sệu.

Ciêu sé ciáh muông-sềng, hâu Ià-Sũ cêu dái ĩ kớ Gă-lé-lé diòng-dộ. Gáu sềk-nê muông-sềng ciêu ciōng, Ià-Sũ cêu dái ĩ liềng gũi ciáh hũk-siệu ĩ gì cữ-niòng-nềng, bô kớ Gă-lé-lé gáuk-siăng gáuk-hiōng diòng-dộ, liềng muốk bắng. Muôi kī-sing si-hâu, ĩ muốk hờ siōh ciáh bā-cũng gì nũ-chái, ciā bā-cũng hếk-chiā sê Lộ-mã nềng, lờh Giă-báik-nùng cớ dái-bing-guăng. ĩ-



séng Iá-Sũ diõh Giã-nā muõk hõ siõh ciáh Giã-báik-nùng guǎng-hū gi giāng, gâeng muõk hõ cī ciáh nũ-chái dũ muõi kọ hiã ôi-chéu iã ạ muõk hõ. Ciã bā-cūng gōng Iá-Sũ kọ i chió diē i mọ gāng dōng. Ī ạ hiêu-dék Iá-Sũ nā sãi huák siõh guó uâ i nũ-chái cêu ạ hõ. Iá-Sũ giéng i ô ciõng-uāng chĩng séng gi sĩng, cêu duái gi-dẽk, Ciõ cêu huák siõh guó uâ, ciã nũ-chái cêu hõ kọ.

Iá-Sũ gâeng muòng-sẽng bô sông diô kọ Nā-ĩng. Ī-gáuk-nặng hẻk-chiã gáu tiẽng buõh áng gêung siáng, cêu sê Iủ-tái nặng muái-cáung gi si-hâu, lờh hũ-uái Iá-Sũ gâeng Ī muòng-sẽng ngêu-diõh nặng chók-cáung, cêu sê siõh ciáh guā-hô gi giāng si kọ, Iá-Sũ káng-giéng cêu kō-lẻng i, êung chiũ áik guǎng-chái gi chiã, giéu si nặng bô-uắk kī lí.

Iók-hâng guõng-gǎng kī gáu ciã si-hâu iók-liỏk lẻk gā nguỏk nĩk ling lâu. Ī tiǎng-giéng Iá-Sũ sũ cọ gi dái, cêu sãi nặng kọ muóng Ciõ gōng, Guō-iòng sê Mĩ-Suói-Ā ng sê, hẻk-chiã Iók-hâng iã sê chiông bẻk ciáh Iủ-tái nặng siõh-iông, ải-uông Iá-Sũ lí siẻ-gǎng cọ guỏk-uỏng, Iá-Sũ éng gōng, “Nũ diông kọ, ciõng sũ giéng sũ tiǎng gi sĩng-cẻk gâeng Iók-hâng gōng,” Cuỏi ạ cẻng-giéng Ī sê diẻ-uẻng, ỉng Ī sũ cọ gi dái, ciáng-ciáng hắk siẻng-dĩ Ī-suói-ả sũ êu-ngiỏng gi. Sẻu-ciã kọ hâu Iá-Sũ duái chĩng-cáng siẻ-sả-lả Iók-hâng. Iók-hâng sảung sê muõi ciáh gi siẻng-dĩ, liẻng cī sả siẻng-dĩ dũng-gǎng dả ék duái gi. Cī siõh huỏi bô ô siõh ciáh ô cỏi gi cũ-niỏng-nặng diõh Huák-lẻ-suói nặng chiỏ



diē kĕk iù dù Ià-Sū gi kă. Ciā Huák-lé-suóì nĕng dĭng káng-kĭng ciā cŭ-niòng-nĕng, nâ Ià-Sū gōng, ciā nĕng ĭng ĩ cĭ sậ gi cội dáik siá kó, gó-chŭ ĩ iâ tiáng cĕng sậ, cĕu mĕng ĩ ăng-sĭng diōng kó.

Ũng-sĭk Gì Muóng.

1. Ià-Sū diōh sǎng-dĭng gōng sié-nộh độ-lĩ. 2. Dối diē-nĕng gōng?
2. Lâung sié-nộh dà-mĕk?
3. Tàu gāu ciék sê miàng sié-nộh? Buôi cĭ gāu ciék.
4. Ciā uâ uòng, Ià-Sū kĕk sié-nộh bĭ ĩ muòng-sĕng?
5. ĩ ọi ĩ muòng-sĕng cộ sié-nộh, ĩ-dé nĕng ậ gŭi-ìng Siông-Dá?
6. Gĭ-Dók sĭng gì lŭk-huák gâeng gô gì lŭk-huák dâi-mộ ô sié-nộh mậ dùng?
7. Nù-nĕng diōh ciōng-iông káng-dâi siù-dĭk?
8. Cĭ siōh dà gì cŭ ciōng-iông gá nĕng ciā Siông-Dá?
9. Ià-Sū gōng nĕng diōh sĕng giù sié-nộh?
10. Lâung duáng bĕk-nĕng gì dâng, Ià-Sū ciōng-iông gōng?
11. Buôi ái-ìng ù-gĭ gì Sĕng-Gĭng ciék.
12. Ià-Sū gōng nĕng ciōng-iông ậ hiĕu-dék sǎng-miĕh-sék gì nĕng diē tiĕng-guók?
13. Buōng kuó duâi é lâung sié-nộh? Sié-nộh Gĭng-dà-mĕk?

I DĀUNG. Lâung Bā-cŭng Gì Nù-chài. Mt. 8: 5—13.  
Lg. 7: 1—10.

1. Lộh sǎng-dĭng gōng-cŭ hâu Ià-Sū diōng kó sié-nộh siàng?  
 (Lg. 7: 1.)
2. Bā-cŭng sâi diē-nĕng lì giĕng Ià-Sū, ĭng sié-nộh ìong-gó lì?  
 (Lg. 7: 2, 3.)



67 CIÓ-GĀI. Bā-cūng cêu sê Lọ-mā gì ũ-guǎng, dái siǒh báh miàng gì bǐng.

3. Ià-Sū buóh kọ ciā bā-cūng chió lặ sị-hâu, ciā bā-cūng éng sié-nọh uâ? (Lg. 7: 6—8.)

68 CIÓ-GĀI. Ciā bā-cūng siōng buōng-sǐng nâ sê siǒh ciáh bǐ-mì gì nẹng, dũ ô guòng-buáng guāng bǐng, Ià-Sū gáing-gáing ék-dēng nâ sài siǒh guó uâ, Ĩ sū ọi gì, dék-dék ậ siàng.

4. Ià-Sū ciōng-iōng chǐng-cáng ciā nẹng, liềng tá ĩ có sié-nọh? (Lg. 7: 9—10. Mt. 8: 13.)

II. DĀUNG. Lặ Nā-ĭng Géo Guā-hô Gì Giāng Bô-uǎk.  
(Lg. 7: 11—17.)

5. Liê Giǎ-báik-nùng hâu, Ià-Sū gặng Ĩ muòng-sẻng kọ sié-nọh hiǒng-chǒng? (Lg. 7: 11.) Ciā hiǒng sê diǒh Giǎ-báik-nùng diê siǒh hióng? Liê niǒh huông?

6. Buóh gặng siàng sị-hâu, Ià-Sū ô hềng sié-nọh gì-dẻk gì sịng-cẻk? (Lg. 7: 12—15.)

7. Ciā dái ciōng-iōng iều-dông báh-sáng? (Lg. 7: 16—17.)

III. DĀUNG. Siẻ-sặ-lặ Iók-hâng muoi huoi gì sẻng-sẻk. Mt. 11: 2—19. Lg. 7: 18—35.

8. Siẻ Siẻ-sặ-lặ Iók-hâng ciā sị-hâu giẻ sié-nọh sịng-sẻk kẻuk Ià-Sū. (Lg. 7: 18, 19.)



9. Ià-Sũ ciông-iông cộ, liêng huòi ĩ sié-nộh uâ? (Lg. 7: 21—23.)

10. Ī-hâu Ià-Sũ ciông-iông gōng-lâung Iók-hâng? (Lg. 7: 24—28. buôi 28.)

IV DÂUNG. Cũ-niòng-nệng diõh Huák-lé-suói nệng Să-muòng chió lă, ệụng iù dù Ià-Sũ. Lg. 7: 36—50.

V DÂUNG. Ià-Sũ dạ nê huòi chók-muòng diòng độ gì bōng-lũ (Lg. 8: 1—3.)

11. Ià-Sũ kẹuk diē-nệng chiāng kớ? (Lg. 7: 36.)

12. Ô diē-nệng gũng Ià-Sũ, liêng cộ sié-nộh? (Lg. 7: 37, 38.)

13. Huák-lé-suói nệng káng ciā dâi cêu sǎng-niõh-sék? (Lg. 7: 39.)

14. Sũk Ià-Sũ ciông-iông gā mìnng ciā cũ-niòng-nệng tiáng Ī bĩ Huák-lé-suói nệng gó sậ gì iòng-gó. (Lg. 7: 40—47.)

69 CIÓ-GĀI. Bìng Iù-tái nệng gì liê, ệụng cǐng-chói sǒng chiāng-ǎng, sǎi cũi sậ nệng-káh gì kǎ, liêng ệụng iù dù ĩ gì sǐng, dũ sǎung sê cǒng-géng nệng-káh gì lă. Ciā Huák-lé-suói nệng nâ ọi bìng lă dâi Ià-Sũ, ĩ iâ gǎi-dǒng ciông-uāng cộ.

15. Hâu Ià-Sũ gặng ciā cũ-niòng-nệng gōng sié-nộh? (Lg. 7: 48—50.)



16. Ià-Sū dạ nê chéu chók-muòng diòng-dộ, ô diê-nặng gâeng Ĩ siõh-dõi? (Lg. 8: 1—3.)

Gáu-hóng Cūng Muóng.

17. Ciā bā-cūng ô ciā chǐng séng gì sǐng, ciǒng-gì ậ ngâi Iù-tái nặng? (Lg. 7: 9.)

Ciā sì-hâiu Ià-Sū gâeng Iù-tái nặng gōng độ ô niõh òng lâu?

18. Ià-Sū cái sié sì-hâiu gó ô géu diê lāng ciáh nặng iù sī bô-uăk? (Mk. 5: 22, 23, 35—43. Ih. 11: 43, 44.)

19. Gô-Iók ô gé diê lāng iông sǐng-cék gâeng cuoi sǒng chiông? (1 L. 17: 17—23. 2 L. 4: 18—37.)

20. Ià-Sū muôi sêu sī sèng gūi nĭk, diê-nặng bô kĕk iù dù Ĩ? (Ih. 12: 1—3.)

21. Ciǒng-gì ciā ô cội gì cữ-niòng-nặng cī muāng tiáng Ià-Sū? (Lg. 7: 47.)

22. Ià-Sū ciǒng-gì siá ĩ gì cội? (Lg. 7: 50.) Nù-nặng gì cội ciǒng-iông dáik siá?

Séng-Gǐng Ũng-sĭk Gì Muóng.

Káng dạ ék buōng Hô-liõh-dĕk-iéu siõh duai buáng gì muóng nū cêu ậ hiêu-dék éng. 1. Dạ sǎng buōng Hók-ĭng cữ sê diê nặng siā gì?



2. Ciā cŭ tō-mō sê miéh-nóh sì-hâiu siā gì ?
3. Siā kĕuk diê-nèng ? (Lg. 1 : 3.)
4. Lô-gă gâeng diê-nèng cà chók-muòng diòng dō ?
5. Chiāng sŭk cī siōh buōng Hók-ĭng cŭ iéu-gīng gì cìng-hìng.
6. Dậ sé buōng Hók-ĭng cŭ sê diê-nèng siā gì ?
7. Iók-liők sê sié-nóh sì-hâiu siā ?
8. Tậ diê-nèng siā ?
9. Ciōng-gì nĩ ? Chiāng gōng sǎng iòng iòng-gó.
10. Cī siōh buōng sū gé gì, gâeng bĕk-buōng Hók-ĭng cŭ ô sié-nóh bók dùng ?
11. Lŏh Sīng-Iók dŭng-gǎng Iók-hāng gó ô siā sié-nóh sǎng buōng gì cŭ ?
12. Kó káng Hók-ĭng cŭ dŭng-gǎng diê siōh buōng sê dậ ék dònng ? diê siōh buōng dậ ék dôi ?
13. Diê lāng buōng ô gé Ià-Sŭ gǎung-sĕng, lièng cộ niê-giāng gì dâi ?
14. Diê siōh buōng lāung Ià-Sŭ sòng-lìng gì séng, dậ ék siòng-sá ?



## DẠ XVII KUÓ.

Lâung Lõh Gă-lé-lé Hâi-biêng Diòng Dộ.

Mt. 12: 22—13: 53. Mk. 3: 19—4: 34. Lg. 8: 4—21. 11: 14—36.

70 CIÓ-GĀI. Buōng kuó sū gé gì dâi, cêu sê Ià-Sū dạ nê chệu diõh Gă-lé-lé diòng độ sì-hâiu sū ngệu diõh gì. Ciā sì-hâiu Ià-Sū sū cộ gì dâi, duâi kếu nệng nghiê-lâung, báh-sáng cệ Ī: Bèng-iū liềng chĩng-chék iâ bàng-pĩng Ī, Huák-lé-suói nệng gáing hiềng-hâung Ī, bī ī-sềng gó lòng-buôi. Gũng-sùi Ià-Sū gì nệng siõh duâi buáng kếu Huák-lé-suói nệng ìng-iū, cêu ng séng Ià-Sū gì uâ. Lõh ciā sì-hâiu Ià-Sū cêu lõh hâi-biêng kī-chiū siék gáuk dềng gì bī-ệu, ciā bī-ệu ậ biêu-mìng Ià-Sū ô uâng Ī gì sĩng-é káng-dâi cụng-nệng. Ī siék ciā bī-ệu cêu sê dềk-dĩk ọi sâi ng sêu-năk Ī gì nệng mậ huôi-é cĩng-lī (Mk. 4: 11, 12). Huóng-chiā ciā bī-ệu ậ bõng-cậ hũng-biék cĩng gậng gā gì muòng-sẻng liềng gá sẻk-nê sệu-dù sâi ĩ cộ sū éng-găi cộ gì gẻng-hũ. Báh-sáng gậng Ià-Sū cệu cū-uái mậ dều-hăk muòng òng muòng lòng-buôi gáu nâ guó gũi gā nguỏk-nĩk lõh Giă-báik-nùng cêu kī duâi nghiê-lâung.

GĨNG-DẠ-MỄK. Ià-Sū éng gōng, Tiềng-guók chĩng-ộ gì độ-lī kếu nự-nệng hiêu-dék, ng kếu cụng-nệng hiêu-dék. Īng nệng ô lâu cêu tiềng kếu ĩ, sâi ĩ gáing sậ, nệng nâ mộ, cêu liềng ĩ sū ô gì iâ buóh dỏk kộ. (Mt. 13: 11, 12.)

Sẻng-Gĩng lõh bắng lậ tẻk. Mk. 3: 20—35.

Sẻng-Gĩng Nĩk Kuó.

Bái-ék, Mt. 12: 22—37.

Bái-sé, Mt. 13: 24—35.

Bái-nê, Mt. 12: 38—50.

Bái-ngô, Mt. 13: 36—53.

Bái-sẻng, Mt. 13: 1—23.

Bái-lẻk, Mk. 3: 19—35.

Lậ-bái-nĩk, Mk. 4: 1—34.



KUÓ-GĀI. Iá-Sũ dậ nê huòi diòng độ uòng, diòng  
 lĩ si-hâu, cệng-nệng ùi lậ káik Ĭ, ĩ-dé Ĭ liềng muòng-  
 sềng mộ dặng-dờng kộ siáh. Ciā si-hâu Ĭ muók siòh  
 ciáh huâng-gũi gi nệng, ciā nệng chặng-máng bô bậng-ā.  
 Huák-lé-suói nệng ọi iủ-dờng báh-sáng dậ-dĩk Iá-Sũ.  
 Gó-chũ cêu gōng Iá-Sũ sê ciā Biék-sặ-báuk gũi-uòng  
 dặk gũi. Huák-lé-suói nệng gōng ciā uā sại Iá-Sũ  
 hững-ming gậng ĩ cặng-lâung, liềng gōng ô sậ dậng  
 gi uā gĩng-gái cệng-nệng. Dờng Ĭ lậ gōng si-hâu,  
 Ĭ niòng-nặ liềng hiặng-diê ọi giềng Ĭ, uā ìng nệng  
 káik, gó-chũ mộ dặng-dờng gệng sềng. Ĭ chió lậ nệng  
 siòng Iá-Sũ diềng kộ, cêu páh-sáung ọi dái Ĭ diòng chió.  
 Iá-Sũ tiặng-giềng ciā uā, chiũ cêu chiòng chók cĩ Ĭ  
 muòng-sềng gōng, Huáng tềng bing Nguāi Tiềng-Hồ  
 gi cĩ-é ciā nệng cêu sê Nguāi hiặng-diê, ciā-muói liềng  
 niòng-nặ.

Gáu buáng-buố, Iá-Sũ chók kộ hặi-biềng. Ĭng nệng  
 káik, Iá-Sũ cêu siòng sùng sội lậ gáu-hóng nghiàng-biềng  
 gi nệng. Ồh ĩ-sềng iả ô siòh lậng huòi ciòng-uậng cộ.  
 Nặ cĩ siòh huòi Iá-Sũ ệng sềng gi huồng-huák gáu-  
 hóng, ng sê ệng chiềng-hiềng gi uā, sê ệng bĩ-ệ. Ciā bĩ-ệ  
 cêu sê iủ dờng-si nệng sũ sặk-sék gi dái  
 gá ĩ-gáuk-nệng bák sềng-ling gi cặng-lĩ. Ciā bĩ-ệ dủ  
 sê bĩ Ĭ gi guók. Sặng iòng sũ siék gi bĩ-ệ dủ sê  
 sờng chiòng, ồh ciā gái-chái-cĩ gi bĩ-ệ, iê cặng gi bĩ-ệ,  
 bậ-buòi gi bĩ-ệ. Bô ô gōng pặ-mậng gi bĩ-ệ, nệng  
 mậ sũ-iũ gi nộh, kộ mặ siòh lặk dềng dặk-ciềng gi ciỏ  
 gi bĩ-ệ. Cĩ sậ gi bĩ-ệ iả ô gá nệng tiặng độ-lĩ



iéu-gīng diōh siū-sīng tiāng, bô ô gi bī-ệụ sê gōng  
tiēng-guók sê iù sạ gáu duài, liēng gōng tiēng-guók  
sê gik bō-buói, nệng diōh ciōng-iōng cộ ciáh ậ dái.

Ũng-sik Gì Muóng.

71 CIÓ-GĀI. Ợi ciōng Ià-Sũ ék-sẻng sũ cộ iéu-gīng gì dái  
sựk-sẻk gé lộh sỉng lặ, iéu-gīng diōh sì-siòng ửng-sik gáu k cháh  
liēng gáu k kuó gì dạ-mẻk. Sỉng-sẻng gỏi-dẻng siòng-siòng giéu  
hẻk-sẻng cộng tầu gáu muôi ửng guó, liēng tiù chók gáu k kuó gì  
dái, ậ sẻng ciẻk-liēng gì, muóng muóng hẻk-sẻng.

1. Dạ sẻ Cháh nội gáu k kuó lầung Ià-Sũ siẻ-nộh? Cĩ sẻ  
kuó muôi kuó gì dạ-mẻk sẻ siẻ-nộh?

2. Dạ ngô Cháh lầung siẻ-nộh? Gì-dẻng gáu k kuó gì dạ-mẻk  
sẻ siẻ-nộh?

3. Ià-Sũ diōh sẻng-dẻng gōng dộ hầiu cêu kộ diẻ ôi-chẻu?

4. Ỉ lộh hầ-uái hẻng siẻ-nộh gì-dẻk gì sỉng-cẻk?

5. Dạ nẻ huòi chók-muóng diòng dộ ô siẻ-nộh sẻng iōng iéu-  
gīng gì dái?

6. Cĩ siẻ huòi diẻ-nẻng gằng Ià-Sũ cậ chók-muóng diòng dộ?

7. Buōng kuó sẻ lầung siẻ-nộh? Gỉng-dạ-mẻk sẻ siẻ-nộh?

I DĀUNG. Cáik-bẻ Tẻk-cử-nẻng, Liēng Huák-lẻ-suói Nẻng.  
Mt. 12: 22—45. Mk, 3: 19—30. Lg. 11: 14—36.

1. Ià-Sũ dạ nẻ huòi diòng dộ diōng lặ hầiu bô hẻng siẻ-nộh  
sỉng-cẻk? (Mt. 12: 22.)

2. Huák-lẻ-suói nẻng ciōng-iōng lầung ciả dái? (Mt. 12: 24.)

3. Ià-Sũ ciả diẻ-nẻng dửk gủi? (Mt. 12: 28. Lg. 11: 20.)  
Huák-lẻ-suói nẻng gōng ciả uả sẻ dái k cội diẻ-nẻng?



4. Ià-Sũ gōng sǎng-niōh-iōng gì cội mậ siá dék kó? (Mt. 12: 31, 32. Mk. 3: 28, 29.)

72 CIÓ-GĀI. Huák-lé-suói nệng hiềng-hâung Ià-Sũ cêu dù-lâi gōng Ià-Sũ sê huâng sià-gūi. (Mt. 3: 30.) Nâ Ià-Sũ sũ cộ gì dâi liềng Ī sũ hềng gì sìng-cék mìnng-mìnng biêu-mìnng Ī ô Sẻng-Sẻng gì nềng-lĩk chặng-muāng; Huák-lé-suói nệng ciōng-uāng dù-lâi Ià-Sũ sê huâng mọ dǎng-dǎng siá gì cội. (Mk. 3: 29.)

5 Ià-Sũ gōng Huák-lé-suói nệng sê sié-nộh lôi gì nệng? (Mt. 12: 34.)

II DĀUNG. Ià-Sũ Cỉng gì Chỉng Nệng. Mt. 12: 46—50.  
Mk. 3: 31—35. Lg. 8: 19—21.

6. Ià-Sũ lậ gōng uâ sị-hâu, diê-nệng lị tộ Ī? (Mt. 12: 46.)

7. Ī siōng Ià-Sũ biềng sǎng-miềh-sẻk, liềng ọi ciōng-iōng cộ?  
(Mk. 3: 21—31.)

8. Ià-Sũ gōng diê-nệng sê Ī cỉng gì chỉng-nệng? (Mt. 12: 49, 50.)

III DĀUNG. Diớh Hâi-biềng Siẻk Bĩ-ệụ. Mt. 13: 1, 53.  
Mk. 4: 1—34. Lg. 8: 4—18.

73 CIÓ-GĀI. Siớh iōng siớh iōng gì bĩ-ệụ dủ diớh tẻk cềng sủk, ĩ-dẻ lộh bǎng lậ ậ sủk.

9. Hụ siớh nỉk Ià-Sũ bô cộ sié-nộh? (Mt. 13: 1, 2.)



10. Ià-Sū ĭ-sèng lḥ sié-nḥ sì-hâu, lāng huò lḥ sùng gáu-hóng báh-sáng? (Lg. 5: 1—11. Mk. 3: 7—19.)

11. Ciā sì-hâu, Ià-Sū ẹ̀ng sié-nḥ sḥng gì huǒng-huák gāng báh-sáng gōng dḥ? (Mt. 13: 3.)  
Sié-nḥ giéu lḥ bī-ẹ̀u?

12. Sūk iê-cḥng gì bī-ẹ̀u? (Mt. 13: 3—8.)

13. Ià-Sū gōng cḥng sê sié-nḥ? (Lg. 8: 11.)

14. Lāung diô-biēng páh-siē gì cḥng, sê bī diê-nḥng? (Mt. 13: 19.)

74. CIÓ-GĀI. Diô-biēng é-sḥu cḥu sê gōng, chèng-chìng biēng. Cḥ chèng gì nḥng cḥng dḥ iê dák gáu chèng-chìng lā.

15. Páh-siē siōh dḥ gì, sê bī diê-nḥng? (Mt. 13: 20, 21.)

16. Páh-siē chié-chāu sê bī diê-nḥng? (Mt. 13: 22.)

17. Iê lḥ hḥ dḥ gì sê bī diê-nḥng? (Mt. 13: 23.)



18. Ià-Sŭ lŏh hāi-biēng gó ô siék sé iông sié-nŏh bī-êu kéuk báh-sáng tiăng? Mt. 13: 24—30.

Mk. 4: 26—29.

Mt. 13: 31, 32.

Mt. 13: 33.

19. Ià-Sŭ lŏh chió diē siék sáng iông sié-nŏh bī-êu, kéuk muòng-sěng tiăng?

Mt. 13: 36, 44.

Mt. 13: 45, 46.

Mt. 13: 47—50.

Gáu-hóng Cŭng muóng.

20. Iê-cŭng gì bī-êu ô sié-nŏh kéuk nù-nèng ǒh?

21. Dù tàu iông gì bī-êu ĩ-nguôi, gì-ù gì bī-êu dŭ ô sié-nŏh uâ siŏh-guó, sái nù-nèng ậ hiêu-dék ciā bī-êu sê cī sié-nŏh?

22. Gái-chái-cī liềng bấu-bùi gì bī-êu, ciông-iông gá nù-nèng lầung tiềng-guók? (Mt. 13: 31—33.)

23. Lầung bō-buói còng diŏh chềng lặ, liềng siŏh lắk dīng đềk ciềng gì ciŏ gì bī-êu, ậ gá nù-nèng sié-nŏh độ-lĩ? (Mt. 13: 44—46.)

Nù-nèng ới sŭk diŏh Gĩ-Dók gì guók, diŏh gắng-nguông ciông-iông có?



24. Cĩ gūi iông bī-ệụ ciông-iông gá nệng lầung sié-găng sák-muōi-nĩk gì dái? (Mt. 13: 40—43, 49, 50.)

Séng-Gĩng Ũng-sĩk Gì Muóng.

1. Lầung guăng-hū giăng gì dái sê gé diõh sié-nộh cũ, diê siõh ciông?

2. Ià-Sũ diõh Nā-sák-lẻk tàu huoi kẻuk nệng iéng-ké sê gé lờh dẻng-nẻ?

3. Mā-kộ diê siõh ciông ô gé ciểu sé ciáh muòng-sẻng gì dái? Ặng-sẻk-nĩk lờh Giả-báik-nùng hẻng sẻng-cẻk gì dái? Ià-Sũ muỗ siông-lái gì nệng muỗk ỉ hộ gì dái?

4. Mā-kộ dạ nẻ ciông ô gé tẻk-cử nệng liẻng Huák-lẻ-suói nệng kẻk sảng iông sié-nộh dái sẻng Ià-Sũ gì dằng?

5. Sié-nộh cũ diê siõh ciông, ô gé Bẻk-tũ-dái diẻ, bằng-nệng gì dái?

6. Mā-tái 12 ciông lầung siũ Ặng-sẻk-nĩk gó ô gé lầng iông sié-nộh dái?

7. Sẻk dạ IV Cháh nội sũ cái Ià-Sũ sũ hẻng gì sẻng-cẻk, nằ sải cẻng nử sũ ậ gé dẻk gì, sẻk chỏk.

—————  
DẬ XVIII KUÓ.

Lờh Gả-lẻ-lẻ Hải-bẻng Hẻng Sẻng-cẻk Gì Nĩk.

Mt. 8: 23—34. 9: 18—34. Mk. 4: 35—5: 43. Lg. 8: 22—56.

75 CIÓ-GẢI. Ià-Sũ diõh Gả-lẻ-lẻ hải-bẻng gông độ hầiu, dạ nẻ nĩk cẻu sê hẻng sẻng-cẻk gì nĩk. Ià-Sũ cĩ lầng nĩk sũ cộ gì dái, ậ sải nử-nệng pộ-pộ hiẻu-dẻk ỉ ô niõh-uái ặng-kẻng, liẻng ậ



hiēu-dék ĩ dōng-sì sū ngēu gì gīng sê sǎng-miéh-sék. Sèng siōh kuó sū lâung ậ biēu-mìng Ià-Sū hiēu-dék gōng độ iáh gáuk dēng gì báh-sáng. Lộh cī siōh kuó sū hēng gáuk dēng gì sīng-cék hiēng-mìng Ià-Sū gì guòng-līk ậ iàng guó tiēng-dê-gǎng gì guòng-līk bô liēng guāng-dê guī-sīng, bāng-tiáng, gāng sī-uòng gì guòng-nèng.

**GĪNG-DẠ-MĚK.** Céung-nèng duài gì-dék gōng, ĩ sê miéh-nộh nệng nỉ, hūng gāng hāi dũ hũk ĩ ā! (Mt. 8: 27.)

Séng-Gīng lộh bǎng lậ tặk. Mk. 4: 35—41.

Séng-Gīng Nīk Kuó.

Bái-ék, Mt. 8: 23—34.

Bái-sé, 2 L. 4: 18—37.

Bái-nê, Mk. 5: 1—20.

Bái-ngô, Lg. 8: 22—39.

Bái-sǎng, Mk. 5: 21—43.

Bái-lặk, Lg. 8: 40—56.

Lậ-bái-nīk, Mt. 9: 18—34.

**KUÓ-GĀI.** Lâung Lặk Iông Gi-dék Gi Sing-cék.

Ià-Sū ô siōh nīk diōh hāi-biēng gōng độ gáu buáng-buồ cêu gāng muòng-sēng cả đô guó hū-bēng nghiàng. Ià-Sū ĩng gáu-hóng hū òng sīng-kū cêu độ sùng-muôi káung-diōh kộ, sák-si-gǎng guòng-hūng duài kī, lâung páh diē sùng-diē, cūi buóh páh muāng, chǎ siōh-dék-giāng sùng buóh tềng kộ. Muòng-sēng duài giāng, gáe Ià-Sū chīng-chāng, Ià-Sū cáik-bê ĩ muòng-sēng siēu-séng. Cêu dọi ciā hūng gōng, Diōh ǎng-cēng mộh iēu-dông. Hūng-lâung cék-káik cêu bǎng-cēng kộ. Gáuk-nệng cêu sū-â ngī-ngiê gōng, ĩ sê miéh-nộh nệng nỉ, hūng gāng hāi iả hũk ĩ?



Sùng sài guó hū-bēng nghiàng, gáu Gă-dâi-lăk dê-huông, Iá-Sū bô ngêu diôh siôh ciáh dīng áuk huâng gūi gi, tá ĩ dŭk chók cêng sâ gūi-sing, cūng ĩ dâu diē hó-gêung gi dŭ gūng. Cī siôh gūng gi dŭ, cêu pâu lōh săng pŏ, tiéu hâi lă cêng sī kó. Hiā dê-huông gi nêng ĩng ciông-gūng gi dŭ sék kó, hĕk-chiā iā ô ĩng giăng Iá-Sū gi guông-báng cêu giú Iá-Sū liē hiā dê-huông. Iá-Sū cêu kó. Ciā bing-só huâng gūi gi nêng giú ọi gŭng Iá-Sū, nâ Iá-Sū mêng ĩ dīng hū-uái sŭk gâeng ĩ ching-chék bêng-iū gōng, Cīo tá ĩ sū cộ cī duái gi dâi.

Diông li Giă-báik-nùng, Iá-Sū ngêu diôh siôh ciáh guāng huôi-dòng gi nêng miàng Ngái-lū. Ciā nêng li gôi Iá-Sū kă-biêng giú ĩ kó muók ĩ sá gi cũ-niông-giāng, ĩng ĩ bāng buóh sī. Lōh diô-dōng nêng cêng káik, gi dŭng ô siôh ciáh cũ-niông-nêng, huâng bāng iā-ông lâu, cêu tâu-dáik gŭng Iá-Sū â-dâu, muô ĩ ĩ-siông-kă, ĩ bāng cék-káik cêu hō kó. Dū-dū ô nêng li bô gōng, ciā guāng huôi-dòng nêng gi cũ-niông-giāng sī kó lâu, nâ Iá-Sū gâeng ciā cũ-niông-giāng gi nòng-mâ gōng, Ng sài giăng, cê-gă ĩng-nguông gó lă giăng. Gáu diē chió, Iá-Sū cêu kĕng ciā cũ-niông-giāng gi chiū giéu ĩ bô-uăk. Gáu buáng-buô, Iá-Sū bô hêng lāng iông sīng-cék—cêu sê sài lāng ciáh chăng-máng gi nêng â káng-giêng, liêng muók hō siôh ciáh bāng-ā bô huâng gūi gi nêng.



Ũng-sĭk Gì Muóng.

1. Chiāng ciéu dậ I Cháh sū lāung, ciōng Ià-Sū sū giàng gì diô-tiàng sŭk chók lì.
2. Sŭk dậ II lièng dậ III Cháh nôi sū cái gì diô-tiàng.
3. Chiāng sŭk dậ IV Cháh sū lāung siōh huòi cêng iéu-gĭng gì diô-tiàng.
4. Dậ IV Cháh muōi, gé-cái báh-sáng ciōng-iông káng-dài Ià-Sū? Tĕk-cŭ-nèng ciōng-iông dài Ià-Sū?
5. Dậ V Cháh nôi gáuk kuó dậ-mĕk sê sié-nộ?
6. Sŭk lộh Gă-lé-lé hāi-biêng diòng-dộ hŭ siōh nĭk sū cộ gì dài.
7. Ià-Sū lộh hāi-biêng gōng gŭi iông gì bī-ệu kĕuk báh-sáng tiăng? Lộh chió diē gōng gŭi iông kĕuk ĩ muòng-sĕng tiăng?
8. ĩ ciōng-gì ệung bī-ệu gáu-hóng?
9. Buōng kuó lāung sié-nộ? Sié-nộ Gĭng-dậ-mĕk?

I DĀUNG. Sāi Hŭng Bàng - cêng. Mt. 8: 18, 23—27.  
Mk. 4: 35—41. Lg. 8: 22—25.

76 CIÓ-GĀI. Siōh iông siōh iông gì sĭng-cék, dŭ diōh sá-nê tĕk, ĩ-dé nŭ ciáh ậ sŭk. Lộh bǎng lậ sĭ-hāiu nâ sāi siōh ciáh nèng sŭk, nâ ô sié-nộ páh-dāung, bĕk-nèng cêu ậ buō sŭk.

1. Lộh Gă-lé-lé hāi-biêng gōng độ hŭ siōh nĭk, gáu buáng-buồ Ià-Sū kộ dĕng-nĕ? (Mk. 4: 35, 36.)
2. Sŭk lộh diô-dōng sū hêng siōh iông dĭng gì-dĕk gì sĭng-cék. (Mk. 4: 37—40.)



3. Ciā sīng-cék ciōng-iông gāng-dông káng gì nệng? (Mk. 4: 41.)

II DÂUNG. Gă-dâi-lăk Huâng Gūi Gì Nệng. Mt. 8: 28—34.  
Mk. 5: 1—20. Lg. 8: 26—39.

4. Ià-Sū diōh dệng-nệ siông nghiâng, ngệu diōh diê-nệng nỉ?  
(Mk. 5: 1—2.)

77. CIÓ-GĀI. Mā-tái gōng ô lāng ciáh huâng gūi gì nệng.  
Bìng Mā-kō liềng Lô-gă gōng nâ siōh ciáh, hẹk-chiā ỉ nâ gōng,  
dậ ék áuk hū siōh ciáh.

5. Ciā nệng ỉ-sềng ô sié-nộh lài-lĩk? (Mk. 5: 3—5.)

6. Sũk muốk ciā nệng hợ gì dâi? (Mk. 5: 6—13.)

7. Lìng-gệung siàng gì báh-sáng tiǎng-giềng ciā dâi cêu sǎng-  
miềh-sék? (Mk. 5: 14—17.)

8. Muốk hợ gì nệng cêu cộ sié-nộh? (Mk. 5: 18—20.)

III DÂUNG. Géu Ngài-lū Gì Cự-niềng-giāng Bô-uăk. Mt.  
9: 1, 18—26. Mk. 5: 21—43. Lg. 8: 40—56.

9. Ià-Sū diông lỉ Giă-báik-nùng sị-hâiu ô ngệu diōh diê-nệng,  
ciā nệng giù sié-nộh? (Mk. 5: 21—23.)



10. Ià-Sū lā giàng kọ guāng-huôi-dòng nẹng chió diē ngēu diōh sié-nọh? (Mk. 5: 24—34.)

11. Iù ciā cữ-niòng-giāng chió lậ ô sié-nọh séng-sék gōng nĩ? (Mk. 5: 35.)

12. Ià-Sū gāng ĩ nòng-mâ gōng sié-nọh? (Mk. 5: 36.)

13. Sūk lọh ciā guāng-huôi-dòng nẹng chió diē sū ngēu gì dâi? (Mk. 5: 37—43.)

IV DÂUNG. Lâng Ciáh Chǎng-màng Gì Nẹng Liềng Siōh Ciáh Huāng Bāng-ā Gūi Gì Nẹng. Mt. 9: 27—34.

14. Sūk Ià-Sū muỗ lāng ciáh chǎng-màng nẹng mễk-ciũ gì dâi. (Mt. 9: 27—31.)

15. Cái hâu diē-nẹng bô lậ Ià-Sū lā, Ià-Sū tá ĩ có sié-nọh? (Mt. 9: 32—34.)

Gáu-hóng Cūng Muóng.

16. Sạ-káng ĩ-hâ gì ciōng-ciék, liềng sū ĩng gì sịng-cék siā chók.

1 Mk. 4: 35—41.

2 Mk. 5: 1—20.

3 Mk. 5: 25—34.

4 Mk 5: 21—24. 35—43.

5 Mt. 9: 27—31.

6 Mt. 9: 32—34.

17. Diē gūi iông gì sịng-cék sê iù Ià-Sū cê-gǎ gì sịng-é hềng gì? Bìng ĩ-siông gì só-mễk éng lậ.



18. Diê gūi iông sòng-cék sê ĩng-ôi sū giù gì, hẹk sê ĩng-ôi bâng nẹng cê-gã gì sếng, dáik muók gì ?

19. Diê siõh iông sê ĩng bẻk-nẹng tá ĩ giù, hẹk sê ĩng bẻk-nẹng sếng gì sếng ciáh dáik lị ?

20. Ià-Sū gōng ĩ sū hẹng gì sòng-cék, ậ cẻng-giẻng siẻ-nộh lầung ĩ buōng-sỉng ? (Ih. 5 : 36. 10 : 37, 38.)

### Sẻng-Gỉng Ủng-sỉk Gì Muóng.

1. Dậ II Cháh nội lầung Ià-Sū cộ siẻ-nộh sòng-cék ? (Ih. 2 : 1—11.)

2. Dậ IV Cháh nội lầung Ià-Sū hẹng siẻ-nộh sòng-cék ?

Ih. 4 : 46—54.

Lg. 5 : 1—11.

Mk. 1 : 21—28.

Mk. 1 : 29—31.

Mk. 1 : 40—45.

Mk. 2 : 1—12.

Ih. 5 : 1—18.

Mk. 3 : 1—6.

3. ĩ lộh dậ V Cháh nội hẹng siẻ-nộh sòng-cék, bī cī siõh kuó sū lầung gì sòng-cék gó sẻng ?

Lg. 7 : 1—10.

Lg. 7 : 11—17.

Mt. 12 : 22—24.



78 CIÓ-GĀI. Iők-sū ciông Ià-Sū sū hêng gì sòng-cék buông siõh-lôi siõh-lôi siā chók, ậ duai dáik iáh: cêu chiông,

- (1) Iù Ià-Sū cê-gă gì é-séu sū hêng gì;
- (2) Ĩng ciā nệng buông-sing giù, hẹk sê iù ciā nệng gì séng;
- (3) Ĩng bẻk-nệng tá giù, hẹk sê ĩng bẻk-nệng gì séng. Lộh bảng lậ kộ-ī puái gūi gā nệng ciông cī sậ sòng-cék buông lôi siā chók, gầu kẹuk sòng-sảng kảng.

---

DẬ XIX KUÓ.

Lâung Dậ Sảng Huoi Chók-muòng Diòng Dộ.

Mt. 9: 35—11: 1. 13: 54—14: 12. Mk. 6: 1—29. Lg 9: 1—9.

79 CIÓ-GĀI. Cī siõh huoi chók-muòng dộ-dék diõh Gả-lé-lé hâi-biểng diòng dộ, liềng hêng sòng-cék. Cêu sê cêu 28 niềng chiũ-gié kī gáu 29 niềng chũng-gié Ừ-uỏk-cáik cī.

GĪNG-DẬ-MỄK. Cêu gậng ĩ muòng-sẻng gōng, Dêu sậ, nâ cộ gẻng gì nệng ciêu. Gó-chũ nữ diõh giù chềng ciō sãi cộ gẻng gì nệng kộ gák ciā dêu. (Mt. 9: 37, 38.)

Sẻng-Gẻng lộh bảng lậ tẻk. Mk. 6: 1—13.

Sẻng-Gẻng Nỉk Kuó.

Bái-ék, Mk. 6: 1—6. Lg. 4: 16—30. Bái-sé, Mt. 10: 24, 33.

Bái-nê, Mt. 9: 35—10: 10.

Bái-ngô, Mt. 10: 34—11: 1.

Bái-sảng, Mt. 10: 11—23.

Bái-lẻk, Mt. 14: 1—12.

Lậ-bái-nỉk, Mk. 6: 14—29.



KUÓ-GĀI. Lāung Iá-Sū Piéng-héng Gă-lé-lé Diòng  
Dộ.

Chũi-iòng Iá-Sū ĭng kẹuk nẹng iéng-ké liê Nā-sák-  
lěk, nâ ĩ éng-găi gó lă sêu-sêu sū-muô ĩ buōng-hiōng.  
ĩ ciā si-hâu bô lờh hũ-uái diòng độ. Nâ Nā-sák-lěk nẹng  
káng ĩ bók-guó nâ sê mŭk-chióng Iók-sáik gi giăng,  
cêu ng kīng séng ĩ. ĩ-gáuk-nẹng buōng-lái ậ mùng  
Iá-Sū siê duái ờng, nâ ĭng ĩ-gáuk-nẹng ng séng gi  
iòng-gó, gó-chũ Iá-Sū mộ páh-sáung cái héng sié-nộh  
gi-sêu lờh ĩ-gáuk-nẹng dŭng-găng, nâ sê héng gũi-iông  
sing-cék muők bâng-nẹng hō.

Lờh dạ săng huoi diòng-dộ si-hâu, Iá-Sū kộ gáuk  
siàng gáuk hiōng, gáu-hóng diòng độ liềng muők gáuk  
cŭng gi bâng. Gáuk-chếu gi nẹng dũ ọi Iá-Sū gáu ĩ hũ-  
uái, kộ-sék ĩ dũ mộ dăng-dờng dũ gáu gáuk-chếu. Cêu  
sê ciā iòng-gó, ĩ gēng-sōng sěk-nê muòng-sēng sái ĩ lăng  
ciáh, lăng ciáh chók kộ diòng tiềng-guók gi độ-lī, sái sī  
nẹng bô-uăk, siông-lái ậ táh-gáik, liềng muők bâng dŭk  
gũi. Bô gậng ĩ muòng-sēng gōng, Nũ bảh-bảh sêu ciā  
héng sing-cék gi cái-nẹng, iâ diờh bảh-bảh ụng ciā cái-  
nẹng siê kẹuk huàng sū éng-dáik gi nẹng. Cī sậ muòng-  
sēng cêu siông ĩ-gáuk-nẹng chók kộ héng kộ-lềng nẹng gi  
dái, hẹk-chiā ậ siông nẹng éng-găi ậ huăng-hī sêu-năk  
ĩ. Nâ Iá-Sū sēng tŭng-dī ĩ gōng, ĩ-gáuk-nẹng buóh  
sêu hiềng-lăung, páek-dŭk, chiông ĩ buōng-sing siōh-  
iông. Bô gậng ĩ muòng-sēng gōng, ng sái giăng, diờh  
gé Tiềng-Hô dũ kīng ciêu-gó ciáh-giăng, gáing-gáing  
iâ ậ ciêu-gó nũ-gáuk-nẹng.



Cĩ siõh huòì diòng độ buòh uòng si-hâu, guồng gǎng-diē gì Siē-sā-lā Iók-hâng kẹuk Hĩ-lũk tái kọ. Ĩ muòng-sẻng sẻng muài-cáung ĩ sẻng-sĩ, hâu li gẻng Ià-Sũ háng.

Ủng-sik Gì Muóng.

1. Hiềng-sì sũ tẻk cĩ gui kuó sê lầung Hók-ỉng Sũ-gẻ gẻ diē siõh Cháh gì dái ?
2. Chiāng ciồng Hók-ỉng Sũ-gẻ sẻng sé Cháh gì củng-dạ bẻng chẻu-sẻu nằng.
3. Dạ IV Cháh gáuk kuó sê siẻ-nọh dạ-mẻk ?
4. Dạ V Cháh ĩ-gẻng tẻk gì gáuk kuó sê siẻ-nọh dạ-mẻk ?
5. Chiāng sủk sẻng siõh kuó sũ-iũ gì sẻng-cẻk.
6. Bẻng dạ II Cháh gẻ, Ià-Sũ ô hẻng siẻ-nọh sẻng-cẻk ?
7. Bẻng dạ IV Cháh gẻ ô hẻng siẻ-nọh sẻng-cẻk ?
8. Dụ siồng kuó sũ cái gì sẻng-cẻk ĩ-nguôi, dạ V Cháh nẻi gó ô gẻ siẻ-nọh sẻng-cẻk ?
9. Buồng kuó siẻ-nọh dạ-mẻk, siẻ-nọh Gẻng-dạ-mẻk.

I DÁUNG. Dạ Nẻ Huòì Ià-Sũ Diỏh Nả-sák-lẻk Kẻuk Nẻng Iẻng-kẻ. Mt. 13 : 54—58. Mk. 6 : 1—6.

1. Ià-Sũ dạ sẻng huòì cẻu sê muôi huòì diỏh Gả-lẻ-lẻ diòng độ kĩ-chiũ si-hâu bỏ kọ diẻ ôi-chẻu ? (Mk. 6 : 1.)

2. Diỏh huôi-dòng lả gì nẻng ciồng-iồng sẻu-nẻk ĩ gì uả ? (Mk. 6 : 2, 3.)

3. Ciồng-gẻ ĩ lỏh hủ-uái mỏ dẻng-dẻng hẻng ô cẻi-nẻng gì dái ? (Mk. 6 : 5, 6.)

II DÁUNG. Siẻ Dạ Sẻng Huòì Diòng Độ Gì Diỏ-tiàng. Mt. 9 : 35. Mk. 6 : 6.



III DĀUNG. Sĕk-nê Sĕu-dù Hông Chă-kiĕng. Mt. 9: 36—  
11: 1. Mk. 6: 7—13. Lg. 9: 1—6.

4. Ià-Sū dậ sǎng huòi chók-muòng diòng dộ sê kộ sié-nộh  
 ôi-chĕu liềng cộ sié-nộh? (Mt. 9: 35.)

5. Ià-Sū káng-giềng cĕung-nềng cĕu kĭ sié-nộh sĭng? (Mt. 9:  
 36.)

6. Lâung cĕung-nềng gì dâi cĕu gâeng ĩ muòng-sĕng ciông-  
 iông gông? (Mt. 9: 37, 38, buôi.)

7. Cái hâu Ià-Sū ciông-iông chă-kiĕng ĩ sĕk-nê sĕu-dù tàu  
 huòi chók kộ diòng dộ? (Mk. 6: 7.)

8. Ià-Sū sĕu sĕk-nê sĕu-dù sié-nộh guòng-báng? (Mt. 10: 1  
 7, 8.)

9. Hŭng-hó muòng-sĕng muôi kĭ-sĭng diõh ciông-iông ệu-bê?  
 (Mt. 10: 9, 10.)

10. Bô gǎu-dâi ĩ lộh gáuk siàng gáuk hiõng diõh ciông-iông  
 cộ? (Mt. 10: 11—14.)

80 CIÓ-GĀI. Dõng liê nềng chió, hĕk sê hiõng-chõng sì-  
 hâu, hók kộ kǎ lậ ững-dìng, cĕu sê biêu-mìng gâeng hủ-uái  
 gì nềng mọ cái gǎu-chák.



11. Ià-Sũ buák-chāng ĭ muòng-sěng gōng nẹng buóh ciōng-iông káng-dài nũ-gáuk-nẹng? (Mt. 10: 16—18.)

81 CIÓ-GĀI. Mt. 10: 16—23. sê cī Ià-Sũ sī ĭ-hāiu nẹng buóh ciōng-iông káng-dài muòng-sěng; ng sê cī cī siōh huòi chók-muòng diòng độ sị-hāiu.

12. ĭ-gáuk-nẹng diōh ciōng-iông diòng độ? (Mt. 10: 26, 27.)

13. Mì-dũk diōh giǎng diê-nẹng? (Mt. 10: 28.)

14. Ià-Sũ ẹụng sié-nộh hō gì uâ miēng-lậ ĭ-gáuk-nẹng? (Mt. 10: 29—31, buôi.)

15. Ià-Sũ gōng nẹng nâ ĭng-ôi ĭ cộ siōh iông gik siêu-kộ gì dài, iâ ậ dáik sié-nộh? (Mt. 10: 42, buôi.)

16. Sẻk-nê sếu-dù hông mềng kộ sị-hāiu, Ià-Sũ kộ dặng-nề liềng cộ sié-nộh? (Mt. 11: 1.)

IV DĀUNG. Siẻ-sạ-lậ Iók-hāng Sêu-sī. Mt. 14: 1—12.  
Mk. 6: 14—29. Lg. 9: 7—9.

17. Sêu-hũng gì Hỉ-lũk uòng tiǎng-giềng Ià-Sũ sū hềng gì sịng-cék cêu gōng sié-nộh? (Mt. 14: 1, 2.)

18. Chiāng sủk Siẻ-sạ-lậ Iók-hāng sêu-sī gì dài? (Mt. 14: 3—12.)



Gáu-hóng Cūng muóng.

19. Ciā sì-hâiu sĕk-nê sĕu-dù hông mĕng nâ kọ diê-nĕng lă? (Mt. 10: 5, 6.)

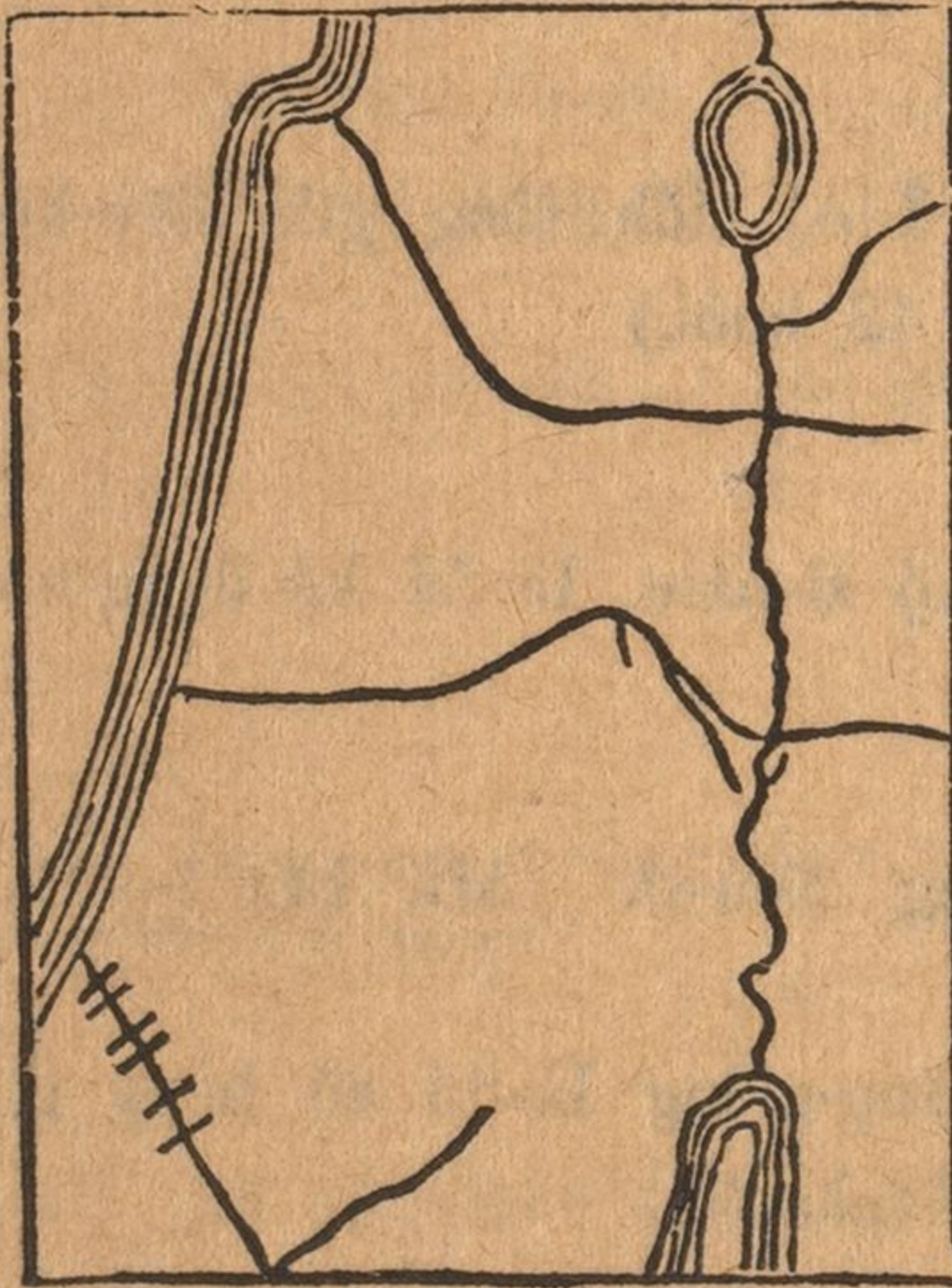
20. Ī-hâiu Ià-Sŭ chă-kiĕng ĩ kọ diê-nĕng lă? (Mt. 28: 19.)  
Hiĕng-sì Ià-Sŭ diêu diê-nĕng cọ ciā gĕng-hŭ?

21. Ià-Sŭ gōng sié-nóh lăung mĭng-nĕng Ī lŏh nĕng sĕng. (Mt. 10: 32, 33.) Nù-nĕng ậ ciōng-iōng nĕng Gĭ-Dók, ậ ciōng-iōng ng nĕng Ī?

22. Ià-Sŭ ọi nĕng ciōng-iōng tiáng Ī? (Mt. 10: 37.)

23. Ī mĕng nĕng tá Ī cọ sié-nóh gĕng-hŭ? (Mt. 10: 38.)  
Sié-nóh ậ sáung-dék sê nù-nĕng gì sĕk-cê-gá?

24. Liők-sŭk Siĕ-să-lă Iók-hâng ék-sĕng gì dâi.



1. Chiāng uâ mĭng Iù-tái guók sǎng sĕng gì dĕ, liĕng gé miàng lŏh dù lă.

2. Cĭ mĭng Ià-Sŭ gáung-sĕng gì ôi-chĕu.

3. Cĭ Ià-Sŭ cọ sá diōng duái gì ôi-chĕu.

4. Cĭ Ià-Sŭ hĕng tâu siŏh iōng sĭng-cék gì ôi-chĕu.

5. Cĭ Ià-Sŭ gáu duái sŭ dĕu gì siàng.

6. Cĭ mĭng liĕ ciā siàng să-nàng sié 60 lĭ siŏh hiōng-chōng gì miàng,

Ià-Sŭ báik-cĕng lŏh ciā ôi-chĕu, hĕng siŏh iōng duái sĭng-cék.

7. Cĭ mĭng Iók-hâng guōng-gǎng gì ôi-chĕu.

8. Cĭ Gă-dâi-lăk gì dĕ-huōng.



DẬ XX KUÓ.

Lâung Diõh Giã-báik-nùng Hèng Sìng-cék.

Mt. 14: 13—15: 20. Mk. 6: 30—7: 23. Lg. 9: 10—17. Ih. 6  
ciõng ciõng.

GĨNG-DẬ-MỆK. Ià-Sũ éng gōng, Nguāi cêu sê sêng-mêng  
gì biāng: huàng lì Nguāi lā, ĩng-uōng mậ gũ, séng Nguāi gì  
nệng dòng giũ mậ kák. Nâ Nguāi báik-cèng gậng nũ gōng  
lâu, nũ-nệng káng-giêng Nguāi bô ng séng. (Ih. 6: 35, 36.)

Séng-Gĩng lợh bắng lậ tặk. Ih. 6: 35—51.

Séng-Gĩng Nĩk Kuó.

Bái-ék, Mk. 6: 30—46.

Bái-sé, Ih. 6: 22—34.

Bái-nê, Mk. 6: 47—56.

Bái-ngô, Ih. 6: 35—51.

Bái-sắng, Ih. 6: 1—21.

Bái-lặk, Ih. 6: 52—71.

Lậ-bái-nĩk, Mk. 7: 1—23. Mt. 15: 1—20.

KUÓ-GĀI. Lâung Ià-Sũ Diõh Sắng-dĩng Liềng  
Hãi-méng.

Dậ sắng huoi diòng độ uóng lâu diōng lì si-hâu,  
Ià-Sũ gậng muòng-sêng cêu kộ Gắ-lé-lé hẩi dặng-báek-  
sié gì nghiàng-biềng, ọi hiók-sék piềng-sí, nâ cệung-nệng  
gặng ĩ. Gáu buáng-buổ Ià-Sũ giềng cệung-nệng bók-lộ  
gũ, cêu mậ siā dэк giếu ĩ kộ, cêu ciõng ngô dọi duái-  
mắh biāng liềng lắng tầu sắ ngự buồng kệuk cệung-  
nệng siáh, sũ siáh gì nệng dụ cũ-niòng-nệng niê-giàng  
ĩ-nguôi ô ngô chiềng. Dủ siáh bắ lâu, sũ diòng gì  
chọi gó diō sэк-nê lắi muàng-muàng. Cệung-nệng giềng  
ciā dắi duái gắng-dông cêu gōng, Ciā nệng cỉ gì-dэк,



éng-găi sê Mi-Suói-Ā, ă páh iàng lūng-cūng gi siú-dĭk. Gó-chū cẹ̀ng-nẹ̀ng cék-káik cêu buóh lĭk Iá-Sū có uòng. Gáuk-nẹ̀ng gĭk kọ cǝng-dẹ̀ng Ĩ, nâ cĭ sióh si Iá-Sū sū ọi lĭk gi guók gâeng sié-siông gi guók duài gáuk-iông. Gó-chū Iá-Sū dā-huák cẹ̀ng-nẹ̀ng sáng kọ giéu muòng-sẻng diông Giă-báik-nùng, Ĩ cê-gă sióh gă nẹ̀ng cêu kọ cẻng gi ôi-chẻu gi-dộ.

Hū sióh buố, áng-áng dióh, muòng-sẻng muô-muô káng-giẻng sióh gă nẹ̀ng dióh hăi-mẻng lă giăng, ĩ-gáuk-nẹ̀ng kĭ-sẻng duài giăng, nâ Iá-Sū gâeng ĩ gōng, Sê Nguăi; ng săi giăng. Bĭ-dáik cêu kọ ciẻk Ĩ. Nâ Ĩ giẻng-gáek buóh tẻng, cêu gáe gōng, Ciō ă! géu nguăi. Iá-Sū cêu kẻng chiū cáik-bê ĩ siêu-sẻng, liẻng iẻu ĩ bẻng-ăng siông sẻng.

Dậ nê nĭk, Iá-Sū dióh Giă-báik-nùng gōng-lâung Sẻng-mẻng Biăng mĭ-miẻu gi độ-lĭ. Tiẻng gi nẹ̀ng ciáh huôi-nguô, gáuk-nẹ̀ng mộ dẻng-dẻng iú Iá-Sū lă dáik sié-gẻng gi ỉng-iẻu siông-sẻu. Huóng-chiă ĩ-gáuk-nẹ̀ng mộ sẻng ciẻk-năk tiẻng-guók gi độ-lĭ, gó-chū iă sậ ciáh iẻng-ké liẻ Iá-Sū kọ Gă-lẻ-lẻ. Nẹ̀ng ciẻng-ciẻng sẻng kĭ hiẻng-hâung gi sẻng hiẻng Iá-Sū, cêu sê ỉng Iá-Sū gâeng Huák-lẻ-suói nẹ̀ng buảng-báuk muôi siáh sẻng sậ chiū gi liẻ, bô ỉng Iá-Sū cáik-bê Huák-lẻ-suói nẹ̀ng gi sẻng-sẻng, ỉng ĩ nâ cỉẻng-lâung ciă nguôi-miẻng ngĭ-ủng gi dăi. Cẻu cũ-uái kĭ lẻh Gă-lẻ-lẻ, nẹ̀ng ciẻng-ciẻng ké Iá-Sū, mộ cái gẻng Ĩ.



Ũng-sík Gì Muóng.

1. Sèng kuó lăung sié-nộh ?
2. Ià-Sũ dăng muōi-muōi huoi kộ diê ôi-chệu ?
3. Nệng ciông-iông ciék-dâi Ĩ ?
4. Ĩ-sèng Ià-Sũ diồh ciā ôi-chệu ô sié-nộh lài-lĩk ?
5. Ià-Sũ ciông-iông chặ-kiềng sẻk-nê muông-sẻng chók kộ ?
6. Ià-Sũ dẻk-dẻk sẻu ĩ sié-nộh guông-báng ?
7. Gáu-hóng ĩ sié-nộh uâ ?
8. Ià-Sũ gậng ĩ gông, Nệng buồh ciông-iông káng-dâi nũ ?
9. Ciông-gì ĩ-gáuk-nệng ng sâi giăng ?
10. Ià-Sũ gông sié-nộh lăung lộh nệng sẻng nẻng Ĩ ?
11. Ià-Sũ bô gông diồh ciông-iông tiáng Ĩ ?
12. Lăung siồh buồi gì cũi Ià-Sũ ô gông sié-nộh ?
13. Chiăng sủk Siẻ-sạ-lạ Iók-hâng sỉ gì lài-lĩk.
14. Buông kuó sié-nộh dạ-mẻk, sié-nộh Gẻng-dạ-mẻk ?

I DĂUNG. Ciô Kẻuk Ngồ Chiềng Nệng Siảh Bả. Mt. 14: 13—23. Mk. 6: 30—46. Lg. 9: 10—17. Ih. 6: 1—15.

82 CIÓ-GĂI. Buông kuó nội sũ cái gì dâi ô sậ, nũ-nệng tẻk cỉ siồh buông gì cũi nâ ô dắng-dởng gông gì-dựng gì dâi-liỏk, sâi nệng ậ hiẻu-dẻk Sẻng-Iók Sũ-gẻ dựng-gắng gì cẻng-chệu cẻu sẻ.

1. Sẻk-nê sẻu-dủ diông lỉ si-hậu, Ià-Sũ gậng ĩ cậ kộ diê ôi-chệu ? Ciông-gì kộ hủ-uái ? (Mk. 6: 30. Lg. 9: 10.)

2. Chiăng sủk Ià-Sũ lộh hủ-uái sũ hẻng gì sẻng-cẻk ? (Ih. 6: 4—13. Mk. 6: 33—44.)

3. Ciā sẻng-cẻk ciông-iông gắng-dỏng bắh-sắng ? (Ih. 6: 14, 15.)



II DĀUNG. Ià-Sū Lặ Hāi-méng Lặ Giàng? Mt. 14: 24—36.  
Mk. 6: 47—56. Ih. 6: 16—21.

4. Gáu áng Ià-Sū kộ dặng-nệ, ĩng sié-nộh iòng-gó kộ? (Mt. 14—23.)

5. Chiāng sủk hữ siớh buổ sủ ngậu gì dái? (Mt. 14: 24—33.)

III DĀUNG. Lầung Sẻng-Mềng Biāng. Ih. 6: 22—71.

6. Dậ nê cầ cệung-nệng diớh dặng-nệ tộ diớh Ià-Sū? (Ih. 6: 24—59.)

7. Cỉớng-gì tộ Ĩ? (Ih. 6: 26.)

8. Gáuk-nệng giéu Ià-Sū cộ sié-nộh ĩ-dé gáuk-nệng ciáh ậ sếng? (Ih. 6: 30, 31.)

83 CIÓ-GĀI. Iù-tái nệng siớng gầung mầ-nầ gì sềng-cék ậ sầung-dék lặ Gồ-Iók dậ ék duái gì sềng-cék, gồ-chữ iầ ọi Ià-Sū hềng siớh iớng sềng-cék ậ gầeng cuoi sầung-dék bàng-bàng duái kéuk ĩ-gáuk-nệng káng. Nầ Ià-Sū ĩ-gểng sủ hềng gì sềng-cék ô gầu cộ cềng-giềng lầu. (Ih. 5: 36.) Gồ-chữ nầ sề ĩng-oi nệng ọi káng-giềng Ĩ cộ mậ hắk-lĩ gì sềng-cék.

9. Iù gầung mầ-nầ gì sềng-cék, Ià-Sū chểng Ĩ buớng-sểng sề sié-nộh? (Ih. 6: 35.)

10. Cỉớng-gì Iù-tái nệng ng kểng sếng Ià-Sū sề iù tiểng gầung-lểng? (Ih. 6: 41, 42.)



84. CIÓ-GĀI. Ià-Sũ bô dák-éng Iù-tái nèng gōng, Ī sê iù tiěng lă lì (Ih. 6: 51,) bô gōng huàng ọi dák ĩng-sěng gì nèng, dék diōh siăh Ī gì nŭk. (Ih. 6: 53—56.) Ciā uâ cêu sê cī Ī buóh siā sĭng déng lŏh sĕk-cê-gá. Siăh Ī gì nŭk, é-sĕu gōng diōh séng Ī sê nguāi-nèng déng lŏh sĕk-cê-gá gì Géu-Ciō.

11. Ī muòng-sěng tiăng-giěng ciā uâ cêu gōng sié-nŏh? (Ih. 6: 60.)

12. Ī-gáuk-nèng có sié-nŏh? (Ih. 6: 66.)

13. Ià-Sũ muóng Ī muòng-sěng sié-nŏh uâ, biēu-mìng nâ ô gūi ciáh nèng gó lă gŭng Ī? (Ih. 6: 67.)

14. Diē-nèng ệung sié-nŏh uâ éng Ī? (Ih. 6: 68.)

IV DĀUNG. Lâung Muôi Să Chiū Muōng Siăh. Mt. 15  
1—20. Mk. 7: 1—23.

15. Guó mọ niōh òng, Huák-lé-suói nèng ciōng-gì bô sĭng Ià-Sũ gì dāng? (Mt. 15: 1, 2.)

16. Ià-Sũ gōng Huák-lé-suói nèng sê diē siōh dēng gì nèng? (Mt. 15: 7—9.)

17. Huák-lé-suói nèng tiăng ciā uâ ĩ sĭng biéng sǎng-niōh-sék? (Mt. 15: 12.)



## Gáu-hóng Cūng Muóng.

18. Ià-Sū cệu chững buōng-sing sê diê-neng? (Ih. 19: 21.)  
Ciōng-gì Ī ng kīng dái guǎng-miēng?

19. Ciā sì-hâu diê-neng sê Ià-Sū gì bēng-iū? Diê-neng sê Ī gì siù-dik? Neng ciōng-gì liê Ī?

20. Lộh Ih. 6: 40, 47, 54 ciék nôi, Ià-Sū gōng Īng Sēng, cī lāng cê sê sié-nộh é-séu?

21. Ià-Sū cộ sié-nộh dái sái nguai-neng dái k ing sēng? (Ih. 15: 13.)

22. Nù-neng ciōng-iōng ậ dái k ing-sēng? (Ih. 6: 35, 40, 51, 54, buôi 51 ciék.) Sēng Gĩ-Dók sê sié-nộh é-séu?

85 CIÓ-GĀI. Lì cêu Ià-Sū (Ih. 6: 35), séng Ī (40 ciék), siǎh Ī gì nựk (51, 53 ciék), é-séu dũ sê siōh-iōng, cêu sê nù-neng nâ ọi dái k ing sēng diōh ciōng Ià-Sū Gĩ-Dók cộ nù buōng-sing gì Gáu-Ciō, liēng miēng-līk ộh Ī gì muò-iōng. (Lm. 5: 1, 2, Sd. 4: 12.)

## Séng-Gǐng Ũng-sik Gì Muóng.

1. Ī-sáik-liěk báh-sáng lộh kuōng-iā bók-lō gũ, uóng-táng Siōng-Dạ sì-hâu, Siōng-Dạ éng-sing ĩ sié-nộh? (C. 16: 11, 12.)

2. Dạ nê cā ngệu diōh sié-nộh dái? (C. 16: 14, 15.)

3. Ī-sáik-liěk neng siōh lặ-bái mǎ-nǎ kák gũ huòì? (C. 16: 21, 22, 26.)

4. Diō mǎ-nǎ gì gǐng bìng còng lộh dặng-nệ kẹuk neng gé-niēng? (C. 16: 33, 34. Hbl. 9: 4.)

5. Siōng-Dạ gáung mǎ-nǎ niōh òng? (C. 16: 35.)

6. Ciā mǎ-nǎ sê sié-nộh iōng-sék? Neng ciōng cuòì ciōng-iōng cộ siǎh? (Msg. 11: 7, 8.)

7. Gán muòì mǎ-nǎ gáu sié-nộh sì-hâu sák kộ mò dāung? (Ic. 5: 10—12.)



8. Huàng ciâ Gĩ-Dók iàng guó côi-áuk gì neng, ậ dáik sié-nộh éng-hũ? (Ms. 2: 17.)

---

DẬ XXI KUÓ.

Ừng-sik Tầu Huoi Gặng Dậ Nê Huoi Diõh Gă-lé-lé Diòng Dộ Gì Cìng-hìng.

Dậ IV dậ V Lâng Cháh cêu sê X gáu XX Kuó.

Iù Ià-Sũ gáung-sẻng hâu, 27 niềng 12 nguỏk gáu 29 niềng 4 nguỏk 18 nỉk, cêu sê Ừ-uỏk-cáik gì nỉk, iók-liỏk ô 16 gầ nguỏk nỉk gì sì-hâu.

86 CIÓ-GĀI. Buông kuó ậ bấu-guák Ià-Sũ dậ ék huoi dậ nê huoi diõh Gă-lé-lé, sũ-iũ diòng độ gì cìng-hìng. Cêu sê iù Gă-lé-lé dâi-dỡng liềng nàng-sié kī-chiũ diòng độ kī, gáu lộh Giă-báik-nùng hềng sìng-cẻk lậ cī. Cười cêu sê Ià-Sũ diòng độ dậ ék gẻk-chiẻk gì sì-hâu. Ỉ diòng độ dâi-kái sê bừng â-dậ sũ gẻ gì (1) Piềng-diòng tiềng-guỏk gì Hók-ỉng lộh Gă-lé-lé cìòng-dẻ, liềng hềng ô sậ gì-dẻk gì sìng-cẻk sãi sũ diòng gì độ gắ-buoi guông-kuák, nềng gáing chẳng sẻng. (2) Ià-Sũ gì miàng-siảng muông òng muông chỏk miàng, gáu nềng buỏh gắng Ỉ cộ guỏk-uòng. (3) Tẻk-cữ-nềng liềng Huák-lẻ-suoi nềng cẻk-káik kī dậ-dỉk gì sỉng. (4) Lộh dậ-dỉk dặng-gắng siẻk-lỉk tiềng-guỏk. (5) Ià-Sũ lộh Giă-báik-nùng hềng sìng-cẻk hâu, kẻuk nềng iềng-kẻ.

GỈNG-DẬ-MỄK. Ià-Sũ cêu kộ gáuk siàng gáuk hiởng lộh huoi-dòng gá nềng, diòng tiềng-guỏk Hók-ỉng gì độ lĩ muỏk báh-sáng gáuk cững gì cỉk gặng bằng-tiàng. (Mt. 9: 35.)



## Séng-Gĭng Nĭk Kuó.

Bái-ék, Lg. 4: 16—30.

Bái-sé, Mt. 5: 1—20.

Bái-nê, Mk. 1: 21—39.

Bái-ngô, Mt. 11: 2—19.

Bái-săng, Ih. 5: 1—29.

Bái-lĕk, Mt. 12: 22—37.

Lă-bái-nĭk, Ih. 6: 30—51.

## Ũng Gĭng-dà-mĕk Ông-dák.

10 Kuó. Géu-Ciō lŏh Gă-lé-lé miéh-nŏh sì-hâu kĭ-chiū liêng sĕng diòng sié-nŏh dŏ-lĭ? (Mk. 1: 14, 15.)

11 Kuó. Ciā sì-hâu Ciō dĕk-é cŏ sié-nŏh dâi? (Mt. 4: 23.)

12 Kuó. Ià-Sŭ gĭ siŭ-dĭk gâeng Ĩ buàng-báuk siá-cŏi gĭ guòng-báng, Ià-Sŭ ciŏng-iông éng hiêng-mìng Ĩ ô ciā guòng-báng? (Mk. 2: 10, 11.)

13 Kuó. Ià-Sŭ gŏng siék-lĭk ăng-sék-nĭk gĭ buông-é sê sié-nŏh? Diê-nĕng sê ăng-sék-nĭk gĭ Ciō. (Mk. 2: 27, 28.)

14 Kuó. Ià-Sŭ ciŏng-iông iàng guó siù-dĭk liêng siék-lĭk Siông-Dá guók? (Lg. 6: 12, 13.)

15 Kuó. Bìng Ià-Sŭ gŏng Siông-Dá guók gĭ cŭ-mìng diŏh lĭk sié-nŏh dáik-hâing? (Mt. 5: 48.)

16 Kuó. Ià-Sŭ kĕk sié-nŏh uâ éng Siĕ-să-lă Iók-hâng kŏng-gĭ muóng, bô gŏng diê-nĕng ậ dáik gáik-nguôi gĭ hók-ké (Mt. 11: 4—6.)

17 Kuó. Muòng-sĕng muóng Ià-Sŭ ciŏng-gĭ ệung bĭ-ệụ gá báh-sáng, Ià-Sŭ ciŏng-iông éng? (Mt. 13: 11, 12.)

18 Kuó. Ià-Sŭ ệung hêng sĭng-cék gĭ guòng-báng guāng uāng ۆk, sâi sŭ káng gĭ nĕng sĭng săng-miéh-sék? (Mt. 8: 27.)

19 Kuó. Ià-Sŭ buŏh chă-kiêng muòng-sĕng lāng ciáh lāng ciáh chók kŏ diòng dŏ sì-hâu, ciŏng-iông gŏng-lāung ciā Gă-lé-lé nĕng siŭ dŏ gĭ sĭng, liêng tá ĩ gĭ-dŏ sié-nŏh? (Mk. 9: 37, 38.)



20 Kuó. Giă-báik-nùng gì nẹng nghiê-lâung sì-hâu, Ià-Sŭ ciông-iông pọ ciā ng séng gì nẹng gì kō-ngì? (Ih. 6: 35, 36.)

Dậ IV Cháh Sĭk Muóng.

1. Dậ IV Cháh, sê lâung Ià-Sŭ sié-nộh dái?

2. Ciông ĩ-hâ ciông-ciék sū gé iéu-gĭng gì dái gāng-sāng sŭk chók.

Mk. 1: 14, 15.

Ih. 4: 46—54.

Lg. 4: 16—30.

Mk. 1: 16—20.

Mk. 1: 21—34.

Mk. 1: 35—39.

Mk. 2: 1—12.

Mk. 2: 13—17.

Mk. 2: 18—22.

Mk. 2: 23—28.

Mk. 3: 1—6.

3. Ià-Sŭ lộh Nā-sák-lĕk kéuk nẹng iéng-ké hâu, cêu kọ diê ôi-chéu dêu? Muôi ciêu tàu sé ciáh sĕu-dù sì-hâu Ià-Sŭ ô hèng sié-nộh sĭng-cék?

4. Lộh Giă-báik-nùng hèng sĭng-cék hŭ siōh nĭk, ĩ ô hèng sié-nộh sĭng-cék? Chiāng sŭk Ià-Sŭ tàu huò chók-muóng diòng độ sì-hâu, sū hèng sĭng-cék dŭng-gāng gì siōh iông.

5. Ià-Sŭ cĭ siōh chéu diòng độ buóh uông sì-hâu báh-sáng kĭ



sié-nóh sĭng? Tĕk-cŭ-nèng gāeng Huák-lé-suói nèng kī sié-nóh sĭng?

Dậ V Cháh Sĭk Muóng.

6. Dậ V Cháh sê lāung Ià-Sŭ sié-nóh dāi?

7. Ciōng ĩ há sū gé iéu-gĭng gì dāi gāng-sāng sŭk chók.

Mk. 3: 7—19.

Mt. 5: 1—8: 1.

Lg. 7: 1—10.

Lg. 7: 11—17.

Lg. 7: 18—35.

Lg. 7: 36—50.

Lg. 8: 1—3.

Mt. 12: 22—45.

Mt. 13: 1—53.

Mt. 4: 35—41.

Mk. 5: 1—20.

Mk. 5: 21—43.

Mk. 6: 1—6.

Mk. 6: 6—13.

Mk. 6: 14—29.

Ih. 6: 1—15.



Ih. 6: 22—71.

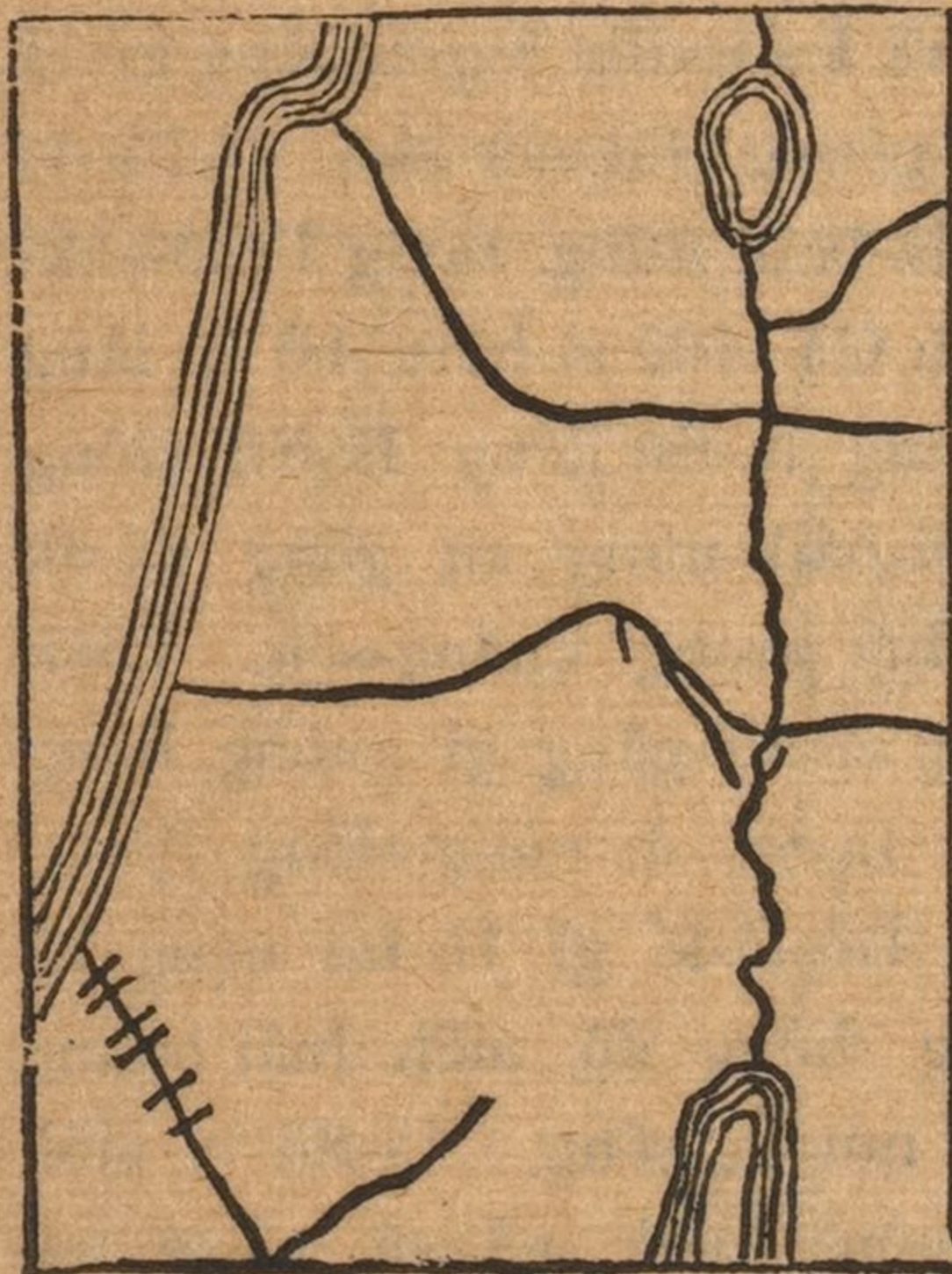
Mt. 15: 1—20.

8. Ià-Sū ciōng-gì gēng-sōng sĕk-nê muòng-sĕng? Siōng sǎng gōng độ hâu, cêu gāng ĩ muòng-sĕng kó diê ôi-chĕu? Lặ diō-dōng, iù Siĕ-sā-lặ Iók-hāng lặ dáik sié-nộh sĕng-sĕk?

9. Cĩ siōh huòi diòng độ uòng, diōng lì sì-hâu, tĕk-cự-nĕng gāng Huák-lé-suói nĕng gó Ià-Sū sié-nộh dái? Hữ siōh nĭk ĩ siĕk sié-nộh bĩ-ĕu? Dậ nê nĭk bô hĕng sié-nộh sĭng-cĕk?

10. Ià-Sū cĩ siōh huòi kĩ-chiũ diòng độ, báh-sáng ciōng-iōng káng-dái ĩ? Gáu-muôi sǎng-miĕh-sĕk? Ciōng-gì ciōng-uāng biĕng-uāng?

Cūng Muóng.



11. Ià-Sū cĩ lāng huòi sũ hĕng gì sĭng-cĕk nũ ậ gé dĕk gũ iōng? Nũ siōng diê siōh iōng dậ ĕk gì-dĕk?

12. Ià-Sū lặ ciā sì-hâu gōng sié-nộh độ-lĩ? Diê siōh dĕu sǎng sê dậ ĕk iĕu-gĭng?

13. Kĕuk nũ siōng ĩ ciā sì-hâu sũ gōng gì uā, diê siōh guó é-sĕu dậ ĕk hō tiǎng? Diê siōh dĕu gì gái-mĕng dậ ĕk gǎng-nàng siũ. Diê siōh iōng gì ĕng-hữ dậ ĕk bō-buói?

14. ĩ ciā sì-hâu lặ Gǎ-lé-lé chók-muòng diòng độ gĕung-cūng gũ huòi? Muôi huòi iók-liők miĕh-nộh sì-hâu?

15. Ciōng cĩ gũ kuó bìng nũ sũ ậ gé dĕk gì dĕ miàng ció lặ dù lặ, liĕng sũk gáuĕk ôi-chĕu sũ ngĕu diōh gì dái.



## DẬ VI CHÁH.

Lâung Dậ Săng Huòi Diõh Gă-lé-lé Diòng Dộ Cệu Tội Kọ Gă-lé-lé Báek-biêng Gáu Muõi Huòi Liê Gă-lé-lé Kọ Ià-lô-sák-lēng. Cệu sê 29 niềng 4 nguõk 18 nĩk kĩ gáu buõng niềng 11 nguõk cĩ.

87 CIÓ-GĀI. Buõng Cháh sū lâung sê Ià-Sũ muõi niềng diòng dộ siông buáng niềng sū cộ gì dái. Cệu lợh Giă-báik-nùng báh-sáng nghiê-lâung ĩ-hâu, Ià-Sũ hũng-mìng hiêu-dék ĩ mọ dǎng-dõng cái lợh Iù-tái dũng-gǎng hềng sệu. Gó-chũ cệu kọ Gă-lé-lé báek-biêng huông gì dē-huõng (Ih. 7: 1), miềng dék Iù-tái nềng hiềng-hâung ọi tài ĩ. Ô siõh huòi Ià-Sũ kuàng Dĩ-gă-pợ-lé sì-hâu sềng cǎng-sì diòng kọ Gă-lé-lé, nâ ĩ siù-dĩk ĩng-nguõng gó lậ dậ-dĩk ĩ, gó-chũ Ià-Sũ bô tội kọ lĩng-gệung Gǎi-sák-lé-ā, Pì-lĩk-bĩ gì sǎng. Gáu hâu ĩ bô diòng Giă-báik-nùng, siông Ià-lô-sák-lēng siũ Diõng-mỏk-cáik. Ià-Sũ diõh Gă-lé-lé sì-hâu bô ô lǎng iông iéu-gĩng gì dái, cệu sê Bĩ-dáik nềng Ià-Sũ liềng Ià-Sũ siông sǎng biềng-huá gì gì-sệu. Diõh Giă-báik-nùng sū gõng dậ-ék iéu-gĩng gì dộ-lĩ, cệu sê lâung kiềng-hũ gǎeng kuǎng-sệu. Diõh Ià-lô-sák-lēng sū gõng gì, cệu sê lâung cộ sié-gǎng gì guõng liềng ô cệu-iù gì sǎng. Dõng ciā sì-hâu Ià-Sũ ô uõng-ciòng diòng tiềng-guók Hók-ĩng gì gễng-hũ lợh Gă-lé-lé gì Iù-tái nềng lậ. ĩ sū cộ gì gễng-hũ ng sê ciòng-ciòng diòng dộ, siõh duái buáng cệu sê gáik-nguõi gáu-hóng ĩ sẻk-nê muõng-sềng. Ià-Sũ cĩ siõh huòi sū gĩng-guó gì ôi-chệu êng guõng-kuák, nâ sū gé gì, mọ niõh-uái.



DẬ XXII KUÓ.

Lâung Tỏi Kó Gă-lé-lé Băek-biêng.

Mt. 15: 21—16: 28. Mk. 7: 24—9: 1. Lg. 9: 18—27.

GĪNG-DẬ-MỆK. Ià-Sũ gōng, Nâ nũ-gáuk-nệng gōng Nguāi sê diê-nệng nĩ? Să-muòng Bĩ-dáik cêu éng gōng, Nũ sê Gĩ-Dók, ĩng-sẻng Siông-Dậ gì Giăng. (Mt. 16: 15, 16.)

Sẻng-Gẻng lợh bảng lậ tẻk. Mt. 16: 13—28.

Sẻng-Gẻng Nĩk Kuó.

Bái-ék, Mt. 15: 21—39.

Bái-sẻ, Mk. 7: 24—37.

Bái-nẻ, Mt. 16: 1—12.

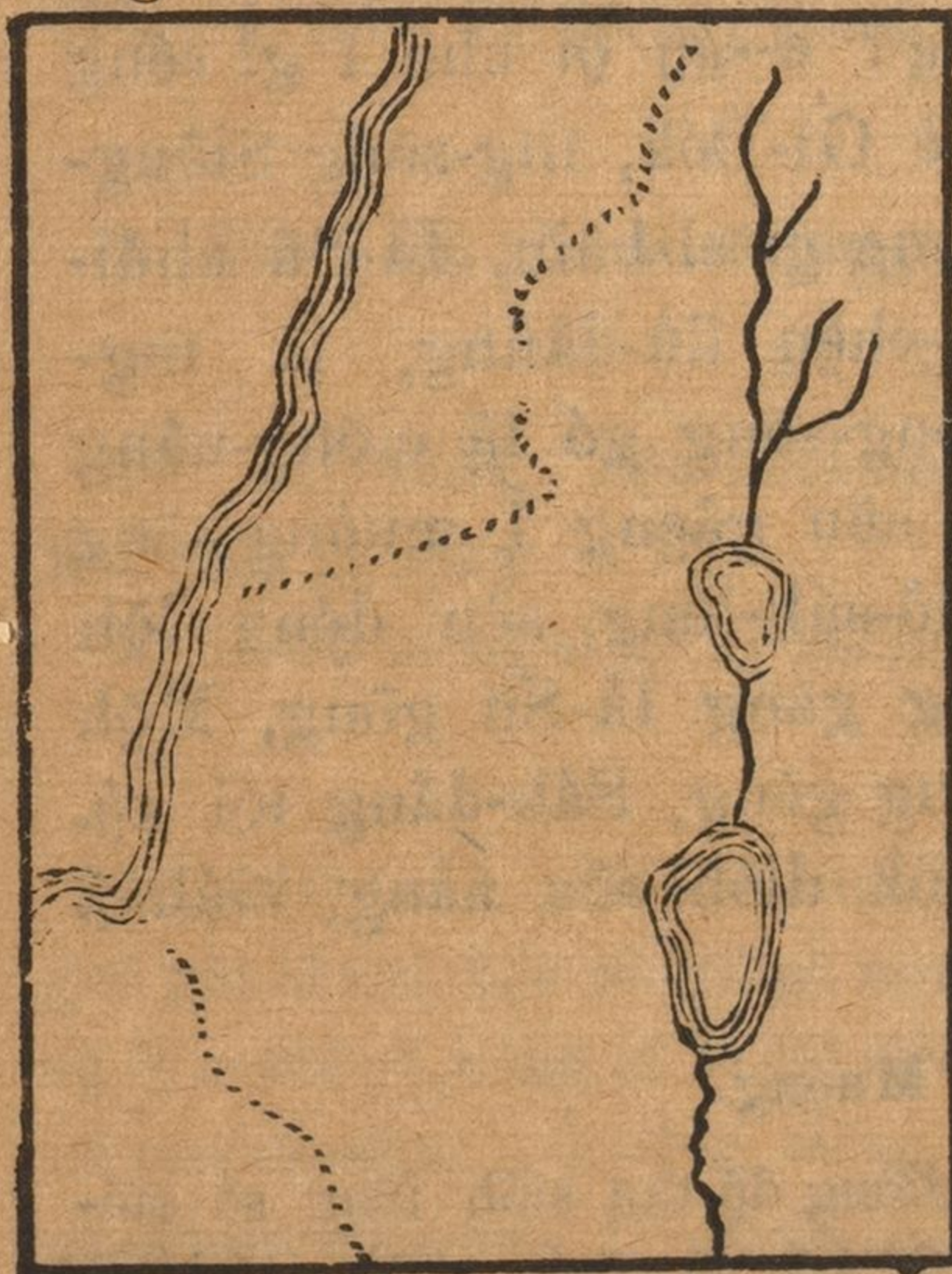
Bái-ngỏ, Mk. 8: 1—21.

Bái-sẻng, Mt. 16: 13—28.

Bái-lẻk, Mk. 8: 22—9: 1.

Lậ-bái-nĩk, Lg. 9: 18—27.

KUÓ-GẬI. Lâung Ià-Sũ Gẻng-nguông Sẻu Nẻng Dặk. Cằg Liẻ Gă-lẻ-lẻ.



Ià-Sũ kẻuk bảh-sẻng diớh Giả-báik-nẻng nghiẻ-lâung hậu, Ià-Sũ cêu liẻ Gă-lẻ-lẻ kỏ Chũi-lỏ Sẻ-dỏng gẻng-nỏ, lợh ciả si-hậu, Ià-Sũ tá siớh ciảh Sẻu-lẻ-pĩ-nậ-gĩ cũ-nẻng - nẻng gì cũ-nẻng-giăng dặk gủi. Hậu ĩ cêu kỏ dẻng-biẻng gẻk huông gì ôi-chẻu, liẻng kuảng nẻng-biẻng li Dẻ-gả-pỏ-lẻ. Lợh cũ-uái Ià-Sũ ỏi ẻng-cẻng, tỏ cỏng sẻng gì ôi-chẻu, nậ



ing ĩ sǎi siǒh ciáh ngê-lêng gi nêng ậ tiǎng-giêng, sêu-  
chêu gi nêng biêng dũ báik-diòng Ià-Sũ ô diǒh hũ-uái,  
cêng sǎ nêng cêu cêu-cik ĩ lă.

Ô nêng dái chǎng-mǎng gi, piǎng-kǎ gi, bǎng-ā gi  
giũ ĩ muők. ĩ-gáuk-nêng gǎng Ià-Sũ siǒh-dôi sǎng  
nik, sũ siǎh gi nộh dũ uòng kộ. Ià-Sũ kộ-lêng ĩ-gáuk-  
nêng cêu biêng biǎng kểuk ĩ siǎh bā, chiòng ĩ ĩ-sêng  
diǒh Báik-suói-dái kểuk ngô chiêng nêng siǎh bā siǒh-  
iòng. Hǎiu Ià-Sũ cêu gǎng ĩ muòng-sêng lộh sùng  
đô guó ú. Gó muôi siòng ngiǎng, ĩ gi siũ-dik cêu buóh  
siék-gié hǎi ĩ, gó-chũ ĩ cék-káik cêu sǎi sùng kộ ú  
báek-sié. Gáu Báik-suói-dái. Ià-Sũ muők hộ siǒh ciáh  
chǎng-mǎng gi nêng. Gǎng muòng-sêng lă giǎng, buóh  
gêung Gǎi-sák-lé-ā Pi-lík-bi, Ià-Sũ cêu muòng ĩ muòng-  
sêng gōng, Nguāi sê diê-nêng? é-sêu ọi ché ĩ gi sêng  
Bĩ-dáik cêu nêng gōng, Nũ sê Gĩ-Dók, ing-sêng Siòng-  
Dá gi Giǎng. Dǒng ciǎ kũ-nǎng gi si-hǎiu, Ià-Sũ chũ-  
iòng diō-biê siũ-dik lộh sêu-chêu liũ-dǎung, iǎ ing-  
nguòng huǎng-hĩ, ing ĩ muòng-sêng gó lă ciǒng-uǎng  
sêng ĩ. Ciǎ dái ĩ-hǎiu Ià-Sũ cêu gǎng ĩ muòng-sêng  
gōng, ĩ ciǒng-buóh lộh Ià-lô-sák-lêng sêu dêng lộh  
sék-cê-gá. Bĩ-dáik duái dǎng gǎng Ià-Sũ gōng, Mộh  
gōng ciǎ uǎ. Ià-Sũ cék-káik éng gōng, Sák-dǎng tội kộ.  
Bĩ-dáik gó mậ hiêu-dék Gĩ-Dók diǒh sêu nǎng, ciáh ậ  
đáik ĩ gi guók.

#### Ừng-sik Gì Muóng.

1. Ià-Sũ tàu chêu diǒh Gǎ-lé-lé diòng độ tàu siǒh iòng sê sié-  
nộh dái? Muôi iòng sê sié-nộh? 2. Dạ nê chêu diǒh Gǎ-lé-lé



diòng dộ, tàu siõh iông gì dâi sê sié-nộh? Muôi iông gì dâi sê sié-nộh? 3. Hiêng-cái nù-gáuk-nềng kī-chiū tẹk lầung Ià-Sũ Sū-gé diê siõh dầung gì dâi? 4. Cĩ siõh dầung gì dâi ô niõh òng? 5. Gì-dựng ô sié-nộh iéu-gĩng gì cừng-hìng (giéng 87 Ció-gāi)? 6. Cĩ siõh Cháh nội gáuk kuó ô sié-nộh dạ-mẻk (22—24 kuó)? 7. Lộh 20 kuó nội ô sié-nộh dâi hiêng-mìng Ià-Sũ duái dáik cềung-nềng huẩng-hĩ ĩ? 8. Gẩ-lẻ-lẻ gì nềng gáu ciã sì-hầiu ciõng-iông dâi Ià-Sũ? 9. Huẩk-lẻ-suói nềng ciõng-iông dâi Ià-Sũ. 10. Buông kuó sié-nộh dạ-mẻk? sié-nộh Gĩng-dạ-mẻk?

I DẦUNG. Ià-Sũ Tàu Huòi Tội Kộ Báek-biểng. Mt. 15: 21—31. Mk. 7: 24—37.

88 CIÓ-GĀI. Hók-sẻng diõh lộh ĩ-siông gì dù cĩ chók buông kuó cái Ià-Sũ sũ gĩng-guó gì diô-tiàng.

1. Báh-sáng lộh Giẩ-báik-nềng nghiê-lầung Ià-Sũ hầiu, Ià-Sũ kộ dẻng-nẻ (Mk. 7: 24.)? Ciõng-gì ĩ ng ọi nềng báik-diòng?

2. Sũk ĩ lộh hũ-uái sũ hềng gì sừng-cẻk. (Mk. 7: 25—30.)

89 CIÓ-GĀI. Sẻu-lẻ-pỉ-nạ-gỉ nềng cẻu sê Pỉ-nạ-gỉ guók Sẻu-lẻ-ả sẻng gì nềng.

3. Ià-Sũ hiêng-sỉ bô kộ sié-nộh huông gì ôi-chẻu? (Mk. 7: 31.)

90 CIÓ-GĀI. Cĩ siõh huòi gì diô-tiàng dạ ẻk ciẻu diõh lĩk guó gũi lặ-bái, hẻk sê gũi gầ nguỏk-nỉk. Diô-dỏng sũ cộ gì dâi, cữ lặ muôi gé, cừng sê Ià-Sũ siõh duái buẩng sê gáu-hóng ĩ sẻk-nẻ muông-sẻng. Ô nềng siông Ià-Sũ cĩ huòi sê kuẩng Chũi-lộ Sẩ-dỏng gĩng-guó Dỉ-gẩ-pỏ-lẻ, kộ Gẩ-lẻ-lẻ hầi dẻng-sẻ ẻk-dỉk



gáu báek-biêng liêng dặng-biêng, guó Lé-bă-nâung săng nạng-sié  
gáu Háik-muòung săng hũ bêng.

4. Gáu diô-tiàng uòng, Ià-Sũ bô hêng sié-nộh sùng-cék? (Mk.  
7: 32—35.)

5. Ià-Sũ mêng ciā nệng sié-nộh uâ, ciông-gì ciông-uâng mêng  
ĩ? (Mk. 7: 36.)

II DÂUNG. Ià-Sũ Câng Sỉ Diông Gă-lé-lé Hâi-biêng. Mt.  
15: 32—16: 12. Mk. 8: 1—26.

6. Ià-Sũ diông lỉ gáu ù dặng-biêng, ciā séng-sék siôh iông-  
diông chók kộ diê-nệng cêu lỉ giéng Ĩ, Ià-Sũ tá ĩ cộ sié-nộh  
(Mk. 8: 1—9.)? Chiăng sũk ciā dâi.

7. Ĩ-sèng dõng sié-nộh sỉ-hâiu lộh sié-nộh ôi-chệu, Ià-Sũ iâ ô  
hêng sùng-cék gậng cỉ siôh iông sớng chiông (Ih. 6: 1—15.)? Cỉ  
lâng iông sùng-cék ô sié-nộh gấuk-iông?

8. Ià-Sũ liê cệng-nệng hâiu, bô kộ dặng-nệ? (Mk. 8: 10.  
Mt. 15: 39.) Mt. 15: 39 gậng Mk. 8: 10 cỉ lâng ôi-chệu gỉ uâ  
bỉ-piâng cêu hiêu-dék Dâi-mă-nù-dâi éng-gải sê siôh ciáh hiông-  
chõng gậng Muăk-dâi-lăk dê-gải lộh Gă-lé-lé hâi sắ-biêng.



9. Diê-nềng gāng lì giéng ĭ, liềng giù ĭ có sié-nộh? (Mk. 8: 11; 83 Cíó-gāi muôi.)

10. Ià-Sŭ ciông-iông éng ĭ sŭ giù gì uâ? (Mk. 8: 12.)

11. Ià-Sŭ cék-káik bô kộ diê ôi-chéu? (Mk. 8: 13, 22.)

12. Sŭk ĭ lộh hŭ-uái sŭ hềng gì sìng-cek. (Mk. 8: 22—26.)

III DÂUNG. Bī-dáik Nềng Ià-Sŭ. Mt. 16: 13—20. Mk. 8: 27—30. Lg. 9: 18—21.

13. Dậ nê huòi kộ báek huồng hiók sék buóh gáu Găi-sák-lé-ā Pì-lĭk-bī sì-hâiu Ià-Sŭ muóng ĭ muòng-sềng sié-nộh? (Mt. 16: 13.)

14. ĭ-gáuk-nềng ciông-iông éng? (Mt. 16: 14.)

15. Ià-Sŭ dậ nê huòi muóng ciā uâ, Bī-dáik ciông-iông éng? (Mt. 16: 15, 16. Gĭng-dậ-mặk.)

16. Bī-dáik dềng-nề ậ hiêu-dék ciông-uâng éng? (Mt. 16: 17.)

IV DÂUNG. Ià-Sŭ Ậu-ngiông ĭ Gì Sī Liềng Bô-uăk. Mt. 16: 21—28. Mk. 8: 31—9: 1. Lg. 9: 22—27.



17. Ià-Sũ dǎng kī-chiū gâeng Ĩ muòng-sěng gōng sié-nộh lāung Ĩ buōng-sing gì dái? (Mt. 16: 21.)

18. Bī-dáik tiǎng-giéng ciā uā cêu ciōng-iông gōng? (Mt. 16: 22.)

19. Ià-Sũ ciōng-iông dák-éng nǐ? (Mt. 16: 23.)

20. Ià-Sũ bô gōng gǔng Ĩ gì nệng diǎh sǎng-miéh-sék (Mt. 16: 24, buôi)? Káik-gī gǔng Ià-Sũ sê sié-nộh é-séu?

21. Sêu-lé-pĩ-nà-gĩ gì cũ-niòng-nệng ciōng-iông hiēng-mìng ĩ séng Ià-Sũ? Iù ĩ lậ nguāi-nệng ậ dái sié-nộh gáu-hóng?

22. Lộh Mt. 16: 25 sū gōng, bō sěng-mēng liềng sék sěng-mēng, sê sié-nộh é-séu?

23. Cī siǎh kuó gá nù-gáuk-nệng gōng sěng-mēng sê niǎh bō-buói, lịng-hùng iā sê niǎh bō-buói? (Mt. 16: 26, buôi.)

24. Ciōng buōng kuó sū lāung Ià-Sũ gǐng-guó gì diô-tiàng siǎh iông siǎh iông bìng dù lậ cī chók, liềng sǔk diǎh gáuk ôi-chéu sū ngêu gì dái.



Séng-Gĭng Ũng-sĭk Gì Muóng.

1. Dǒng sĕk-nê ciĕ-puái buǒng Giă-nàng gì dē sì-hâu, Chŭi-lò sê sŭk diǒh diê siǒh ciĕ-puái (Ic. 19: 24—29)?

2. Diê siǒh ciáh uòng sâi neng kó Chŭi-lò uòng Hĭ-làng méng-sèng giù ĩ bǒng-câe sié-nộh (1 L. 5: 2—8)?

3. Chŭi-lò uòng ciǒng-iông cŭng ĩ sŭ giù gì, lièng gâeng ĩ lĭk sié-nộh iók (1 L. 9: 11—14)?

4. Iù-tái neng lǒh Bă-bĭ-lùng bǒng diông lì ĩ-hâu, cêu lǒh Chŭi-lò mǎ sié-nộh (Isl. 3: 7)?

5. Chŭi-lò gì báh-sáng ciǒng-iông ĩng Iù-tái báh-sáng huâng Siông-Dạ siǒh dêu gì lŭk-gái (Nh. 13: 16)?

6. Siĕng-dĩ ệu-ngiòng Chŭi-lò buǒh ciǒng-iông sêu huăk (Isg. 26: 2—4, 21)?

---

DẠ XXIII KUÓ.

Lâung Ià-Sŭ Siông Sǎng Biéng-huá, Lièng Diông Giă-báik-nùng Gì Dâi.

Mt. 17, 18 lǎng ciǒng. Mk. 9: 2—50. Lg. 9: 28—50.

GĪNG-DẠ-MĚK. Gì-dō sì-hâu, Ià-Sŭ ụng-mâu biéng gáuk-iông, ĩ-siòng bǎh siók-siók chāng-lǎng guǒng, ô lǎng ciáh neng



gâeng Ià-Sũ gōng-uâ, cêu sê Mò-să, Ī-lé-ā, cī lāng ciáh diōh ĩng-guōng lā chók-hiêng, lāung Ià-Sũ buōh sī lōh Ià-lô-sák-lēng gí dâi. (Lg. 9: 29—31.)

Séng-Gĩng lōh bǎng lā tĕk. Lg. 9: 28—36.

Séng-Gĩng Nĭk Kuó.

Bái-ék, Mt. 17: 1—23.

Bái-sé, Mk. 9: 2—13.

Bái-nê, Mt. 18: 1—20.

Bái-ngô, Mk. 9: 14—32.

Bái-sǎng, Mt. 18: 21—35.

Bái-lĕk, Mk. 9: 33—50.

Lā-bái-nĭk, Lg. 9: 28—50.

**KUÓ-GĀI.** Lāung Ià-Sũ Diōh Háik-muōng Sǎng.

Séng kuó sū lāung gí dâi hâu siōh lā-bái, Ià-Sũ dái Bī-dáik, Ngā-gáuk, Iók-hâng siōng kó gèng sǎng gí-dō, ciā sǎng hĕk-chiā sê Háik-muōng sǎng. Gí-dō si-hâu Ià-Sũ biéng-huá Ī méng chiōng nĭk-táu ậ dǎng nĕng. Ī ĩ-siōng cháng-lāng-guōng, tiēng siōng gí ĩng-guōng kuáng-ti ciéu Ī. Bô ô lāng ciáh nĕng gâeng Ī cǎ chók-hiêng, cêu sê diōng lŭk-gái gí Mò-să liēng siēng-dĩ Ī-lé-ā, cī lāng ciáh gâeng Ià-Sũ gōng-lāung Ià-Sũ buōh lōh Ià-lô-sák-lēng sêu sī gí dâi. Ô ĩng-guōng gí hùng ciǎ ĩ-gáuk-nĕng. Bô ô Siōng-Dá gí siǎng-ĭng, iù hùng lā chók lĭ gōng, Cī siōh ciáh sê Nguāi Ái-Cū, nŭ diōh tiǎng Ī. Muōng-sēng káng ciā ĩng-guōng cêu duái giǎng, pók lōh dē-dǎu, méng ciā lā. Gáu hùng tòi kó guōng muô kó si-hâu muōng-sēng bô ngiǎk kī tau, káng mò bĕk-nĕng, nâ lā Ià-Sũ diōh lā, Ià-Sũ cêu ǎng-ói Ī muōng-sēng gí sǎng, mēng Ī mōh



ciông sū giéng gì dái gâeng neng gōng, diōh dīng gáu  
 Ĩ iú sī bô-uāk ciáh ậ gōng-dék.

Gáu tiēng guōng gáuk-neng cêu lōh sǎng, giéng diōh  
 siōh iông gì dái, bī sǎng lā sū giéng gì duái gáuk-iông.  
 Ô sậ neng ùi lā, káng siōh ciáh huàng gūi gì niê-giāng.  
 Muòng-sēng mọ dǎng-dōng dǎk ciā siá-gūi, tẹk-cũ-neng  
 giéng ĩ mọ dǎng-dōng dǎk cêu duái huàng-hī. Gáu  
 Iá-Sū gēung sēng, siá-gūi cêu páek ciā niê-giāng siōh-  
 sīng kī ciéng, dō dē-dǎu chiǎ-chiǎ-diōng. Ciā niê-giāng  
 gì nòng-má cêu giú Iá-Sū muók ĩ. Iá-Sū gâeng ĩ gōng,  
 Nū iōk-sū nâ ô séng cêu huàng dái dũ ậ siáng. Ciā  
 niê-giāng gì nòng-má cêu duái siǎng gáe gōng, Ciō ā,  
 nguāi gì séng muôi chīng, giú Nū cǎe nguāi. Iá-Sū  
 cêu dǎk ciā gūi chók kọ, muók hō ciā niê-giāng.

Iá-Sū báek-sié gì diô-tiàng gáu ciā si-hâu ĩ-gīng uòng  
 lāu, cêu diōng Giǎ-báik-nung giéng-gáek iú biēng-huá  
 nôi-sīng giáng dáik Séng-Sing gì neng-līk. Lōh cũ-uái  
 Iá-Sū bô hēng siōh siông sing-cék, cêu sê mēng neng  
 kũi ngự gì chíi dáik ngựng sé ciēng. Iá-Sū kék hō  
 gì uá gá Ĩ muòng-sēng kiēng-hũ gì độ-lī liēng cáik-bê  
 ĩ ing-ôi gáuk-neng ọi cộ duái.

#### Ứng-sīk Gì Muóng.

1. Nù-gáuk-neng lōh cī gūi kuó sū tẹk lāung Iá-Sū lōh Gǎ-  
 lé-lé diòng độ, sê sūk diōh diē siōh huòi?
2. Gōng cī siōh huòi  
 gì-dǎng gūi-iông iéu-gīng gì dái.
3. Cī siōh huòi dái-mọ gâeng  
 sēng lāng huòi ô sié-nộh gáuk-iông?
4. Siông kuó lāung sié-



nộh? 5. Sũk siông kuó sũ lăung Ià-Sũ gì diô-tiàng, ciéu chéu-sêu năng ciā dê-miàng, liêng sũk lặh mũ-chéu, mũ-chéu, sũ ngêu gì dăi. 6. Bĩ-dăik mìnng nêng sié-nộh? 7. Ià-Sũ gâeng Ī muông-sẻng gông sié-nộh lăung gặng Ī? 8. Lăung nẻng gì sẻng-mẻng gâeng lỉng-hùng niỏh bặ-buói Ià-Sũ ciẻng-iông gông? 9. Buông kuó lăung sié-nộh? sié-nộh Gỉng-dặ-mẻk?

I DĂUNG. Ià-Sũ Biẻng-huá. Mt. 17: 1—13. Mk. 9: 2—13. Lg. 9: 28—36.

91 CIÓ-GĂI. Ới mìnng-bẻk cĩ siỏh iông iéu-gỉng gì cỉng-hỉng diỏh kăng ĩ-siông sũ ĩng cĩ sảng ôi-chéu gì Sẻng-Gỉng.

1. Bĩ-dăik nẻng Ià-Sũ hăiu gũi nỉk, Ià-Sũ dăi Bĩ-dăik, Ngă-găuk, Iók-hâng kộ sié-nộh ôi-chéu, cộ sié-nộh? (Lg. 9: 28.)

2. Sũk Ià-Sũ lặh hũ-uái ụng-mău biẻng-uâng gì dăi: (Lg. 9: 29. Mt. 17: 2. Mk. 9: 3.)

3. Diẻ-nẻng lỉ gâeng Ī gông-uả? (Lg. 9: 30.)

4. Ī gông lăung sié-nộh? (Lg. 9: 31.)

5. Ngêu diỏh ciā dăi si-hăiu sẻ diỏh nỉk-dẻng hẻk sẻ mảng-buỏ? (Lg. 9: 32.)



6. Bī-dáik ọi cộ sié-nộh liềng ciông-gì nỉ? (Lg. 9: 33. Mk. 9: 5, 6.)

92 CIÓ-GĀI. Bī-dáik gōng pùng-lèu, é-sèu cêu sê cī chéu-ngâ sū dát gì lèu.

7. Siông-Dạ cī siõh sì ệung sié-nộh gì-dẻk gì huợng-huák céng-giéng Ià-Sũ sê Siông-Dạ Cũ? (Lg. 9: 34, 35. Mt. 17: 5.)

8. Sèu-dù ỉng ciā dâi cêu biềng sảng-miẻh-sẻk, Ià-Sũ cêu ciông-iông cộ? (Mt. 17: 6—8.)

9. Lẻh sảng sì-hâiu Ià-Sũ hửng-hó ĩ muông-sẻng sié-nộh uâ? (Mt. 17: 9.)

II DĀUNG. Ciā Huâng-gũi Gì Niẻ-giảng. Mt. 17: 14—20.  
Mk. 9: 14—29. Lg. 9: 37—43.

III DĀUNG. Ià-Sũ Bô ệu-ngiờng ĩ Gì Sỉ Gâeng Bô-uảk.  
Mt. 17: 22, 23. Mk. 9: 30—32. Lg. 9: 43—45.

10. Sủk Ià-Sũ gáu sảng kả sū hẻng gì sỉng-cẻk. (Mt. 17: 14—18. Mk. 9: 14—27.)



11. Báh-sáng giéng ciā dâi cêu sǎng-miéh-sék? (Lg. 9: 43.)

12. Téng Gǎ-lé-lé diōng lì sì-hâiu, Ià-Sū bô gâeng sĕk-nê muòng-sĕng gōng sié-nộh? muòng-sĕng tiǎng ciā uâ sĭng sǎng-miéh-sék? (Mt. 17: 22, 23.)

IV DÂUNG. Bô Gáu Giǎ-báik-nùng Iù Ngụ-chóit Lā Dáik Ngụng-cièng. Mt. 17: 24—27. Mk. 9: 33.

V DÂUNG. Lâung Kiĕng-hŭ Lièng Siá-cội. Mt. 18 ciōng. Mk. 9: 33—50. Lg. 9: 46—50.

13. Chiāng sŭk Ià-Sū bô gáu Giǎ-báik-nùng sū hèng gì sĭng-cék? (Mt. 17: 24—27.)

93 CIÓ-GĀI. Bìng Iù-tái nệng gì liê, huàng nàng-dĩng muōi nièng dŭ diōh nǎk séng-dâing gì suói iók-liők chék gáek, cộ séng-dâing gì ệung-hié (C. 30: 11—15.) Ià-Sū gâeng Bī-dáik gōng ĩ sê Siông-Dạ gì Giāng, kō-ī ậ miēng-dék nǎk ciā suói nâ ĩng-ôi nệng ậ nghiê-lâung gó-chŭ iâ gǎng-nguông.

14. Kộ Giǎ-báik-nùng sì-hâiu, lộh diô-dōng muòng-sĕng cǎng-lâung sié-nộh? (Mk. 9: 33, 34.)

15. Cáik-bê ĩ-gáuk-nệng sì-hâiu Ià-Sū gâeng ĩ gōng, Ới diē tiēng-guók gì nệng diōh sǎng-miéh-sék? (Mt. 18: 2, 31. buôi



15. Cáik-bê ĩ-gáuk-nèng sì-hâu Ià-Sũ gâeng ĩ gōng, Ới diē tiēng-guók gì nèng diōh sǎng-miēh-sék? (Mt. 18: 2, 3 buôi.)

16. Ià-Sũ gōng, Lōh Ī guók lậ diē-nèng sê duái? (Mt. 18: 4.)

17. Ià-Sũ bô ciōng-iông gōng-lâung hâi nèng huâng-cội gì nèng? (Mt. 18: 6, 7.)

18. Ià-Sũ gōng nèng ới miēng-dék cộ dâng diōh ciōng-iông káik-gī? (Mt. 18: 8, 9; Mt. 5: 29, 30.)

19. Bô gōng Gĩ-Dók-dù diōh siá nèng gì cội niōh-uái huòi? (Mt. 18: 21, 22.)

Gáu-hóng Cūng Muóng.

20. Ciōng-gì Ià-Sũ ciā sì-hâu éng-gǎi dáik diōh ciā biēng-huá, sǎi Ī gáing ô nèng-lĩk? (Mt. 16: 21.)

21. Mò-sǎ gâeng Ī-lé-ā lōh sǎng lậ biēng-huá ìng-iêu chók-hiēng, ậ gá nguāi-nèng sié-nộh lâung hâu-lài gì dái? (Mt. 18: 3.)

22. Gǎi-biēng lậng cê ciōng-iông siók? (Mt. 18: 3.) Nèng nâ muôi kέ-siá gủi-ciáng ciōng-gì mọ dǎng-dǎng diē tiēng-guók?

23. Gĩ-Dók-dù diōh sǎng-miēh-sék chiông niē-giāng?

24. Ià-Sũ ệụng sié-nộh bī-ệụ gōng mìnng nèng gǎi-dǎng diōh sǎng siá-cội (Mt. 18: 23—35.)? Chiāng sǎk ciā bī-ệụ.



Séng-Gǐng Ũng-sĭk Gì Muóng Mò-să Gâeng Ī-lé-ā.

1. Diê-nệng tá Mò-să hộ miàng-cê, ciā miàng sê sié-nộh é-séu (C. 2: 10)?
2. Ī ciông-iông dáik ĩ hők-ông (Sd. 7: 22)?
3. Mò-să ciông-iông gēng-děk siōh iông gĭk duai gĭ dai (Hbl. 11: 24—26)?
4. Siông-Dạ ciông-iông cōng-dâeng ĩ bĭ běk-nệng gó duai (C. 33: 11)?
5. Ciông-gĭ Mò-să chĭng cộ diông lŭk-huák gĭ nệng (Ih. 1: 17)?
6. Ciā ôi-chéu sū gōng gĭ lŭk-huák sê cĭ sié-nộh lŭk-huák?
7. Mò-să niōh-uai huói sĭ kộ, ciông-iông muài-cáung, liềng muài-cáung lộh dệng-nệ (Sm. 34: 5—7)?
8. Nguāi-gáuk-nệng hiêu-dék Ī-lé-ā, tàu siōh-iông gĭ dai sê sié-nộh (1 L. 17: 1)?
9. Dōng gĭ-huống sĭ-hâu Siông-Dạ ciông-iông ciéu-gó ĩ (1 L. 17: 2—16.)?
10. Ī-lé-ā, ciông-iông cĭ-sê báh-sáng hiêu-dék Ià-Huò-Huà sê cĭng gĭ Siông-Dạ (1 L. 18: 20—40)?
11. Siông-Dạ ciông-iông ciék Ī-lé-ā siông-tiềng (2 L. 2: 1—11.)?

---

### DẠ XXIV KUÓ.

Lâung Chiũ Gié Siông Ià-lô-sák-lēng, Ih. 7: 8 ciông ciông.

GĪNG-DẠ-MỆK. Ià-Sũ éng gōng, Nguāi độ-lĭ ng sê Nguāi buōng-sĭng gĭ, sê iù chặ-kiềng Nguāi gĭ. Nệng nâ kĭng bìng



Ī gí cī-é cêu hiêu-dék sê iù Siông-Dá lā lì, hĕk-sê iù Nguāi cê-gă gōng gí. (Ih. 7: 16, 17.)

Séng-Gĭng lōh bǎng lā tĕk. Ih. 7: 14—30.

Séng-Gĭng Nĭk Kuó.

Bái-ék, Ih. 7: 1—24.

Bái-sé, Ih. 8: 12—24.

Bái-nê, Ih. 7: 25—44.

Bái-ngô, Ih. 8: 25—41.

Bái-sǎng, Ih. 7: 45—8: 11.

Bái-lĕk, Ih. 8: 42—59.

Lā-bái-nĭk, 1 Ih. 3: 7—24.

KT Ó-GĀI. Lāung Táu-huòi Ọi Niáh Iá-Sū Sāi Siōh Cōh Ī.

Lāung Iá-Sū lōh Gă-lé-lé sū cộ gí gĕng-hŭ, cŭ lā nâ gé gáu cŭ-uái. Nâ muôi liê ciā sĕng si-hâu, táu-dā mọ cái lì, Iá-Sū bô siông Iá-lô-sák-lĕng siōh huòi. Ciā si-hâu sê Dióng-mők Cáik, cêu sê Ī muôi déng sĕk-cê-gá sĕng ngô gā nguock nĭk. Gâeng Iá-Sū siōh bōng gí nĕng ng sĕng Ī gí uâ, páek Iá-Sū siông Iá-lô-sák-lĕng siū cái, lōh hŭ-uái hiĕng-mĭng Ī sê Mī-Suói-Ā. Nâ Iá-Sū gâeng ĩ gōng, Nguāi si-hâu muôi gáu. Gáu hâu Iá-Sū táu-dáik siông kộ siū cái, sák-bók-diông-si lōh huòi-dòng lā gáu-hóng. Iù-tái guǎng-hŭ dŭng-mĕu ọi chŭ-dê Ī si, cêu sái chă-iǎh kộ niáh Ī. Nâ chă-iǎh tiǎng Iá-Sū sū gōng gí-dĕk gí uâ, cêu kĕng-chiū diông-lì, gōng, Cŭng-lái muôi ô nĕng gōng-uâ chiông ciā nĕng siōh-iông. Iá-Sū nĭk-nĭk gáu-hóng ô sậ nĕng ciông-sĭng tiǎng Ī. Ī chĭng Ī buōng-sĭng cộ sĕng-mĕng gí Cui, sĕu kĕuk huáng gí-kák lì Ī lā gí nĕng. Bô chĭng Ī buōng-



sing có sié-găng gì Guồng, lièn géng-hū gōng, huáng kīng sêu-năk Ī độ-lī gì nệng ậ tuák-liê cội-áuk gì buồh-sók. Dồng Ī ching buông-sing có Siông-Dạ Cū si-hâu lộh Ī sing-biêng gì nệng sing gáing sái-sáng, chiū niềng siồh buồh cộh Í. Ī gáu-muôi ô tuák-liê gáuk-nệng gì chiū, liê huôi-dòng tời kó.

Ũng-sik Gì Muóng.

1. Ià-Sũ lộh Gă-lé-lé diòng độ gệung-cūng buồng có săng huôi, chiăng nằng cī săng huôi. 2. Siồh huôi siồh huôi iók-liők ô niồh òng? 3. Tàu huôi kī-tàu ô sié-nộh dái? Sák-muôi ô sié-nộh dái? Nê huôi nĩ? 4. Chiăng sũk Ià-Sũ cệu sêu sạ-lạ gáu siông săng biêng-huá, gì-dựng dái-kái gì cìng-hìng? 5. Sũk biêng-huá gì cìng-hìng. 6. Lộh săng si-hâu, Ià-Sũ hềng sié-nộh sìng-cék? 7. Diông Giă-báik-nùng si-hâu hềng sié-nộh sìng-cék? 8. Ià-Sũ gōng diồh tiềng-gnók diê-nệng sáung sê dạ ék duái? 9. Ī ciồng-iông lầung siá-cội gì độ-lī? 10. Buông kuó lầung sié-nộh? Sié-nộh gừng-dạ-mẻk?

I DÂUNG. Ià-Sũ Lộh Dióng-mỏk Cáik Si-hâu Ih. 7: 1—52.

1. Cáik-gĩ buồh gệung si-hâu, Ià-Sũ siồh bống gì nệng páek Ī có sié-nộh? (Ih. 7: 2—5.)

2. Ià-Sũ ciồng-iông éng? (Ih. 7: 6—8.)

4. Dồng cáik-gĩ si-hâu Ī ciồng-iông hiềng lộh cệung-nệng méng-sềng? (Ih. 7: 14.)



5. Ià-Sũ gōng nệng diõh sǎng-miéh-sék ciáh ậ hiêu-dék Ĩ gáu-hóng sê iù Siông-Dá lậ lì? (Ih. 7: 16, 17, Gĩng-dạ-mặk.)

6. Báh-sáng muóng sié-nộh lậung Ià-Sũ? (Ih. 7: 25, 26.)

7. Ià-Sũ gì siù-dĩk páh-sáung ciõng-iông hâi Ià-Sũ, gáu-muôi ô sié-nộh giék-guõh? (Ih. 7: 32, 45, 46.)

8. Gáu cáik-gĩ muôi-nĩk, Ià-Sũ chiāng diê-nệng lậ Ĩ lậ? (Ih. 7: 37.)

94 CIÓ-GĀI. Bìng Iù-tái nệng gì gáu cáik-gĩ duai nĩk-cĩ cêu sê dạ báik nĩk. Céụng cié-sĩ bìng chéu-séu dò cũi diê séng-dáing, báh-sáng gặng â-dâu cà-cà huǎng-hĩ, hặk-chiā sê gé-niêng hiā nĩk lộh Hậ-liẻk sǎng ệụng tiông páh lậng-tậng, sǎi cũi lậu chók gì dâi (C. 17: 1—7.) Hậ chiông gáuk-nệng hềng ciā lậ sậ-hậu, Ià-Sũ cêu gōng ciā sềng-mềng cũi gì độ-lĩ.

9. Hiā sậ-hậu céụng-nệng dậng-lậung Ià-Sũ gì sểng-é ciõng-iông bók-dùng? (Ih. 7: 40—43.)

95. CIÓ-GĀI. Ih. 7: 53—8: 11, cĩ siõh cẻk sũ gōng gì dậi-giẻ, ĩ cậ-cậ gì cũi muôi gé, gỏ-chũi lộh Lậ-mả-cẻ Sểng-iỏk gì cũi ô sǎi ciā hậ [ ].



DẬ II DÂUNG. Lâung Sié-gǎng Gì Guồng. Ih. 8: 12—30.

10. Ià-Sū bô gâeng báh-sáng gōng độ sì-hâu, ĩ ciōng-iông gōng lâung ĩ buōng-sǐng? (Ih. 8: 12, buôi.)

96. CIÓ-GĀI. Dǒng cáik-gǐ sì-hâu, séng-dǎing dạ-ék ciēu iâ ô siōh buǒ dǐng diēng cháng-lâng-guồng, hẹk-chiā Ià-Sū cêu sê lǒh diēng dǐng hiā sì-hâu gōng ĩ buōng-sǐng sê sié-gǎng gì guồng. Iâ ô nệng gōng, Diēng dǐng gì lậ sê gé-niēng cā-niềng lǒh kuōng-iā, dáik huôi têu gì guồng, ĩng-dộ báh-sáng. (C. 13: 21, 22.)

11. Gâeng Huák-lé-suói nệng gōng độ sì-hâu, Ià-Sū ciōng-iông gōng ĩ cê-gǎ buóh sī gì dâi? (Ih. 8: 21.)

12. Ià-Sū gōng ĩ buōng-sǐng gâeng ĩ-gáuk-nệng ô sié-nộh gáuk-iông? (Ih. 8: 23.)

13. Ià-Sū gōng ĩ-gáuk-nệng ĩng sié-nộh ô nguì-hiēng, ciōng-gì ô ciā nguì-hiēng? (Ih. 8: 24.)

III DÂUNG. Lâung Nội-sǐng Dáik Cệu-iù. Ih. 8: 31—59.

14. Ià-Sū gâeng gì-dựng séng ĩ gì nệng gōng sié-nộh? (Ih. 8: 31, 32.)



15. Ĩ-gáuk-nẹng ciǒng-gì gōng ng sǎi nẹng bóng ĩ kó? (Ih. 8: 33.)

16. Ià-Sũ gōng ĩ-gáuk-nẹng sê diê-nẹng gì nù-chài? (Ih. 8: 34.)

17. Dũk-dũk diê-nẹng ậ sǎi ĩ liê cội-áuk gì buǒh-sók? (Ih. 8: 36.)

18. ĭng-ôi Ià-Sũ ciǒng-iông gōng-lâung Ā-báik-lǎk-hāng, Iù-tái nẹng gǎ-buôi hieng Ĩ? (Ih. 8: 56, 57.)

19. Ià-Sũ bê ẹụng sié-nộh uâ dák-éng ĩ? (Ih. 8: 58.)

97 CIÓ-GĀI. Cĩ siǒh cěk gì é-sẹu sê gōng muôi ô Ā-báik-lǎk-hāng ĩ-sèng, Ià-Sũ cêu diǒh lặ lâu, ciǒng-uāng gōng ậ biēng-mìng Ĩ buōng-sǐng sê ù-sũ ù-cụng. (Ih. 1: 1.)

20. Iù-tái nẹng cêu sǎi-sáng páh-sáung ciǒng-iông hái Ià-Sũ? (Ih. 8: 59.)

Gáu-hóng Cūng Muóng.

21. Dióng-mỗk-cáik sê sié-nộh cáik? Sê gé-nieng sié-nộh? Ciǒng-iông siũ ciā cáik?

22. Bẻk ôi-chẹu gó ô ciǒng-iông lâung Sẻng-mẻng Cũi? (Ih. 4: 14. Ms. 21: 6. 22: 17.)



23. Lặh Ih. 1: 4, 9, Gĩ-Dók bô chĩng cộ sié-nộh? Gĩ-Dók ciống-gì gáung-sẻng? (Ih. 12: 46.)

24. Chiāng gōng gūi-iông gì ngài ậ sãi nệng biẻng cộ cội-áuk gì nù-chài. Cĩ siốh đẻng gì nệng diốh ciống-iông cộ ciáh ậ dáik cệu-iù?

### Sẻng-Gĩng Ủng-sĩk Gì Muóng.

Chiāng gōng mìng ĩ-ha siốh iông siốh iông gì dái, sê cái diốh sié-nộh cũ, sié-nộh ciống ciẻk.

1. Lâung ciā guǎng-hū giāng gì dái?
2. Tầu-chệu diốh Nā-sák-lẻk kẻuk nệng iẻng-kẻ?
3. Diốh Bẻk-tū-dái diẻ-biẻng gì bāng nệng?
4. Siông sǎng gáu-hóng?
5. Lặh Nā-ỉng gẻu guā-hô gì giāng bô-uǎk?
6. Lặh Huák-lẻ-suói nệng Sẻ-muóng gì chió ệụng iù dù Ià-Sử?
7. Lâung Sẻng-mẻng gì Biāng?
8. Lặh Gẻ-lẻ-lẻ diòng độ sị-haiu Ià-Sử gớ ô cộ sié-nộh, nậ lặh siốh buōng Hók-ỉng cũ lậ?
9. Lâung biẻng biāng kẻuk ngô chiẻng nệng siáh bā gì dái, lặh gūi buōng Hók-ỉng ô gẻ? Gớ ô Ià-Sử lặh Gẻ-lẻ-lẻ sị-haiu sū cộ gì dái ô gẻ cĩ sậ huòi mặ?
10. Cĩ siốh huòi diốh Gẻ-lẻ-lẻ diòng độ gì dái, diốh sié-nộh Hók-ỉng gẻ dậẻk sậ?
11. Diẻ siốh buōng Hók-ỉng cũ gẻ ciā dái dậẻk liẻng-guáng?







HARVARD-YENCHING LIBRARY  
HARVARD UNIVERSITY  
2 DIVINITY AVENUE  
CAMBRIDGE, MASS. 02172

LIBRARY A.B.C.F.M.

2.